BẢN TIN THÔNG TIN

Lý luận & Thực tiễn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN



- VẬN DỤNG TINH THẦN KẾT LUẬN SỐ 58-KL/TW, NGÀY 26/6/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

- YÊU CẦU TỔ CHỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN GẮN VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẠT CHUẨN MỨC 2

THÁNG 9
2026



PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng phát biểu kết luận tại Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và triển khai phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026



Cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh tham dự trực tuyến Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XIV



Chịu trách nhiệm xuất bản
PGS, TS PHẠM VIỆT ĐỨC
Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

Hội đồng Biên tập

PGS, TS PHẠM VIỆT ĐỨC
TS NGUYỄN PHÚC ÁI
ThS ĐẶNG THỊ KIM OANH
ThS ĐỖ TÀI
ThS NGÔ THỊ HỒNG NHUNG
ThS NGUYỄN VĂN TUẤN
ThS NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY
ThS VŨ MẠNH HÀ
ThS CÙ THỊ THU TRANG
TS LÊ MINH HƯỜNG

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Trụ sở: số 330/1, đường Bắc Kạn,
phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 02083.757.284
Fax: 02083.752.295

Giấy phép xuất bản số 92/GP-XBBT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10 tháng 3 năm 2026. In 200 cuốn khổ 19x27cm, tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Tiên Phong. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2026.

Bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

MỤC LỤC

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO - CHỈ ĐẠO

❖ **PGS, TS Phạm Việt Đức:** Vận dụng tinh thần Kết luận số 58-KL/TW, ngày 26/6/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW trong xây dựng Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong sạch, vững mạnh và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên 3

❖ **ThS Đỗ Tài:** Yêu cầu tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn gắn với nhiệm vụ xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2 9

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

❖ **ThS Ngô Thị Hồng Nhung:** Những điểm mới trong Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 07/8/2026 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.....14

❖ **ThS Cù Thị Thu Trang**: Tầm vóc và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ mới - Liên hệ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên 17

❖ **ThS Nguyễn Việt Hòa**: Giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên 20

❖ **TS Lê Minh Hường:** Bảo đảm quyền lợi, sinh kế của người dân và quản lý rủi ro môi trường trong triển khai tuyến cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng dưới góc nhìn phản biện xã hội.....24

❖ **ThS Nguyễn Thùy Dương:** Giá trị lý luận và thực tiễn qua tác phẩm "Đời sống mới" của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay 27

❖ **ThS Nguyễn Thị Giang:** Phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đáp ứng yêu cầu kỷ nguyên mới. 30

❖ **ThS Lục Thị Minh Phương**: Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên với liêm chính trong nghiên cứu khoa học 33

❖ **ThS Đàm Thùy Dương:** Phát triển con người Thái Nguyên theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW - Yêu cầu trong kỷ nguyên mới. 36

❖ **ThS Hoàng Công Tuấn:** Xây dựng hệ sinh thái tri thức số trong Thư viện Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên 39

❖ **ThS Ma Thị Hồng Minh:** Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu quản trị xã hội hiện đại và xây dựng "trật tự tự thân". 43

❖ **TS Trần Huy Ngọc:** Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị trong các trường chính trị hiện nay 46

❖ **CN Đào Thị Vân:** Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - Động lực góp phần phát triển Thái Nguyên trong kỷ nguyên mới 49

❖ **ThS Nguyễn Thị Thuý Hằng:** Cán bộ, đảng viên nâng cao "tính đảng" trong kỷ nguyên mới. 51

❖ **TS Nguyễn Thị Thu Thơm:** Đổi mới phương thức hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. 54

❖ **ThS Trần Thu Trang:** Tác động của đô thị hóa ở Thái Nguyên đến môi trường và yêu cầu đặt ra đối với quản lý nhà nước.....57

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

❖ **ThS Nông Thị Thanh Hường:** Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại xã Cẩm Giàng, tỉnh Thái Nguyên. 60

TIN TỨC - SỰ KIỆN

❖ **ThS Nguyễn Thị Hải Yến:** Sự kiện nổi bật tháng 8, tháng 9 năm 2026 tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên. 63

Ảnh bìa 1: Đồng chí PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng chụp ảnh lưu niệm với đại diện tập thể và các cá nhân của Nhà trường đạt giải cấp tỉnh Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Sáu, năm 2026

VẬN DỤNG TINH THẦN KẾT LUẬN SỐ 58-KL/TW, NGÀY 26/6/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

PGS, TS Phạm Việt Đức

Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Trong giai đoạn phát triển mới, yêu cầu tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức lãnh đạo, đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đặt ra đòi hỏi ngày càng cao đối với công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Kết luận số 58-KL/TW, ngày 26/6/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới (Kết luận số 58-KL/TW) tiếp tục khẳng định vị trí nền tảng của tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, Kết luận đặt ra yêu cầu chuyển mạnh từ củng cố tổ chức sang nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực quản trị và tổ chức thực hiện ở cơ sở; đổi mới phương thức lãnh đạo; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và đội ngũ đảng viên; tăng cường kiểm tra, giám sát, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, quán triệt và tổ chức thực hiện Kết luận số 58-KL/TW có ý nghĩa thiết thực, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đây là cơ sở để tiếp tục củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tinh thần đổi mới; qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và thực hiện mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2.

1. Thực tiễn và yêu cầu phát huy vai trò hạt nhân chính trị của Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên được thành lập theo Quyết định số 22-QĐ/ĐU, ngày 01/7/2025 của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh. Đảng bộ hiện có 63 đảng viên, sinh hoạt tại 05 chi bộ khoa, phòng trực thuộc; 02 chi bộ lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung, (khóa 61 và 62) với 61 đảng viên (sinh hoạt tạm thời); Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 04 đồng chí, Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 11 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy gồm 03 đồng chí. Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của Đảng bộ, các chi bộ trực thuộc được vận hành, kiện toàn theo quy định, hướng dẫn hiện hành của Trung ương.

Tính đến ngày 15/9/2026, tổng số cán bộ, viên chức của Trường là 64 người, gồm 57 người trong biên chế và 07 người hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. Trong đó, nam 19 đồng chí (29,7%), nữ 45 đồng chí (70,3%); giảng viên

trong tổng số biên chế là 51/57 người (89,5%). Đội ngũ giảng viên gồm 02 giảng viên cao cấp và tương đương (4%), 34 giảng viên chính (66,7%) và 15 giảng viên (29,3%). Về trình độ chuyên môn: PGS, TS 01/64 người (1,6%); tiến sĩ 09/64 người (14,1%); thạc sĩ 43/64 người (67,2%); đại học 06/64 người (9,4%); trung cấp, cao đẳng 05/64 người (7,8%). Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp 50/64 người (78,1%); trung cấp 05/64 người (7,8%); sơ cấp 05/64 người (7,8%).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên của Nhà trường có trình độ lý luận chính trị và chuyên môn cao; Đảng bộ duy trì sự đoàn kết, thống nhất trong nhận thức và hành động. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của chính quyền địa phương 2 cấp và mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2, Đảng ủy và Ban Giám hiệu tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đồng thời, nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định phương châm "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển", hướng tới nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; đẩy mạnh chuyển đổi số và phấn đấu xây dựng Trường đạt chuẩn mức 2 vào năm 2027.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ phải được thể hiện bằng kết quả cụ thể trên từng lĩnh vực. Trong đào tạo, bồi dưỡng, Đảng ủy thường xuyên quán triệt, định hướng nâng cao chất lượng giảng dạy, quản lý đào tạo, đổi mới phương pháp, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và phát huy tính tích cực của người học. Trong nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo hướng nhiệm vụ vào những vấn đề đặt ra từ thực tiễn phát triển của tỉnh, phục vụ trực tiếp công tác giảng dạy, tham mưu và cung cấp luận cứ khoa học. Trong xây dựng đội ngũ, chú trọng đồng thời bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu, kỹ năng sư phạm và năng lực số.

2. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

Trên cơ sở quán triệt tinh thần Kết luận số 58-KL/TW và bám sát chức năng, nhiệm vụ của Trường Chính trị tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường nhiệm kỳ 2025 - 2030, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy vai trò hạt nhân chính trị của các tổ chức đảng, gắn công tác xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. Trọng tâm là xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên có phẩm chất, năng lực và uy tín; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; tạo nền tảng chính trị, tổ chức và nhân lực để Nhà trường hoàn thành mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2. Trong thời gian tới, Đảng bộ Nhà trường tiếp tục thực hiện đồng bộ một số nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ủy, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ, gắn xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng khoa, phòng.

Đảng ủy tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng khoa học, dân chủ, sâu sát, rõ việc, rõ trách nhiệm và rõ kết quả; tập trung lãnh đạo những nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề khó, mới phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường. Các chủ trương của Đảng ủy phải được cụ thể hóa thành kế hoạch, kết luận phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng khoa, phòng; khắc phục tình trạng kế hoạch, kết luận chung chung, thiếu trọng tâm hoặc chưa gắn với sản phẩm cụ thể. Qua đó,

bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ủy được chuyển hóa thành những kết quả cụ thể trong từng lĩnh vực công tác của Nhà trường.

Các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Nhà trường phải thực sự phát huy vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn. Nội dung sinh hoạt chi bộ cần gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ được giao và những vấn đề thực tiễn đặt ra, trong đó xác định rõ những nhiệm vụ mà từng chi bộ phải tập trung lãnh đạo, tạo chuyển biến về chất lượng và hiệu quả công tác.

Đối với Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, tập trung lãnh đạo cán bộ, đảng viên thực hiện tốt chức năng tham mưu về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nâng cao chất lượng quản lý các lớp đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp quản lý đào tạo; đồng thời đẩy mạnh tham mưu, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Chi bộ cần lãnh đạo việc nâng cao chất lượng công tác tham mưu theo hướng chủ động, khoa học, kịp thời, bám sát yêu cầu thực tiễn của tỉnh và nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; chú trọng chuyển hóa kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn thành nội dung phục vụ giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng và tham mưu thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Đối với Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu, tập trung lãnh đạo thực hiện tốt công tác tham mưu về tổ chức bộ máy, tổ chức - cán bộ, công tác hành chính, quản trị Nhà trường, thi đua - khen thưởng, văn thư, lưu trữ, thông tin, tư liệu và các điều kiện bảo đảm hoạt động chung của Nhà trường. Chi bộ chú trọng lãnh đạo cán bộ, đảng viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản trị, điều hành và khai thác thông tin, tư liệu; bảo đảm công tác tham mưu, phục vụ được thực hiện kịp thời, chính xác, hiệu quả, góp phần xây dựng môi trường làm việc khoa học, nền nếp và chuyên nghiệp.

Đối với các chi bộ khoa chuyên môn, tập trung lãnh đạo đội ngũ giảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy các lớp đào tạo, bồi dưỡng; thường xuyên cập nhật, bổ sung những vấn đề mới từ thực tiễn vào bài giảng; đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, tư duy phản biện và khả năng vận dụng kiến thức của học viên. Đồng thời, lãnh đạo giảng viên tăng cường nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, biên soạn giáo trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của tỉnh và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; phối hợp chặt chẽ với các chi bộ phòng, nhất là trong công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động chuyên môn, bảo đảm sự thống nhất giữa công tác giảng dạy với quản lý đào tạo và yêu cầu thực tiễn.

Trong quá trình thực hiện các nội dung trên, cần thực hiện tốt công tác phối hợp, khắc phục tình trạng thực hiện nhiệm vụ theo từng bộ phận riêng lẻ. Sự phối hợp giữa các chi bộ phải hướng tới mục tiêu chung là nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu của trường Đảng trong giai đoạn mới.

Đảng ủy xác định xây dựng đội ngũ là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa trực tiếp đối với chất lượng thực hiện chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Nhà trường. Công tác xây dựng Đảng phải gắn chặt với công tác cán bộ, trong đó chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn sâu, năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và năng lực ứng dụng công nghệ số.

Nhà trường phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Hội

đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 quy định hỗ trợ kinh phí cho các nghiên cứu sinh là giảng viên của cơ sở đào tạo lý luận chính trị trực thuộc Tỉnh uỷ Thái Nguyên; hiện nay 03 cán bộ, giảng viên Nhà trường đang học nghiên cứu sinh, Nhà trường tiếp tục cử 08 giảng viên đi học nghiên cứu sinh, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, từng bước đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Nhà trường. Cùng với đó, tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chí về đội ngũ cán bộ, giảng viên theo yêu cầu Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2, phấn đấu không chỉ đạt mà từng bước vượt chuẩn đối với những tiêu chí có điều kiện thực hiện.

Bên cạnh đó, Đảng ủy luôn quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên kế cận; phát hiện, lựa chọn và bồi dưỡng cán bộ trẻ có năng lực, triển vọng; tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên được nghiên cứu thực tế, tham gia các hoạt động ở cơ sở, các đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm và các nhiệm vụ chuyên môn phù hợp. Qua thực tiễn công tác, từng bước hình thành đội ngũ giảng viên vừa vững vàng về lý luận chính trị, vừa am hiểu thực tiễn, có khả năng phân tích, khái quát và vận dụng những vấn đề thực tiễn vào bài giảng.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trung tâm của Nhà trường.

Đảng ủy tăng cường lãnh đạo đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp và hình thức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, gắn yêu cầu của chương trình đào tạo với những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh.

Phát huy vai trò của các chi bộ khoa, phòng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; nâng cao trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong chuẩn bị bài giảng, cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những vấn đề thực tiễn mới. Chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng giảng viên đồng giảng, giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới, phát huy tính chủ động, tư duy phản biện, năng lực vận dụng lý luận và khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn của người học.

Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện 02 mô hình điển hình cấp tỉnh/Học viện: Mô hình "Tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho công nhân trong tình hình mới" và mô hình "Tổ chức giảng dạy theo mô hình đồng giảng, giảng viên và học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới trong đào tạo Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới". Sau khi hoàn thành, sẽ đề nghị Tỉnh ủy, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xem xét, công nhận, nhân rộng. Đồng thời, Đảng ủy chỉ đạo các chi bộ khoa, phòng xây dựng 05 mô hình điển hình trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Việc xây dựng và triển khai mô hình, điển hình nhằm tạo bước chuyển rõ nét trong đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, góp phần hình thành môi trường học tập dân chủ, tương tác, sáng tạo, gắn lý luận với thực tiễn và phát huy vai trò chủ thể của cả giảng viên và học viên trong quá trình đào tạo.

Thứ tư, phát huy vai trò của Đảng bộ trong lãnh đạo nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh.

Đảng ủy lãnh đạo đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng thiết thực, gắn nghiên cứu với tổng kết thực tiễn và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tập trung nghiên cứu những vấn đề mới, vấn đề khó trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh.

Phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong nghiên cứu, khảo sát thực tiễn tại cơ sở; tăng cường phối hợp giữa các chi bộ khoa, phòng trong thực hiện đề tài, hội thảo khoa học, tọa đàm và các hoạt động tổng kết thực

tiễn. Khuyến khích, tạo điều kiện để giảng viên tăng cường viết và công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí, ấn phẩm khoa học có mã số ISSN, từng bước nâng cao chất lượng, tính chuyên sâu và giá trị khoa học của các công trình nghiên cứu. Đồng thời, chú trọng lựa chọn, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao, gắn với những yêu cầu thực tiễn đang đặt ra trong xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát triển đội ngũ cán bộ và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục triển khai, hoàn thiện 02 đề tài khoa học cấp tỉnh, gồm: "Đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã phù hợp chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên" và "Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá chất lượng bồi dưỡng và khung chương trình theo vị trí việc làm đối với công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên". Tập trung thực hiện bảo đảm tiến độ, nâng cao chất lượng nghiên cứu; khảo sát, đánh giá thực tiễn, hoàn thiện các sản phẩm khoa học theo yêu cầu; chú trọng khả năng áp dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Hằng năm, Đảng ủy lãnh đạo các chi bộ thực hiện 04 đến 05 đề tài và hội thảo khoa học cấp cơ sở; phối hợp và chủ trì từ 01 đến 02 hội thảo khoa học cấp tỉnh; tham mưu tổ chức hội thảo cấp quốc gia. Khuyến khích các chi bộ khoa, phòng, giảng viên chủ động phát hiện những vấn đề thực tiễn phát sinh, đề xuất hướng nghiên cứu mới; tăng cường các nghiên cứu liên ngành, nghiên cứu theo nhóm và gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

Kết quả nghiên cứu khoa học được chuyển hóa thành nội dung phục vụ bài giảng, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, các kiến nghị chính sách và những luận cứ khoa học phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh. Chủ động tham mưu, đề xuất, kiến nghị với tỉnh những giải pháp, cơ chế, chính sách phù hợp trên cơ sở kết quả nghiên cứu và tổng kết thực tiễn; từng bước nâng cao vai trò của Trường Chính trị tỉnh trong cung cấp luận cứ khoa học, tham mưu chính sách, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển của tỉnh.

Thứ năm, lãnh đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2.

Đảng ủy xác định xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2 là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt nhiệm kỳ 2025 - 2030, trong đó công tác xây dựng Đảng là một trong những nền tảng bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này. Các tiêu chí xây dựng trường chuẩn được cụ thể hóa thành nhiệm vụ của từng chi bộ, khoa, phòng và từng cán bộ, đảng viên; gắn tiến độ thực hiện tiêu chí với chương trình công tác của Đảng uỷ, các chi uỷ chi bộ và nhiệm vụ chuyên môn của Nhà trường.

Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các tiêu chí; xác định rõ những tiêu chí đã đạt, chưa đạt và những nội dung cần tập trung hoàn thiện. Đặc biệt, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện các tiêu chí còn thiếu, nhất là các tiêu chí liên quan đến đội ngũ cán bộ, giảng viên và cơ sở vật chất, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo yêu cầu xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2. Chủ động xây dựng lộ trình, xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, trách nhiệm của từng chi bộ khoa, phòng, từng cá nhân và thời gian hoàn thành đối với từng tiêu chí chưa đạt; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các chi bộ khoa, phòng tăng cường phối hợp, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2. Coi quá trình xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2 là quá trình không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện hoạt động của Nhà trường, từ tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ sở vật chất đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Kết quả thực hiện các tiêu chí trường chuẩn đồng thời là căn cứ đánh giá năng

lực lãnh đạo của tổ chức đảng và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên.

Phấn đấu hoàn thành đầy đủ các tiêu chí còn thiếu, từng bước củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, bảo đảm Trường Chính trị tỉnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được công nhận đạt chuẩn mức 2 theo mục tiêu đề ra; đồng thời duy trì, nâng cao chất lượng trường chuẩn một cách thực chất, bền vững, tạo nền tảng cho Nhà trường phát triển trong giai đoạn mới.

Thứ sáu, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kiểm tra, giám sát và xây dựng văn hóa trường Đảng.

Đảng ủy lãnh đạo đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và công tác xây dựng Đảng. Thành lập Tổ chuyển đổi số gồm một số giảng viên am hiểu về công nghệ thông tin, tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số; nghiên cứu đề xuất các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số của Nhà trường. Từng bước ứng dụng các nền tảng số trong quản lý đảng viên, theo dõi việc thực hiện nghị quyết, chương trình công tác, nhiệm vụ được giao; đồng thời khuyến khích cán bộ, giảng viên ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong xây dựng học liệu, thiết kế bài giảng, nghiên cứu khoa học và khai thác thông tin. Việc ứng dụng công nghệ gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, bản quyền và đạo đức học thuật.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, chi bộ; việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, quy chế làm việc và kỷ luật, kỷ cương của Nhà trường. Chuyển mạnh từ kiểm tra, giám sát khi có vấn đề sang chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và kịp thời chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót.

Xây dựng văn hóa trường Đảng trở thành một nội dung thiết thực của công tác xây dựng Đảng. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, phải gương mẫu về bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tác phong công tác, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ người học và thái độ ứng xử. Xây dựng môi trường Nhà trường dân chủ, đoàn kết, kỷ cương, chuyên nghiệp, nhân văn; đề cao văn hóa nghiên cứu, văn hóa giảng dạy và tinh thần trách nhiệm của người cán bộ trường Đảng.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần đưa tinh thần Kết luận số 58-KL/TW đi vào thực tiễn hoạt động của Đảng bộ Nhà trường. Qua đó, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2 vào năm 2027, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025 - 2030./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022), *Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*.

2. Bộ Chính trị (2026), *Kết luận số 58-KL/TW, ngày 26/6/2026 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.*

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (2026), *Quy định số 208-QĐ/TW, ngày 26/7/2026 về thi hành Điều lệ Đảng.*

4. Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên (2025), *Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030.*

YÊU CẦU TỔ CHỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN GẮN VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẠT CHUẨN MỨC 2

ThS Đỗ Tài
Phó Hiệu trưởng

Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn là một trong hai chức năng, nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống trường chính trị tỉnh, thành phố nhằm phục vụ giảng dạy, học tập, góp phần cung cấp luận cứ khoa học trong việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của đảng bộ, chính quyền địa phương. Đặc biệt, trong bối cảnh hệ thống chính trị cả nước đang quyết tâm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; việc các trường chính trị tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận không chỉ góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn của nhà trường mà còn từng bước khẳng định vị thế mới của mình với cấp ủy, chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay.

1. Yêu cầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên hiện nay

Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận của Nhà trường không chỉ là bảo đảm đúng các quy định của Trung ương, hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mà còn gắn với nhiệm vụ xây dựng Nhà trường đạt chuẩn theo Đề án số 27-ĐA/TU, ngày 29/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2 (Đề án số 27-ĐA/TU) vào năm 2027. Yêu cầu đặt ra đối với Nhà trường thể hiện ở một số nội dung cụ thể sau:

Một là, hoạt động nghiên cứu khoa học phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu theo yêu cầu trong bối cảnh mới.

Yêu cầu này đòi hỏi tập thể lãnh đạo, người đứng đầu từ Ban Giám hiệu đến các khoa, phòng phải nhận thức rõ hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trong bối cảnh hiện nay là một trong những nhiệm vụ chính thúc đẩy việc nâng cao chất lượng chuyên môn và góp phần tham mưu, đề xuất, tư vấn chính sách phù hợp với thực tiễn đặt ra cho cấp ủy và chính quyền địa phương. Đồng thời, đổi mới tư duy điều hành theo hướng kiến tạo và phân công nhiệm vụ theo phương châm "6 rõ" (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ sản phẩm - kết quả) trên tinh thần dân chủ, khách quan, đúng quy định. Lãnh đạo, quản lý không chỉ dừng ở phân công nhiệm vụ mà phải chuyển mạnh từ "quản lý hành chính khoa học" sang "quản trị tri thức", định hướng các công trình, đề tài sát với các khâu đột phá của tỉnh Thái Nguyên.

Để tổ chức triển khai, thực hiện Đề án số 27-ĐA/TU, ngay sau khi Đề án được ban hành, Ban Giám hiệu Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo (gồm tập thể lãnh đạo, trưởng các khoa, phòng), Tổ giúp việc thực hiện Đề án và phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền cho từng thành viên gắn với thời gian tiến độ hoàn thành; trong đó, việc thực hiện tiêu chí hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện. Cùng với những nội dung nhiệm vụ khoa học đã thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu, Nhà trường đang quyết tâm hoàn thành các chỉ

tiêu còn thiếu trong quý II/2027, cụ thể: Chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện các đề tài khoa học cấp tỉnh gắn với đó là báo cáo kiến nghị, tư vấn chính sách cho tỉnh; mô hình điển hình cấp tỉnh và cấp Học viện; mô hình điển hình cấp trường; xuất bản định kỳ bản tin "Thông tin lý luận và thực tiễn"; nâng cấp Trang thông tin điện tử tổng hợp kết nối liên thông với các cơ quan, đơn vị trong nước và các trường chính trị khác; triển khai kế hoạch cho đội ngũ giảng viên đăng ký các bài báo khoa học bảo đảm số lượng theo đúng yêu cầu ngạch giảng viên… Ngoài ra, chủ trì tham mưu xây dựng Đề án xây dựng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và hội thảo cấp quốc gia theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ khoa học được thống nhất trên tinh thần tôn trọng ý tưởng nghiên cứu mới, có sự định hướng sát thực tiễn địa phương đang gặp khó khăn, cần tháo gỡ điểm nghẽn. Đồng thời, yêu cầu về chất lượng, tiến độ gắn với áp dụng đánh giá trên cơ sở danh mục sản phẩm công việc và nhiệm vụ đăng ký của tập thể, cá nhân theo KPI hằng tháng, quý theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh; hằng tuần họp giao ban đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo phân công và vạch giải pháp hiệu quả cho các nhiệm vụ nghiên cứu theo kế hoạch đề ra.

Hai là, hoạt động nghiên cứu khoa học phải bảo đảm nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn và phục vụ hiệu quả công tác giảng dạy, học tập.

Các nhà kinh điển Mác - Lênin đã chỉ rõ "thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý". Chính vì vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ thực tế khách quan, nếu xa rời thực tiễn sẽ không đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn đặt ra. Theo đó, nội dung nghiên cứu khoa học của trường chính trị phải hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhiệm vụ giảng dạy, học tập nhằm không ngừng nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trong thời gian qua (từ năm 2023 đến nay), Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức triển khai nghiên cứu 05 đề tài khoa học cấp tỉnh (02 đề tài đang thực hiện), 36 đề tài cấp cơ sở (04 đề tài đang thực hiện), 02 hội thảo khoa học cấp bộ, 06 hội thảo cấp tỉnh, 33 hội thảo/tọa đàm cấp trường, xuất bản 06 sách chuyên khảo/kỷ yếu hội thảo, xuất bản 24 số bản tin "Thông tin Lý luận và thực tiễn", hàng trăm bài báo khoa học đăng trên Website của Nhà trường và các bản tin, tạp chí trong nước, tạp chí có mã số ISSN… chủ yếu phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tuy nhiên, vẫn còn có một số công trình nghiên cứu, bài viết chưa luận giải, minh chứng, phản ánh chân thực và sát thực tiễn, còn nặng về lý luận/kinh điển, tính khả thi của các giải pháp và khả năng ứng dụng chưa cao.

Ba là, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phải đề xuất được những kiến nghị, tư vấn chính sách sát thực, phù hợp cho đảng bộ và chính quyền địa phương.

Các đề tài, công trình nghiên cứu phải đề xuất, kiến nghị cung cấp luận cứ khoa học và tư vấn chính sách sát thực cho cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm góp phần tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn trong thực tế. Đối với nội dung này, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã tham gia ý kiến tích cực vào việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và trong công tác tổng kết thực tiễn đề xuất, tư vấn với địa phương… Tuy nhiên, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học hiện nay chủ yếu mới dừng lại ở dạng cung cấp thông tin, số liệu tham khảo hoặc dừng ở báo cáo tổng kết; chưa tạo dựng được nhiều báo cáo đề xuất, kiến nghị và tư vấn chính sách sắc bén, có giá trị dự báo cao để Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh "đặt hàng" thường xuyên.

Bốn là, hoạt động nghiên cứu khoa học yêu cầu đội ngũ cán bộ, giảng viên phải vừa có tâm

vừa có tầm để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao trong điều kiện mới.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên giảng dạy lý luận chính trị là lực lượng nòng cốt góp phần xây dựng uy tín, hình ảnh của trường chính trị. Vì vậy, yêu cầu về phẩm chất, trình độ và năng lực có ý nghĩa quyết định sự phát triển của nhà trường. Đặc biệt, năng lực nghiên cứu khoa học đòi hỏi người giảng viên lý luận chính trị phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy lý luận sắc bén, có năng lực thực tiễn, thành thạo công nghệ, ứng dụng AI trong xử lý dữ liệu và có tư duy nghiên cứu độc lập, khách quan.

Xác định vai trò, tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ, giảng viên, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã chủ động trong việc tham mưu, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ đào tạo giảng viên, nhất là trình độ tiến sĩ. Đồng thời, thu hút người tài có trình độ cao về công tác tại trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, giảng dạy và đáp ứng tiêu chí chuẩn về đội ngũ cán bộ, giảng viên theo quy định. Hiện nay, Nhà trường có 01 PGS, TS, 09 tiến sĩ và 03 đồng chí đang học nghiên cứu sinh (đã cơ bản đủ tiêu chí chuẩn mức 2 về số lượng tiến sĩ); trình độ thạc sĩ 43/64 cán bộ, viên chức đạt 67,2%; cơ bản đội ngũ giảng viên đều có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực tốt trong nghiên cứu, giảng dạy. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên trẻ trình độ, năng lực chưa đồng đều, còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, tri thức lý luận chưa thật sự sâu sắc; năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề và chuyển hóa kết quả nghiên cứu vào bài giảng, kỹ năng số chưa toàn diện. Việc đầu tư thời gian cho nghiên cứu, viết bài của một số giảng viên chưa thỏa đáng.

Năm là, hoạt động nghiên cứu khoa học phải gắn chặt với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế ngày nay, đất nước ta đứng trước nhiều thuận lợi để phát triển trong kỷ nguyên mới, nhưng cũng phải đối mặt với không nhỏ những nguy cơ và khó khăn đan xen; các thế lực phản động, thù địch, cơ hội chính trị thường xuyên lợi dụng để chống phá Đảng, Nhà nước, nhất là trên không gian mạng. Trước thực tế đó, yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ gắn với sự tồn vong của đất nước và dân tộc. Yêu cầu này đòi hỏi tính chiến đấu rất cao, không chỉ "phòng thủ" thụ động mà phải "chủ động tấn công" bằng các luận cứ khoa học giàu sức thuyết phục và các sản phẩm truyền thông số hiện đại.

Trường chính trị là cơ quan tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Với chức năng, nhiệm vụ đặc thù như vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học đối với trường chính trị bắt buộc phải gắn chặt với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Việc gắn công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với hoạt động nghiên cứu khoa học là trách nhiệm của mỗi người cán bộ, giảng viên trường Đảng. Người giảng viên trường chính trị phải có bản lĩnh, lập trường, quan điểm tư tưởng vững vàng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng. Công tác nghiên cứu phải nhằm mục đích bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên luôn tích cực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quá trình nghiên cứu; đặc biệt, viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, bản tin, tham gia Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hằng năm và đạt nhiều giải cấp tỉnh, Trung ương (riêng năm 2026 có 09 tác phẩm đạt giải cấp tỉnh). Tuy nhiên, chưa có nhiều đề tài nghiên cứu sâu về nội dung này, hình thức đấu tranh chưa thực sự phong phú, toàn diện; nhất là đấu tranh trực diện trên không gian mạng.

2. Giải pháp tiếp tục tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn gắn với nhiệm vụ xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2

Để bảo đảm hoàn thành tốt hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận gắn với tiêu chí chuẩn mức 2 theo Đề án số 27-ĐA/TU vào năm 2027 và duy trì, phát huy trong những năm tiếp theo, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên xác định rõ trách nhiệm thông qua một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, bám sát Quy định số 393-QĐ/TW, ngày 05/01/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố; Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về xây dựng trường chính trị chuẩn; Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị và các văn bản hướng dẫn hiện hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng chức năng tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Cùng với đó, quán triệt việc tổ chức nghiên cứu khoa học vừa nhằm mục tiêu phục vụ giảng dạy, học tập vừa góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đặt ra. Đồng thời, tiếp tục tổ chức triển khai, thực hiện hoàn thành tốt tiêu chí hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn bằng các chỉ tiêu cụ thể về nghiên cứu đề tài các cấp, hội thảo khoa học các cấp, báo cáo kiến nghị, tư vấn chính sách cho tỉnh, xuất bản bản tin "Thông tin lý luận và thực tiễn", hoạt động của Trang thông tin điện tử tổng hợp, viết các bài báo khoa học bảo đảm về số lượng, chất lượng. Tiếp đó, phát huy, duy trì thực hiện tốt các tiêu chí (trong đó, có tiêu chí nghiên cứu khoa học) sau khi được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh công nhận đạt chuẩn mức 2.

Thứ hai, thống nhất việc xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu khoa học (đề xuất nhiệm vụ khoa học - đề tài các cấp, tổ chức hội thảo/tọa đàm các cấp, viết bài - nhất là bài báo khoa học đăng có chỉ số ISSN) mang tính nguyên tắc là phải đổi mới theo hướng gắn nghiên cứu với giảng dạy và tư vấn, tham mưu chính sách. Theo đó, phải gắn lý luận với thực tiễn, giải quyết kịp thời những vấn đề thực tế của địa phương đang đặt ra nhằm phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; đặc biệt, khuyến khích đề xuất nghiên cứu, thực hiện những vấn đề tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận mang tính cấp thiết, góp phần cung cấp luận cứ khoa học, nâng tầm báo cáo kiến nghị chính sách cho cấp ủy, chính quyền địa phương. Đồng thời, bảo đảm yêu cầu đổi mới về phương pháp, cách thức triển khai nghiên cứu, chuyển hướng tiếp cận từ mô hình truyền thống nặng về lý thuyết sang xu hướng chuẩn hóa hiện nay phải gắn tính khoa học, tính lịch sử, tính đảng, tính khách quan, chính xác với việc phản ánh đúng bản chất vấn đề, sát thực tiễn và sản phẩm nghiên cứu khi được chuyển giao đưa vào ứng dụng phải có tính khả thi, hiệu quả.

Thứ ba, quán triệt tốt yêu cầu về trách nhiệm, tính tích cực, tự giác của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; ban hành Quỹ thưởng khoa học nội bộ để tôn vinh các bài báo đăng trên tạp chí uy tín (ISSN, Scopus/ISI, Tạp chí Cộng sản…) và giải thưởng sáng kiến chính sách. Từ đó, tạo động lực tinh thần khích lệ niềm đam mê nghiên cứu, nâng cao năng lực tổng kết thực tiễn của đội ngũ cán bộ, giảng viên và khắc phục tâm lý, tư tưởng mang tính hình thức, làm việc chỉ để hoàn thành nghĩa vụ, không có tư duy, ý tưởng mới - sáng tạo, thiếu chiều sâu… Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu thực tế của đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm giữ vững bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp liêm chính, tư duy lý luận sắc bén, năng lực thực tiễn sáng tạo và kỹ năng số thành thạo, góp phần nâng cao

năng lực phát hiện và giải quyết tốt những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Đồng thời, lấy sản phẩm nghiên cứu khoa học làm một trong các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng tháng, quý theo KPI đối với từng vị trí việc làm để cán bộ, giảng viên tự giác, chủ động, tích cực phấn đấu bảo đảm tiêu chí chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo quy định.

Thứ tư, gắn kết chặt chẽ các công trình, bài viết, đề tài nghiên cứu với việc nhận diện, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Theo đó, cán bộ, giảng viên trường Đảng cũng là một trong những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng. Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, Nhà trường xác định trong thời gian tới tích cực đề xuất các nhiệm vụ - đề tài các cấp gắn với nghiên cứu sâu các lĩnh vực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và quán triệt, triển khai đa dạng các hình thức đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; nhất là đấu tranh, phản bác trực diện trên không gian mạng, góp phần đề xuất các giải pháp khắc phục những vướng mắc, bất cập, điểm nghẽn của địa phương, nhằm bảo vệ và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng trong thực tiễn, củng cố vững chắc niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng.

Thứ năm, tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn thông qua việc chú trọng công tác quản lý từ khâu xây dựng kế hoạch đến yêu cầu xác định, lựa chọn nội dung nghiên cứu, xét duyệt, thẩm định đánh giá chất lượng và đưa vào ứng dụng, chuyển giao sản phẩm. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ nghiên cứu và số hóa sản phẩm theo yêu cầu chuyển đổi số nhằm khai thác hiệu quả các thông tin, tư liệu, dữ liệu. Cùng với đó, tăng cường phối hợp, liên kết với các cơ quan, đơn vị, trường chính trị khác nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng không gian nghiên cứu nhằm xây dựng các mô hình, tiêu chí, chương trình mới sát với yêu cầu thực tiễn, có khả năng ứng dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương ngày càng phát triển.

Từ những yêu cầu đặt ra trong tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn gắn với nhiệm vụ xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2; với nỗ lực, quyết tâm của Nhà trường thể hiện thông qua những kết quả đã đạt được trong thời gian qua, đó là cơ sở để Nhà trường phấn đấu về đích đạt chuẩn trong năm 2027 theo đúng kế hoạch và Đề án số 27-ĐA/TU đề ra. Tuy nhiên, để hoàn thành các tiêu chí chưa đạt về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn trong thời gian tới, đòi hỏi phải có sự đoàn kết, thống nhất và quyết tâm cao hơn nữa của tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ, giảng viên Nhà trường trong việc triển khai, thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản đã nêu. Đồng thời, tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp, hỗ trợ, giúp đỡ của các cơ quan chức năng liên quan và sự hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. /.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

2. Ban Bí thư (2026), *Quy định số 393-QĐ/TW, ngày 05/01/2026 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố.*

3. Ban Bí thư (2026), *Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 về trường chính trị chuẩn.*

4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị.*

5. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên (2026), *Đề án số 27-ĐA/TU, ngày 29/4/2026 về xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn mức 2.*

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG HƯỚNG DẪN SỐ 02-HD/TW, NGÀY 07/8/2026 CỦA BAN BÍ THƯ VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

ThS Ngô Thị Hồng Nhung
Trưởng phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học

Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 07/8/2026 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng được ban hành trên cơ sở Điều lệ Đảng và Quy định số 208-QĐ/TW, ngày 26/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về thi hành Điều lệ Đảng (Hướng dẫn số 02-HD/TW). Hướng dẫn số 02-HD/TW có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 19/5/2026. Điểm đáng chú ý của Hướng dẫn số 02-HD/TW là tiếp tục cụ thể hóa các quy định mới của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư của khóa XIV; đồng thời bổ sung, điều chỉnh nhiều nội dung gắn với mô hình tổ chức mới, quản lý đảng viên trên môi trường số, quy trình kết nạp - công nhận đảng viên chính thức, chuyển sinh hoạt đảng, tổ chức đại hội và công tác tổ chức xây dựng Đảng. Những điểm mới, điểm đáng chú ý của Hướng dẫn số 02-HD/TW, cụ thể như sau:

1. Quy định cụ thể hơn về trường hợp đặc biệt khi kết nạp Đảng

Người trên 60 tuổi chỉ được xem xét kết nạp khi có sức khỏe, uy tín; đang công tác, cư trú ở cơ sở chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên hoặc do yêu cầu đặc biệt; đồng thời, phải có sự đồng ý bằng văn bản của ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương.

Đối với người ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc ngư dân thường xuyên làm việc ngoài biển, đảo; trường hợp không bảo đảm trình độ học vấn theo quy định chung thì tối thiểu phải hoàn thành chương trình giáo dục bậc tiểu học.

Già làng, trưởng bản, người có uy tín ở các địa bàn trên hoặc ngư dân thường xuyên làm việc ngoài biển, đảo phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ và phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản trước khi quyết định kết nạp.

2. Nhấn mạnh yêu cầu đảng viên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Nhiệm vụ được giao không chỉ là nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng mà còn bao gồm nhiệm vụ do tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phân công.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ được hiểu là hoàn thành có chất lượng, hiệu quả và bảo đảm thời gian theo quy định.

Chi bộ phải phân công, giúp đỡ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và đưa kết quả vào đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm.

3. Bổ sung, làm rõ quy trình thẩm tra lý lịch khi kết nạp Đảng

Làm rõ các trường hợp không phải thẩm tra lại lý lịch khi người thân là đảng viên và lý lịch đã được khai đầy đủ, rõ ràng, trung thực, có xác nhận của cấp ủy quản lý hồ sơ.

Trường hợp người vào Đảng và người thân cùng sinh sống, làm việc tại cùng địa bàn xã, phường, đặc khu qua nhiều thế hệ và đã được cấp ủy xác nhận đầy đủ thì không phải thẩm tra riêng.

Quy định thời hạn gửi kết quả xác nhận, thẩm tra lý lịch: không chậm quá 30 ngày làm việc ở trong nước và 90 ngày làm việc ở ngoài nước kể từ khi nhận được công văn đề nghị.

4. Quy định rõ thời hạn sử dụng một số tài liệu trong hồ sơ kết nạp

Nếu quá 12 tháng, kể từ khi lập hồ sơ đề nghị xét kết nạp vào Đảng mà chi bộ chưa xem xét đề nghị kết nạp được thì phải làm lại hoặc bổ sung một số tài liệu như giấy giới thiệu, nghị quyết giới thiệu đoàn viên, thẩm tra bổ sung lý lịch và nhận xét bổ sung.

Quá 60 tháng, kể từ ngày xin vào Đảng được cấp giấy chứng nhận đã học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng mà chi bộ chưa xem xét đề nghị kết nạp thì phải giới thiệu học lại để được cấp giấy chứng nhận mới.

5. Quy định về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức đảng, đảng viên mới

Quy định người vào Đảng phải học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, có giấy chứng nhận do trường chính trị tỉnh, thành phố hoặc giấy chứng nhận do đảng uỷ trực thuộc cơ sở hoặc ban thường vụ đảng uỷ cơ sở cấp theo mẫu của Ban Tổ chức Trung ương và đảng viên dự bị phải học lớp bồi dưỡng đảng viên mới, được trường chính trị tỉnh, thành phố hoặc ban thường vụ đảng uỷ cơ sở hoặc đảng uỷ trực thuộc cơ sở cấp giấy chứng nhận theo mẫu của Ban Tổ chức Trung ương.

6. Làm rõ việc xét kết nạp khi người vào Đảng thay đổi nơi công tác, học tập hoặc cư trú

Quy định trách nhiệm của cấp ủy nơi chuyển đi và nơi chuyển đến đối với hồ sơ, việc tiếp tục phân công đảng viên chính thức giúp đỡ và việc ra quyết định kết nạp.

Trường hợp hồ sơ đã chuyển lên cấp có thẩm quyền nhưng người vào Đảng chuyển nơi công tác, học tập hoặc cư trú thì hồ sơ phải được chuyển trong thời hạn 15 ngày làm việc; cấp có thẩm quyền nơi chuyển đến xem xét và quyết định trong thời hạn 30 ngày làm việc nếu đủ điều kiện.

7. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ và quản lý dữ liệu đảng viên

Hồ sơ đảng viên được xác định bao gồm cả hồ sơ đảng viên điện tử; thành phần hồ sơ điện tử được lập tương ứng trên Cơ sở dữ liệu đảng viên.

Đảng viên phải cập nhật các thay đổi về trình độ, đơn vị, chức vụ, nghề nghiệp, khen thưởng, kỷ luật, hoàn cảnh gia đình... trên Cơ sở dữ liệu đảng viên thông qua ứng dụng "Sổ tay đảng viên điện tử".

Chi ủy, chi bộ hướng dẫn, kiểm tra và xác nhận thông tin trên phần mềm; cấp ủy quản lý hồ sơ chịu trách nhiệm cập nhật, quản lý theo quy định.

8. Xác định rõ hơn thẩm quyền quản lý hồ sơ đảng viên ở cơ sở

Hồ sơ đảng viên do đảng ủy trực thuộc cơ sở hoặc đảng ủy cơ sở nơi đảng viên đang sinh hoạt chính thức quản lý.

Đối với đảng bộ trực thuộc cơ sở ở địa bàn dân cư, việc quản lý hồ sơ đảng viên do đảng ủy cấp xã thực hiện.

Đặt ra yêu cầu kiểm tra, đối chiếu định kỳ, bảo đảm an toàn hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử; tăng trách nhiệm khi giao nhận, chuyển sinh hoạt và khai thác hồ sơ.

9. Cụ thể hóa chuyển sinh hoạt đảng tạm thời

Trong nước: áp dụng đối với đảng viên đi công tác, học tập, làm việc, làm hợp đồng, thay đổi nơi cư trú... từ 3 tháng đến dưới 12 tháng; trường hợp đi học tại cơ sở đào tạo trong nước từ 3 đến 24 tháng rồi trở về đơn vị cũ cũng thuộc diện chuyển sinh hoạt tạm thời.

Ngoài nước: đi công tác, học tập, lao động, chữa bệnh, thăm thân... từ 3 tháng đến dưới 12 tháng và sau đó trở về nước thì thực hiện chuyển sinh hoạt tạm thời theo hướng dẫn của Đảng ủy Bộ Ngoại giao.

Quy định thêm cách xử lý đối với đảng viên làm việc lưu động, nghỉ chờ hưu, tổ chức đảng bị giải tán, giải thể, sáp nhập, hợp nhất hoặc chia tách.

10. Thí điểm nhiệm kỳ chi bộ 5 năm

Hướng dẫn số 02-HD/TW thí điểm thực hiện nhiệm kỳ của chi bộ là 5 năm, bắt đầu từ nhiệm kỳ chi bộ 2025 - 2030. Đối với chi bộ

thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập, nhiệm kỳ đầu tiên không nhất thiết đủ 5 năm mà thực hiện theo nhiệm kỳ của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

11. Bổ sung, làm rõ quy trình tổ chức đại hội đảng bộ

Đại hội đảng bộ có thể tiến hành hai phiên: phiên trù bị và phiên chính thức.

Phiên trù bị có thể bầu đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu; thông qua nội quy, chương trình, quy chế bầu cử, quy chế làm việc.

Phiên chính thức thực hiện các nội dung theo Điều lệ Đảng, phù hợp từng cấp; Hướng dẫn số 02- HD/TW cũng quy định cụ thể trình tự, trang trí và các bước tiến hành đại hội.

12. Quy định cụ thể hơn việc chỉ định, bổ sung, tăng thêm cấp ủy viên

Khi thật cần thiết, do không bầu được bí thư, cấp ủy cấp trên có thể chỉ định đảng viên trong hoặc ngoài đảng bộ, chi bộ tham gia cấp ủy và làm bí thư.

Trường hợp người được giới thiệu bầu cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu thì việc xem xét bổ sung phải được cân nhắc kỹ về phẩm chất, uy tín, năng lực, cơ cấu và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

Việc chỉ định tăng thêm cấp ủy viên tại đảng ủy cơ sở quá 10%, đảng ủy trực thuộc cơ sở quá 20% so với số lượng đại hội đã quyết định phải thực hiện theo quy trình xin ý kiến cấp có thẩm quyền.

13. Bổ sung quy định về tổ chức bộ máy tham mưu, giúp việc của cấp ủy

Đảng bộ cơ sở dưới 400 đảng viên không thành lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc; cấp ủy phân công cấp ủy viên phụ trách theo chế độ kiêm nhiệm.

Đảng bộ cơ sở từ 400 đảng viên trở lên được lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc; từ 400 đến dưới 1.000 đảng viên bố trí tối thiểu 5 cán bộ, từ 1.000 đảng viên trở lên bố trí tối thiểu 10 cán bộ, trong phạm vi biên chế được giao.

14. Điểm mới đáng chú ý về Huy hiệu Đảng

Bổ sung mốc 35 năm và 95 năm tuổi Đảng; đảng viên đủ 35 năm, 95 năm tuổi Đảng được xét tặng theo quy định mới.

Đảng viên bị bệnh nặng có thể được xét tặng sớm: không quá 12 tháng đối với các mốc 30 - 65 năm; không quá 24 tháng đối với các mốc 70 - 95 năm.

Đảng viên từ trần được xét truy tặng sớm không quá 12 tháng; người được tặng Huy hiệu khi từ trần thì gia đình được giữ Huy hiệu làm lưu niệm.

15. Làm rõ hơn việc xóa tên và xin ra khỏi Đảng

Nếu đảng viên cố tình không làm bản kiểm điểm hoặc không đến dự họp kiểm điểm sau khi chi ủy yêu cầu đến lần thứ 3 thì chi bộ vẫn xem xét, xử lý; trường hợp cố tình không thực hiện thì chi bộ thực hiện ngay quy trình đề nghị xóa tên. Chỉ xem xét cho ra khỏi Đảng đối với đảng viên chưa vi phạm tư cách; nếu đã vi phạm thì phải xử lý kỷ luật trước, sau đó mới xem xét cho ra khỏi Đảng.

Hướng dẫn số 02-HD/TW không chỉ thay thế Hướng dẫn số 01-HD/TW mà còn cập nhật các quy định nghiệp vụ để phù hợp với Quy định số 208-QĐ/TW và yêu cầu tổ chức, quản lý Đảng trong giai đoạn mới. Điểm nổi bật là tiếp tục đẩy mạnh quản lý đảng viên trên môi trường số; làm rõ thẩm quyền quản lý hồ sơ; hoàn thiện quy trình chuyển sinh hoạt, khiếu nại về đảng tịch và xóa tên; đồng thời, cụ thể hóa tổ chức bộ máy, nhiệm kỳ, đại hội và công tác khen thưởng. Khi triển khai ở cơ sở, cần quán triệt theo hướng thống nhất, đúng thẩm quyền, đúng quy trình và đồng bộ giữa hồ sơ giấy với dữ liệu điện tử./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (2026), *Quy định số 208-QĐ/TW, ngày 26/7/2026 về thi hành Điều lệ Đảng.*

2. Ban Bí thư (2026), *Hướng dẫn số 02-HD/TW, ngày 07/8/2026 về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.*

3. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI.

TẦM VÓC VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI – LIÊN HỆ THỰC TIỄN TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Cù Thị Thu Trang
Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giai cấp công nhân là "sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp"[1], đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến và có sứ mệnh lịch sử xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, xây dựng xã hội mới. Vận dụng sáng tạo học thuyết đó vào Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng Cộng sản Việt Nam, là lực lượng nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và kinh tế tri thức, tầm vóc của giai cấp công nhân ngày càng thể hiện ở vai trò trung tâm trong phát triển lực lượng sản xuất mới, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Sự biến đổi của lực lượng sản xuất đồng thời làm sâu sắc, mở rộng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên các phương diện kinh tế, chính trị - xã hội và văn hóa - con người; do đó, xây dựng giai cấp công nhân cần gắn với phát triển lực lượng sản xuất mới, nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh toàn diện.

1. Tầm vóc của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới

"Tầm vóc" của giai cấp công nhân Việt Nam là sự thể hiện vị trí, vai trò, chất lượng, trình độ, năng lực và mức độ đóng góp đối với sự phát triển đất nước trong điều kiện mới. Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng chiếm vị trí quan trọng, tầm vóc của giai cấp công nhân không chỉ ở quy mô mà còn ở chất lượng nguồn nhân lực, khả năng làm chủ công nghệ, đổi mới sáng tạo và thích ứng với yêu cầu của nền sản xuất hiện đại.

Thứ nhất, giai cấp công nhân là lực lượng quan trọng trong phát triển lực lượng sản xuất mới. Khi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành những động lực quan trọng của tăng trưởng, người công nhân không chỉ trực tiếp vận hành máy móc mà còn tham gia cải tiến kỹ thuật, làm chủ công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số vào sản xuất. Qua đó, giai cấp công nhân góp phần quan trọng đưa những thành tựu khoa học, công nghệ vào thực tiễn lao động, sản xuất.

Thứ hai, giai cấp công nhân góp phần quan trọng chuyển hóa khoa học và công nghệ thành năng suất lao động. Những thành tựu khoa học, công nghệ được ứng dụng hiệu quả trong sản xuất sẽ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Người công nhân là lực lượng trực tiếp vận hành, hoàn thiện và tham gia cải tiến quy trình sản xuất; nhiều sáng kiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và ứng dụng công nghệ số của công nhân góp phần giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.

Thứ ba, giai cấp công nhân giữ vai trò quan trọng trong nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp có vai trò quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, phát triển đội ngũ công nhân hiện đại là một trong những yếu tố góp phần nâng cao sức mạnh cạnh tranh của quốc gia trong kỷ nguyên số. Theo Cục Thống kê, năm 2025 cả nước có 52,4 triệu người có việc làm; trong đó, lao động có việc làm trong khu vực công nghiệp và xây dựng đạt khoảng 17,5 triệu người, chiếm 33,5% tổng số lao động có việc làm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 29,2%, tăng so với năm 2024[2] . Những số liệu này cung cấp căn cứ thống kê về lao động có việc làm trong khu vực

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập.* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, t.19, tr38.

[2] Cục Thống kê (2026), *Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2025, Hà Nội, ngày 05/01/2026.*

công nghiệp và xây dựng và trình độ qua đào tạo của lực lượng lao động, qua đó đặt ra yêu cầu tiếp tục quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp.

Thứ tư, giai cấp công nhân góp phần hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước đến năm 2045. Mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao đòi hỏi đội ngũ công nhân có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học, công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, bán dẫn, năng lượng xanh và kinh tế số tiếp tục phát triển, giai cấp công nhân có vai trò quan trọng trong tiếp thu, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Có thể khẳng định, trong thời kỳ phát triển mới, tầm vóc của giai cấp công nhân Việt Nam được thể hiện ngày càng rõ ở vị trí, vai trò, chất lượng, trình độ và năng lực thích ứng với những yêu cầu mới của nền sản xuất hiện đại. Giai cấp công nhân tiếp tục là lực lượng quan trọng trong phát triển lực lượng sản xuất, ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và xây dựng Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

2. Sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới

Trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam tiếp tục được kế thừa và phát triển trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng. Trong bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng, giai cấp công nhân không chỉ là lực lượng trực tiếp sản xuất mà còn là lực lượng tiên phong phát triển lực lượng sản xuất mới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước đến năm 2045. Sứ mệnh đó được thể hiện trên ba phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, sứ mệnh về kinh tế. Giai cấp công nhân là lực lượng trực tiếp phát triển lực lượng sản xuất mới, làm chủ khoa học, công nghệ và phương thức sản xuất hiện đại; tiên phong thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, tích cực nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động; góp phần phát triển khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; xây dựng nền công nghiệp hiện đại, xanh và bền vững, phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của quốc gia.

Thứ hai, sứ mệnh về chính trị - xã hội. Giai cấp công nhân tiếp tục là lực lượng chính trị - xã hội nòng cốt của khối liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đồng thời, đội ngũ công nhân phát huy vai trò trong xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và góp phần xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, sứ mệnh về văn hóa và phát triển con người. Trong quá trình thực hiện chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, giai cấp công nhân có sứ mệnh xây dựng đội ngũ lao động hiện đại với trình độ chuyên môn cao, tác phong công nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa số và ý thức trách nhiệm xã hội; không ngừng học tập suốt đời, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số và năng lực đổi mới sáng tạo. Qua đó, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, lan tỏa các giá trị lao động, sáng tạo, kỷ luật, trách nhiệm và khát vọng cống hiến,

tạo nền tảng con người cho mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và hiện thực hóa khát vọng đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045.

3. Liên hệ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một trong những cái nôi của công nghiệp Việt Nam và đang từng bước phát triển theo hướng hiện đại, công nghệ cao, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội những năm gần đây cho thấy, công nghiệp tiếp tục giữ vai trò là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của Thái Nguyên tăng 19,88% so với cùng kỳ năm 2025; riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 20,28%. Trong đó, sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 21,18%; sản xuất trang phục tăng 20,13%. Khu vực công nghiệp - xây dựng đóng góp 63,3% vào mức tăng trưởng GRDP[3] của tỉnh. Những kết quả này cho thấy, quy mô và trình độ của nền sản xuất công nghiệp Thái Nguyên tiếp tục được nâng lên, đồng thời tạo không gian ngày càng mở rộng để giai cấp công nhân phát huy vai trò là lực lượng trực tiếp của quá trình phát triển lực lượng sản xuất.

Cùng với sự phát triển của công nghiệp, thị trường lao động trên địa bàn tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Thái Nguyên hiện có trên 804 nghìn người từ 15 tuổi trở lên; trong 6 tháng đầu năm 2026, tỷ lệ lao động có việc làm đạt khoảng 75-80% số người trong độ tuổi lao động. Thị trường lao động xuất hiện nhiều vị trí việc làm có mức thu nhập từ 10 đến 30 triệu đồng/tháng, phản ánh nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp đối với nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng[4]. Điều này cho thấy, tầm vóc của giai cấp công nhân Thái Nguyên không chỉ được thể hiện ở quy mô lực lượng mà ngày càng gắn với chất lượng nguồn nhân lực, trình độ nghề nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hiện đại.

Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng công nghệ cao đặt ra yêu cầu mới đối với đội ngũ công nhân. Sự phát triển của ngành chế biến, chế tạo và sản xuất điện tử đòi hỏi người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số và khả năng thích ứng với tự động hóa, trí tuệ nhân tạo. Vì vậy, phát huy tầm vóc của giai cấp công nhân Thái Nguyên cần chuyển từ phát triển số lượng sang nâng cao chất lượng, năng suất, kỹ năng và năng lực đổi mới sáng tạo.

Trên phương diện chính trị - xã hội, việc xây dựng giai cấp công nhân phải gắn với xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ và chăm lo tốt hơn đời sống của người lao động. Trong 6 tháng đầu năm 2026, các cấp công đoàn tỉnh đã tổ chức 119 cuộc đối thoại, ký lại 28 thỏa ước lao động tập thể; thành lập mới 66 công đoàn cơ sở, phát triển trên 8.400 đoàn viên và có hơn 80 đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng. Riêng Tháng Công nhân năm 2026, các cấp công đoàn trao gần 50.000 suất quà với tổng trị giá trên 7,7 tỷ đồng và tổ chức 82 "Bữa cơm Công đoàn" cho hơn 71.000 người lao động . Những kết quả này cho thấy, vai trò của tổ chức công đoàn trong đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Qua đó, góp phần xây dựng đội ngũ công nhân ổn định, gắn bó với doanh nghiệp và địa phương.

Đặc biệt, sự phát triển nhanh của công nghiệp đang mở rộng vai trò của công nhân từ lực lượng trực tiếp sản xuất sang lực lượng tham gia làm chủ công nghệ, cải tiến kỹ thuật và đổi mới sáng tạo. Trong 6 tháng đầu năm 2026, sản phẩm công nghiệp của tỉnh tiếp tục tăng khá cao, như máy tính bảng tăng 33,6%, tai nghe tăng 22,1%, camera truyền hình tăng 17,1%, sản phẩm may mặc tăng 19,5% và phụ tùng xe có động cơ tăng 10,6% . Đây là cơ sở thực tiễn để khẳng định rằng chất lượng và năng lực của đội ngũ công nhân ngày càng có quan hệ trực tiếp với năng suất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

(Xem tiếp theo trang 23)

[3] https://baothainguyen.vn/kinh-te/202607/cong-nghiep-thai-nguyen-tang-toc-tao-da-cho-muc-tieu-tang-truong-hai-con-so.

[4] https://baothainguyen.vn/xa-hoi/202607/tin-hieu-tich-cuc-tu-thi-truong-lao-dong.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Việt Hòa
Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học

Cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng của các trường chính trị tỉnh, thành phố. Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên, đồng thời tạo cơ sở thực tiễn cho việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy. Trong đó, đề tài khoa học cấp cơ sở có vai trò quan trọng, gắn với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và yêu cầu thực tiễn địa phương. Thời gian qua, trên cơ sở Quy chế hoạt động khoa học của trường chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà trường đã nghiên cứu, cụ thể hóa quy trình thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở phù hợp với thực tiễn.

Quá trình triển khai thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong những năm qua ngày càng được quan tâm và từng bước đi vào nền nếp, hiệu quả. Đặc biệt trong năm 2026, việc lựa chọn, phê duyệt, thẩm định, triển khai và nghiệm thu đề tài luôn bảo đảm đúng quy trình, quy định và dần trở thành hoạt động thường xuyên; nội dung nghiên cứu gắn với nhiệm vụ chính trị và những vấn đề thực tiễn của địa phương như: Nghiên cứu nội dung "Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Thái Nguyên" phục vụ giảng dạy chương trình Trung cấp lý luận chính trị; đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm cho các phần học trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị; giải pháp nâng cao chất lượng tiếp công dân nhằm xây dựng chính quyền thân thiện vì dân phục vụ tại một số xã, phường trên địa bàn tỉnh; quản lý chất lượng dịch vụ hành chính công tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; thiết kế các nội dung về phân quyền, giải trình và kiểm soát quyền lực lồng ghép trong bồi dưỡng cán bộ, công chức chính quyền cấp xã… Có thể nói, hiện nay các đề tài cấp cơ sở đã từng bước chuyển từ mô hình truyền thống - tập trung nghiên cứu những vấn đề mang tính lý luận chung sang xu hướng giải quyết các vấn đề cụ thể nảy sinh từ thực tiễn địa phương và hoạt động của chính Nhà trường. Cùng với đó, việc tổ chức hội đồng xét duyệt thuyết minh trước khi triển khai thực hiện đề tài đã góp phần sàng lọc những đề tài chưa bảo đảm tính cấp thiết, tính khả thi và khả năng ứng dụng. Quy trình quản lý đề tài từng bước được chuẩn hóa từ khâu xây dựng kế hoạch, hoàn thiện thuyết minh, tổ chức đánh giá nghiệm thu và lưu hồ sơ. Đa số đề tài được đầu tư công phu, có khảo sát thực tế, điều tra xã hội học, tổ chức hội thảo, xây dựng giải pháp và sản phẩm cụ thể…

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở của Nhà trường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định: Việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu ở một số đề tài chưa thực sự xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết của địa phương và thực tiễn hoạt động của Nhà trường; vẫn còn tình trạng lựa chọn đề tài theo khả năng hoặc sở trường cá nhân của giảng viên. Một số đề tài có quy mô nhỏ, phương pháp nghiên cứu chưa thật sự khoa học; hoạt động khảo sát thực tế còn hạn chế, dữ liệu sơ cấp chưa phong phú. Tính mới và giá trị khoa học của một số công

trình chưa cao; một số nội dung còn có sự trùng lặp với những nghiên cứu đã có. Chất lượng sản phẩm nghiên cứu chưa đồng đều; vẫn còn có đề tài chưa hình thành được mô hình, bộ tiêu chí, cơ sở dữ liệu, quy trình hoặc giải pháp có thể áp dụng trực tiếp. Bên cạnh đó, cơ chế đánh giá sau nghiệm thu và theo dõi mức độ ứng dụng kết quả nghiên cứu chưa được quan tâm tương xứng. Xuất phát từ thực trạng trên, đặt ra những vấn đề cần khắc phục trong thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

Một là, việc xác định nội dung và lựa chọn vấn đề nghiên cứu phải xuất phát từ yêu cầu cấp bách của thực tiễn, từ việc xác định đúng "khoảng trống nghiên cứu". Nếu vấn đề nghiên cứu chưa thực sự cấp thiết, chưa gắn với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường hoặc chưa xuất phát từ yêu cầu thực tiễn thì khó có thể tạo ra sản phẩm có giá trị khoa học và khả năng ứng dụng cao.

Hai là, chất lượng xây dựng thuyết minh đề tài là căn cứ quan trọng để đánh giá tính khoa học, tính khả thi và tổ chức thực hiện đề tài. Một thuyết minh thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp, tiến độ và sản phẩm sẽ dẫn đến những khó khăn trong quá trình triển khai nghiên cứu của đề tài.

Ba là, kiểm soát tiến độ và chất lượng trong quá trình thực hiện đề tài. Việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu và triển khai thực hiện đề tài là một quá trình được kiểm soát bằng kế hoạch cụ thể trong thuyết minh đề tài. Nếu chỉ tập trung thực hiện ở thời điểm gần nghiệm thu thì khó phát hiện và khắc phục kịp thời những hạn chế về phương pháp, số liệu, nội dung hoặc tiến độ nghiên cứu trong quá trình thực hiện các nội dung đề tài theo kế hoạch đã đề ra.

Bốn là, năng lực nghiên cứu của chủ nhiệm và các thành viên đề tài có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm nghiên cứu. Việc lựa chọn chủ nhiệm đề tài cần quan tâm đồng thời đến trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, năng lực tổ chức nghiên cứu và khả năng huy động sự tham gia, phối hợp của các thành viên nhằm bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả làm việc của nhóm thực hiện đề tài.

Năm là, mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu và khả năng ứng dụng vào thực tiễn cần được quan tâm ngay từ khi xây dựng đề cương thuyết minh đề tài. Yêu cầu mang tính bắt buộc đối với nhóm thực hiện đề tài là phải xác định rõ lợi ích và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu. Vì vậy, nội dung này cần xác định rõ không gian, thời gian của sản phẩm ứng dụng từ khi xây dựng thuyết minh chứ không phải sau khi đề tài hoàn thành mới bổ sung.

Từ những vấn đề đặt ra nêu trên, để nâng cao chất lượng thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

Trước hết, đổi mới cách tiếp cận trong lựa chọn đề tài theo hướng "thực tiễn đặt vấn đề - khoa học giải quyết vấn đề - kết quả nghiên cứu phục vụ thực tiễn". Hằng năm, trước khi xây dựng danh mục đề tài khoa học cấp cơ sở, Nhà trường cần tổ chức rà soát những vấn đề nổi lên từ thực tiễn hoạt động của các khoa, phòng, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và quản lý. Các khoa, phòng cần chủ động đề xuất những vấn đề thực tiễn đang đặt ra gắn "nghiên cứu - giảng dạy - kiến nghị, tư vấn chính sách", tránh tình trạng lựa chọn đề tài trùng lặp, phạm vi quá rộng hoặc thiên về mô tả. Việc lựa chọn đề tài cần dựa trên một số tiêu chí cơ bản như: tính cấp thiết, tính mới, sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, khả năng triển khai, khả năng tạo ra sản phẩm cụ thể, khả năng ứng dụng và phạm vi ảnh hưởng. Trên cơ sở đó, có thể xây dựng danh mục các nhóm vấn đề nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường theo từng năm, gắn với những nhiệm vụ trọng tâm như: đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; chuyển đổi số; xây dựng trường chính trị chuẩn mức 2; nâng cao chất lượng đội

ngũ cán bộ, giảng viên; tăng cường công tác quản lý học viên; tổng kết thực tiễn; đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học...

Thứ hai, nâng cao chất lượng xây dựng thuyết minh đề tài khoa học. Thuyết minh cần được coi là "bản thiết kế khoa học" của đề tài, không đơn thuần là một thủ tục hành chính. Nội dung thuyết minh phải bảo đảm đúng mẫu ban hành theo Quy chế hoạt động khoa học của Nhà trường. Các nội dung từ mục tiêu, tổng quan, nội dung nghiên cứu, phương pháp, tiến độ đến sản phẩm và kinh phí cần có sự thống nhất, liên kết logic với nhau. Theo đó, cần thực hiện nghiêm nguyên tắc: mục tiêu định hướng nội dung nghiên cứu; nội dung nghiên cứu quyết định việc lựa chọn phương pháp; phương pháp xác định loại dữ liệu cần thu thập; kết quả nghiên cứu phải trả lời được mục tiêu đã đề ra; sản phẩm phải tương ứng với kết quả nghiên cứu. Trước khi trình phê duyệt, đề tài cần được tổ chức góp ý chuyên môn tại khoa, phòng. Đối với những đề tài có phạm vi nghiên cứu rộng hoặc phương pháp phức tạp, cần tham khảo ý kiến chuyên gia hoặc thành viên Hội đồng khoa học. Công tác thẩm định phải tập trung vào thực chất, nhất là tính cấp thiết, tính mới, phương pháp nghiên cứu, sản phẩm dự kiến và tính ứng dụng của đề tài.

Thứ ba, phát huy vai trò của chủ nhiệm đề tài và xây dựng nhóm nghiên cứu phù hợp. Chủ nhiệm đề tài là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng tổ chức và thực hiện nghiên cứu. Vì vậy, việc lựa chọn chủ nhiệm cần dựa trên năng lực chuyên môn và năng lực tổ chức nghiên cứu, không chỉ căn cứ vào vị trí công tác hoặc kinh nghiệm hành chính. Đồng thời, việc xây dựng nhóm nghiên cứu phải xuất phát từ yêu cầu thực tế của từng đề tài. Mỗi thành viên cần được phân công rõ về nội dung, công việc, sản phẩm và thời gian hoàn thành. Sự phân công này cần được thể hiện ngay trong kế hoạch nghiên cứu và được theo dõi trong suốt quá trình triển khai. Đối với những đề tài mang tính liên ngành, cần khuyến khích sự tham gia của cán bộ, giảng viên có chuyên môn khác nhau, kết hợp giữa những người có kinh nghiệm thực tiễn với những người có thế mạnh về phương pháp nghiên cứu, xử lý dữ liệu và tổng hợp kết quả.

Thứ tư, tăng cường quản lý tiến độ và kiểm soát chất lượng trong quá trình nghiên cứu. Một trong những giải pháp quan trọng là chuyển từ phương thức "quản lý đề tài theo thời hạn nghiệm thu" sang "quản lý đề tài theo tiến độ và sản phẩm trung gian". Ngay sau khi đề tài được phê duyệt, chủ nhiệm cần xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện đề tài như: hoàn thiện đề cương; nghiên cứu tài liệu; khảo sát, điều tra; xử lý dữ liệu; xây dựng các chuyên đề; dự thảo báo cáo; hoàn thiện sản phẩm; nghiệm thu và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học cần thực hiện tốt vai trò theo dõi, đôn đốc tiến độ và thực hiện chất lượng các nhiệm vụ khoa học. Nhóm thực hiện đề tài có thể áp dụng chế độ báo cáo tiến độ theo kế hoạch đã xây dựng.

Thứ năm, tiếp tục đổi mới phương pháp nghiên cứu, tăng cường điều tra, khảo sát và tổng kết thực tiễn. Đề tài khoa học cấp cơ sở của Nhà trường cần đặc biệt coi trọng hoạt động tổng kết thực tiễn, đề xuất, kiến nghị, tư vấn chính sách. Vì vậy, nghiên cứu không nên chỉ dừng ở việc tổng hợp tài liệu mà cần tăng cường sử dụng các phương pháp như điều tra, khảo sát, phỏng vấn, tọa đàm, nghiên cứu trường hợp, phân tích số liệu và các phương pháp phù hợp khác. Để thực hiện tốt yêu cầu này, cần tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giảng viên về phương pháp nghiên cứu khoa học, đặc biệt là kỹ năng xây dựng bảng hỏi, phỏng vấn, xử lý dữ liệu, phân tích định tính, định lượng, trích dẫn tài liệu và viết báo cáo khoa học. Trong điều kiện chuyển đổi số, cần tăng cường ứng dụng các công cụ số trong thu thập, quản lý, xử lý và trực quan hóa dữ liệu; đồng thời, nâng cao năng lực khai thác các thông tin, cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Thứ sáu, phát huy vai trò của Hội đồng khoa học Nhà trường trong nâng cao chất lượng nghiệm thu theo hướng thực chất, khách quan. Để nâng cao chất lượng nghiệm thu, cần chuyển mạnh từ đánh giá mang tính hình thức sang đánh giá dựa trên chất lượng thực chất của kết quả nghiên cứu. Hội đồng cần tập trung xem xét các nhóm tiêu chí chủ yếu như: mức độ hoàn thành mục tiêu; tính khoa học của phương pháp nghiên cứu; độ tin cậy của dữ liệu; tính mới và giá trị của kết quả; mức độ hoàn thành sản phẩm; tính khả thi của các giải pháp; khả năng ứng dụng và phạm vi ảnh hưởng. Đồng thời, cần từng bước chuyển từ việc chỉ "nghiệm thu đề tài" sang chú trọng "đánh giá hiệu quả áp dụng". Đối với mỗi đề tài, báo cáo về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng cần được xem là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá chất lượng thực chất của kết quả nghiên cứu. Báo cáo cần làm rõ sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, kết quả đạt được, hiệu quả kinh tế - xã hội, phạm vi ảnh hưởng và ý kiến của các cơ quan, đơn vị, cá nhân áp dụng hoặc tiếp nhận kết quả nghiên cứu. Trên cơ sở đó, Nhà trường cần xây dựng cơ chế theo dõi sau nghiệm thu, xác định những đề tài có khả năng ứng dụng cao để ưu tiên phổ biến và chuyển giao kết quả. Đồng thời, khuyến khích chủ nhiệm đề tài tiếp tục hoàn thiện sản phẩm sau nghiệm thu và chủ động đề xuất phương án ứng dụng phù hợp.

Nâng cao chất lượng thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng và tổng kết thực tiễn của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ góp phần nâng cao chất lượng đề tài theo hướng chủ động, thực chất, khoa học; tăng cường gắn kết giữa lý luận với thực tiễn, nghiên cứu với đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu, qua đó góp phần thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay./.

TẦM VÓC VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 19)

Việc phát huy tầm vóc và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong giai đoạn mới đòi hỏi hệ thống giải pháp đồng bộ, chiến lược. Trước hết, cần phát triển nguồn nhân lực công nhân theo hướng hiện đại, gắn với chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực công nghệ. Đồng thời, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao bản lĩnh giai cấp, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm công dân; thúc đẩy học tập suốt đời, phát triển kỹ năng số, năng lực đổi mới sáng tạo để người lao động thích ứng với nền kinh tế số. Bên cạnh đó, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng, tạo điều kiện để giai cấp công nhân phát triển toàn diện, phát huy vai trò trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững đất nước.

Phát huy tầm vóc và thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới vừa là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển lực lượng sản xuất, vừa là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Đối với Thái Nguyên, xây dựng đội ngũ công nhân hiện đại, có tri thức, kỹ năng, bản lĩnh, kỷ luật và trách nhiệm xã hội sẽ góp phần trực tiếp vào phát triển công nghiệp, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của tỉnh. Đây cũng là cơ sở quan trọng để giai cấp công nhân tiếp tục khẳng định vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới./.

BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI, SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN VÀ QUẢN LÝ RỦI RO MÔI TRƯỜNG TRONG TRIỂN KHAI TUYẾN CAO TỐC BẮC KẠN – CAO BẰNG DƯỚI GÓC NHÌN PHẢN BIỆN XÃ HỘI

TS Lê Minh Hường
Phó Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Trong chiến lược phát triển hạ tầng giao thông quốc gia và liên vùng giai đoạn tới, việc hoàn thiện các tuyến đường bộ cao tốc huyết mạch đóng vai trò là trục xương sống thúc đẩy liên kết kinh tế, mở không gian phát triển mới cho khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng khi hoàn thành sẽ mang ý nghĩa chiến lược to lớn trong việc rút ngắn khoảng cách giao thương, kết nối hành lang kinh tế và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng là công trình giao thông trọng điểm có quy mô tác động rất lớn, dự kiến thu hồi vĩnh viễn 891,45 ha đất (với địa phận Thái Nguyên chiếm 610,81 ha và Cao Bằng chiếm 280,64 ha) và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, chỗ ở của khoảng 390 hộ dân (2). Tuyến cao tốc đi qua địa hình miền núi phức tạp, khu vực có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, khối lượng đất đá dư thừa cần phải đổ thải khổng lồ lên tới 48,94 triệu m3(2). Dự án không chỉ đóng vai trò chiến lược trong việc hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối vùng Đông Bắc mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về quản lý rủi ro môi trường, bảo đảm sinh kế và giải quyết hài hòa các vấn đề an sinh xã hội.

Do dự án đang trong giai đoạn lập và thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS), việc đặt vấn đề nghiên cứu dưới lăng kính phản biện xã hội có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc. Phản biện xã hội không nằm ngoài mục đích cản trở mà là công cụ quản trị công quan trọng nhằm đánh giá khách quan, nhận diện sớm các rủi ro. Từ đó, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện dự án từ sớm, từ xa, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế hạ tầng với an sinh xã hội và phát triển bền vững.

1. Cơ sở lý luận và khung pháp lý về phản biện xã hội đối với các dự án đầu tư công trọng điểm

Dưới góc độ lý luận chính trị và quản lý công, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là phương thức thực hiện quyền lực nhân dân, thể hiện bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Đối với các dự án đầu tư công trọng điểm quốc gia có tác động trực diện đến đời sống Nhân dân, phản biện xã hội đóng vai trò là bộ lọc khách quan giúp cấp ủy, chính quyền nhìn nhận thấu đáo các chiều cạnh tác động mà quá trình khảo sát kỹ thuật thuần túy đôi khi chưa lường hết được.

Về khung pháp lý, việc triển khai các dự án hạ tầng lớn hiện nay gắn liền với những đổi mới quan trọng trong phân cấp, phân quyền quản lý hành chính nhà nước. Điển hình là việc áp dụng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp cùng các quy định mới về phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì xác minh nguồn gốc đất, giải quyết tranh chấp cơ sở theo các nghị định mới ban hành (như Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính

phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai). Điều này, tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao về năng lực quản lý, giám sát tại cơ sở nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong vùng dự án.

2. Tác động của Dự án cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng và những vấn đề đặt ra qua góc nhìn phản biện xã hội

2.1. Về quyền lợi hợp pháp, tái định cư và phục hồi sinh kế của người dân

Dự án cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng có phạm vi tác động rất lớn. Qua nghiên cứu Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng (bản cập nhật ngày 21/7/2026), các vấn đề cốt lõi đặt ra bao gồm:

- Bảo đảm nguyên tắc tái định cư và hạ tầng đồng bộ: Nguyên tắc cốt lõi là người dân có chỗ ở mới tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ đòi hỏi hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội (điện, nước, đường, trường học, trạm y tế) tại các khu tái định cư tập trung phải được hoàn thiện dứt điểm trước khi bàn giao đất thực địa. Đồng thời, cần vận dụng trình tự thủ tục rút gọn trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nơi ở mới để người dân sớm ổn định tâm lý.

- Bài toán phục hồi sinh kế hậu thu hồi đất: Với diện tích đất lâm nghiệp (745,06 ha) và đất lúa (53,70 ha) bị thu hồi (2), sinh kế truyền thống của người dân bị đứt gãy. Do đó, các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp không thể dừng lại ở đào tạo chung chung mà phải gắn với thực tế địa phương như: ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương cho các hạng mục thi công giản đơn, phát triển dịch vụ logistics, kinh tế biên mậu, và đặc biệt là tích hợp không gian quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP tại các trạm dừng nghỉ (như trạm tại Km48+000 và Km82+500) (2).

- Ứng xử với các vấn đề văn hóa - tâm linh nhạy cảm: Việc dự án ảnh hưởng đến khoảng 1,1 ha đất nghĩa trang đòi hỏi công tác di dời, cải táng phải được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận, đồng thuận tuyệt đối của thân nhân, hoàn thành trước khi triển khai các gói thầu xây lắp nhằm ngăn ngừa xung đột xã hội.

2.2. Về quản lý rủi ro môi trường, kỹ thuật hạ tầng và không gian cộng đồng

Với địa hình miền núi hiểm trở, khối lượng thi công và đào đắp của dự án là khổng lồ, đặt ra áp lực nặng nề về môi trường sinh thái và kết cấu hạ tầng dân sinh:

Tổng nhu cầu đổ thải của dự án lên tới 48,94 triệu m3 với diện tích bãi thải dự kiến 304 ha (2). Nếu không có biện pháp quản lý nghiêm ngặt, nguy cơ sạt lở, bồi lắng suối và ô nhiễm nguồn nước mặt hạ lưu là rất lớn. Do đó, cần tuân thủ nghiêm ngặt việc lắp đặt các bể lắng cặn tạm thời, đập chắn giảm tốc (Check Dams) bằng rọ đá tại các rãnh thoát nước dốc, đồng thời khuyến khích trạm nghiền đá tại chỗ để giảm áp lực bãi thải và tận dụng vật liệu.

Tuyến cao tốc với quy mô 4 làn xe, vận tốc 80 km/h tạo thành dải chia cắt cứng đối với các khu vực canh tác nông nghiệp (2). Hồ sơ thiết kế cần bảo đảm tĩnh không đứng tối thiểu 3m cho toàn bộ hệ thống hầm chui dân sinh để máy cày, xe vận tải nông sản lưu thông thuận tiện; đồng thời, hoàn trả triệt để hệ thống kênh mương thủy lợi, tránh ngập úng cục bộ.

Đối với các hạng mục đặc thù nằm trên ranh giới hành chính giữa hai tỉnh Thái Nguyên và Cao Bằng (điển hình là khu vực Hầm số 3 từ Km59+500 đến Km60+190) (2), cần phải thiết lập cơ chế phối hợp liên tỉnh chặt chẽ trong công tác phòng cháy chữa cháy,

cứu nạn cứu hộ, giám sát môi trường bãi thải và vận hành dùng chung hạ tầng giao thông thông minh (ITS).

3. Một số kiến nghị và giải pháp hoàn thiện dự án

Từ những phân tích trên, để nâng cao chất lượng Báo cáo nghiên cứu khả thi trước khi dự án chính thức được thông qua, cần tập trung thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

- Đối với Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế:

Rà soát, chuẩn xác hóa phương án thiết kế kỹ thuật tại các nút giao liên thông (bổ sung hệ thống cân kiểm tra tải trọng tự động tại 04 nút giao liên thông: Phủ Thông Km17+200, Nà Phặc Km28+000, Ngân Sơn Km44+000, Minh Khai Km71+500) và các hầm chui dân sinh (tĩnh không đứng tối thiểu 3m), đảm bảo không làm gián đoạn không gian sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân.

Hoàn thiện phương án bảo vệ môi trường chi tiết đối với 304 ha bãi thải, cam kết thực hiện thi công cuốn chiếu và hoàn trả hạ tầng dân sinh đồng bộ. Áp dụng bắt buộc giải pháp bể lắng cặn tạm thời và đập chắn giảm tốc (Check Dams) bằng rọ đá theo đúng thiết kế cơ sở.

- Đối với cấp ủy, chính quyền địa phương và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp:

Phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại các xã, phường có tuyến đường đi qua (như Phường Bắc Kạn, Đức Xuân, xã Phong Quang, Cẩm Giàng, Phủ Thông, Thượng Minh, Nà Phặc, Thượng Quan, Ngân Sơn, Bằng Vân…) để theo dõi sát sao tiến độ đền bù, chất lượng tái định cư và cam kết môi trường.

Xây dựng quy chế phối hợp giám sát liên tỉnh giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hai tỉnh Thái Nguyên và Cao Bằng, nhất là tại các địa bàn giáp ranh phức tạp như khu vực Hầm số 3 (Km59+500 - Km60+190).

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, thực hiện nghiêm túc chế độ đối thoại trực tiếp với các hộ dân chưa đồng thuận để tháo gỡ vướng mắc ngay từ cơ sở, tạo sự đồng thuận xã hội cao nhất, đặc biệt áp dụng phân cấp theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai để xác minh nguồn gốc đất lâm nghiệp và đất ở nhanh chóng.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng là công trình trọng điểm có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc. Dưới góc nhìn phản biện xã hội, việc chỉ ra những tác động nhiều chiều về sinh kế, tái định cư, môi trường và liên kết vùng là tiền đề khoa học vững chắc giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chủ đầu tư điều chỉnh, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi một cách tối ưu. Bảo đảm tốt quyền lợi hợp pháp của người dân, quản lý chặt chẽ rủi ro môi trường chính là chìa khóa then chốt để dự án khi triển khai đạt hiệu quả toàn diện cả về kinh tế - kỹ thuật, quốc phòng - an ninh và ổn định chính trị - xã hội ở địa phương./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên (2026), *Công văn số 1185/MTTQ-BTT ngày 28/7/2026 về việc xin ý kiến tham vấn về dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng.*

2. Chính phủ (2025), *Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.*

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (2026), *Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Bắc Kạn - Cao Bằng (bản cập nhật ngày 21/7/2026).*

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUA TÁC PHẨM "ĐỜI SỐNG MỚI" CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP HIỆN NAY

ThS Nguyễn Thùy Dương
Phó Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm "Đời sống mới" được viết vào tháng 3/1947, với bút danh Tân Sinh: "Tôi mong đồng bào ta mỗi người có một quyển "Đời sống mới" để xem, để hiểu, để thực hành đời sống mới. Như thế, chúng ta nhất định sẽ tiến bộ hơn"[1] đến nay vẫn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn. Ra đời trong kháng chiến chống Pháp, tác phẩm không chỉ hướng dẫn xây dựng nếp sống văn hóa, đạo đức mà còn thể hiện tư tưởng sâu sắc của Người về tổ chức xã hội, xây dựng chính quyền và phát huy vai trò Nhân dân. Sau gần 80 năm, những quan điểm này vẫn là kim chỉ nam cho việc đổi mới phương thức tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiệu lực, hiệu quả hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh càng mang tính thời sự. Quá trình này không chỉ dừng lại ở thay đổi cơ cấu, địa giới hay thẩm quyền, mà bản chất là đổi mới phương thức quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ và xây dựng đội ngũ cán bộ trách nhiệm, kỷ luật, gần dân, trọng dân. Vận dụng tác phẩm "Đời sống mới" vào mô hình chính quyền địa phương 2 cấp chính là hướng tiếp cận quan trọng nhằm xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ, vì dân trong giai đoạn mới.

1. Những giá trị cốt lõi trong tác phẩm "Đời sống mới"

** Quan niệm khoa học, biện chứng về đổi mới và phát triển*

Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp cận đời sống mới từ một quan điểm vừa cụ thể, thiết thực, vừa thể hiện rõ tính biện chứng trong xử lý mối quan hệ giữa cái cũ và cái mới. Người viết:"Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm"[2].

Quan điểm của Người cho thấy, xây dựng đời sống mới không đồng nghĩa với phủ định toàn bộ những giá trị đã có mà là quá trình có kế thừa, chọn lọc và phát triển trên cơ sở yêu cầu của thực tiễn. Đối với xây dựng chính quyền, tư tưởng này có giá trị phương pháp luận rõ nét trong quá trình sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy hiện nay. Một mặt, cần kế thừa những giá trị, kinh nghiệm và phương thức quản lý đã được thực tiễn khẳng định; mặt khác, phải chủ động khắc phục những hạn chế của cơ chế quản lý cũ, nhất là biểu hiện quan liêu, hành chính hóa, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và những thủ tục không còn phù hợp. Đồng thời, việc tổ chức và vận hành chính quyền cần tiếp thu những phương thức quản trị mới, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, hướng tới xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch và phục vụ Nhân dân.

** Hệ giá trị đạo đức cốt lõi: Cần, Kiệm, Liêm, Chính*

Một trong những nội dung có ý nghĩa xuyên suốt trong tác phẩm "Đời sống mới" là yêu cầu thực hành các chuẩn mực "Cần, Kiệm, Liêm, Chính" đối với mỗi người, đặc biệt là đối với những người làm việc trong các cơ quan nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ xem đây

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 5, tr.111

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 5, tr.112

là những phẩm chất đạo đức mang tính tu dưỡng cá nhân, mà đặt chúng trong mối quan hệ trực tiếp với trách nhiệm của cán bộ trước Nhân dân và với hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Người viết:

"Cần - Làm việc phải đến đúng giờ, chớ đến trễ, về sớm. Làm cho chóng, cho chu đáo. Việc ngày nào nên làm xong ngày ấy, chớ để chờ ngày mai. Phải nhớ rằng: Dân đã lấy tiền mồ hôi nước mắt để trả lương cho ta trong những thì giờ đó. Ai lười biếng tức là lừa gạt dân.

Kiệm - Giấy bút, vật liệu, đều tốn tiền của Chính phủ, tức là của dân; ta cần phải tiết kiệm. Nếu một miếng giấy nhỏ đủ viết, thì chớ dùng một tờ to. Một cái phong bì có thể dùng hai ba lần. Mỗi ngày công sở cả nước dùng hàng mấy vạn tờ giấy và phong bì. Nơi nào cũng tiết kiệm một chút, thì trong một năm đỡ được hàng vạn tấn giấy, tức là hàng triệu đồng bạc. Các vật liệu khác cũng vậy. Nhờ các công sở tiết kiệm, mà lợi cho dân rất nhiều.

Liêm - Những người ở các công sở, từ làng cho đến Chính phủ trung ương, đều dễ tìm dịp phát tài, hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc khoét đục nhân dân. Đến khi lộ ra, bị phạt, thì mất hết cả danh giá, mà của phi nghĩa đó cũng không được hưởng. Vì vậy, những người trong công sở phải lấy chữ Liêm làm đầu.

Chính - Mình là người làm việc công, phải có công tâm, công đức. Chớ đem của công dùng vào việc tư, chớ đem người tư làm việc công. Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán. Mình có quyền dùng người thì phải dùng những người có tài năng, làm được việc. Chớ vì bà con bầu bạn, mà kéo vào chức nọ chức kia. Chớ vì sợ mất địa vị mà dìm những kẻ có tài năng hơn mình. Phải trung thành với Chính phủ, với đồng bào. Chớ lên mặt làm quan cách mệnh"[3].

Trong điều kiện xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp, các chuẩn mực này cần được cụ thể hóa trong kỷ luật, kỷ cương hành chính, quản lý tài sản công, sử dụng ngân sách, tuyển dụng và bố trí cán bộ, giải quyết công việc cũng như thực hiện quyền hạn được giao. Bộ máy được tổ chức tinh gọn sẽ không tự tạo ra hiệu quả nếu thiếu một đội ngũ cán bộ có trách nhiệm, liêm chính và công tâm. Do đó, xây dựng tổ chức phải đồng thời với xây dựng con người; đổi mới cơ chế phải đi cùng với củng cố đạo đức công vụ.

** Tư tưởng trọng dân và chính quyền phục vụ*

Tư tưởng trọng dân là một nội dung xuyên suốt trong quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng đời sống mới và tổ chức hoạt động của chính quyền. Người đặt cán bộ, công chức trong mối quan hệ trực tiếp với Nhân dân và nhấn mạnh trách nhiệm phục vụ Nhân dân của mỗi người trong bộ máy nhà nước: "Từ Chủ tịch Chính phủ cho đến người chạy giấy, người quét dọn trong một cơ quan nhỏ, đều là những người ăn lương của dân, làm việc cho dân, phải được dân tin cậy"[4].

Quan điểm đó khẳng định bản chất quyền lực nhà nước thể hiện ở trách nhiệm phục vụ, tôn trọng, lắng nghe và giải quyết nhu cầu chính đáng của Nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng đời sống mới suy cho cùng là nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất đầy đủ và đời sống tinh thần lành mạnh cho Nhân dân. Đây cũng là cơ sở để xác định mục tiêu và tiêu chí của một nền chính quyền thực sự vì dân. Trong điều kiện hiện nay, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp gắn với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách hành chính, tư tưởng trọng dân của Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa thiết thực. Tinh gọn bộ máy không chỉ nhằm giảm đầu mối, giảm tầng nấc trung gian mà phải hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và người dân, giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện, công khai và minh bạch. Theo đó, hiệu lực, hiệu quả của chính quyền không chỉ được đánh giá bằng quy mô hay số lượng công việc được giải quyết mà quan trọng hơn là bằng kết quả thực tế đối với đời sống Nhân dân, mức độ tiếp cận dịch vụ công và niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền. Đây chính

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 5, tr.122, 123.

[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 5, tr.122.

là sự chuyển hóa tư tưởng "làm việc cho dân" của Hồ Chí Minh thành yêu cầu xây dựng chính quyền phục vụ trong điều kiện mới.

2. Giá trị thực tiễn trong xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay

Thứ nhất, góp phần định hướng tư duy và phương thức tổ chức bộ máy chính quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp đơn vị hành chính là bước chuyển quan trọng nhằm đổi mới bộ máy nhà nước ở địa phương. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong tác phẩm "Đời sống mới", giá trị của quá trình này không dừng ở giảm đầu mối, tầng nấc trung gian mà cốt lõi là thay đổi phương thức tổ chức, vận hành. Việc sắp xếp cấp tỉnh, cấp xã giúp mở rộng không gian phát triển, tối ưu hóa nguồn lực và khắc phục tình trạng phân tán. Tuy nhiên, tinh gọn tổ chức chỉ thực sự hiệu quả khi đi liền với đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao năng lực thực thi công vụ.

Ở phương diện này, tư tưởng Hồ Chí Minh mang ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc: Cái gì không phù hợp hay cản trở công việc chung phải loại bỏ, những giá trị và cách làm tốt cần kế thừa, phát triển. Vận dụng vào mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hiện nay đòi hỏi phải rà soát, phân định rõ chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng vị trí công tác; xóa bỏ trùng lặp hay bỏ sót nhiệm vụ; bảo đảm công việc thông suốt trong quá trình chuyển đổi. Như vậy, "tinh gọn" không chỉ là giảm số lượng tổ chức, biên chế mà sâu xa hơn là tinh giản quy trình, thủ tục và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới, gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đặt ra yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ cán bộ, công chức. Bởi khi chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền mạnh hơn thì trách nhiệm của người thực thi công vụ cũng phải được xác định rõ hơn. Trong điều kiện đó, tư tưởng "Cần, Kiệm, Liêm, Chính" trong tác phẩm "Đời sống mới" có thể được vận dụng vào việc xây dựng chuẩn mực đạo đức công vụ gắn với yêu cầu về năng lực, trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ, những yêu cầu đó cần được cụ thể hóa bằng các cơ chế đánh giá cán bộ dựa trên vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao và kết quả đầu ra. Việc xác định rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn và rõ kết quả là cơ sở để chuyển từ đánh giá nặng về hồ sơ, thủ tục sang đánh giá thực chất hiệu quả công việc. Các công cụ quản trị hiện đại, trong đó có hệ thống chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPI) nếu được xây dựng phù hợp với đặc thù của cơ quan hành chính, sẽ góp phần lượng hóa tiến độ, chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, tập thể. Tuy nhiên, KPI không thể thay thế các chuẩn mực đạo đức công vụ mà phải được đặt trong một hệ thống đánh giá tổng thể, kết hợp giữa kết quả công việc, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương và thái độ phục vụ Nhân dân. Qua đó, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, tác phong chuyên nghiệp, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, đáp ứng yêu cầu vận hành bộ máy chính quyền tinh gọn hoạt động hiệu quả trong điều kiện mới.

Thứ ba, đổi mới văn hóa công vụ, xây dựng chính quyền gần dân, phục vụ Nhân dân. Hồ Chí Minh luôn đặt hoạt động của chính quyền trong mối quan hệ với đời sống của Nhân dân, coi việc làm cho đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện là mục tiêu của xây dựng đời sống mới. Trong điều kiện mới, yêu cầu "gần dân" cần được thể hiện bằng những phương thức cụ thể: thủ tục hành chính đơn giản, dễ tiếp cận; giải quyết công việc đúng hạn; công khai, minh bạch trong thực thi công vụ; tăng cường ứng dụng công nghệ số để người dân có thể thực hiện các thủ tục thuận tiện hơn. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan và cán bộ có thẩm quyền. Công nghệ và chuyển đổi số chỉ thực sự có ý nghĩa khi góp phần giảm thời gian, chi phí và những phiền hà không cần thiết cho người dân. Theo đó, thước đo quan trọng của cải cách hành chính không chỉ là số lượng thủ tục được số hóa hay tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn, mà còn phải được phản ánh qua chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng, tin cậy của người dân đối với chính quyền. Đây chính là sự cụ thể hóa tư tưởng "làm việc cho dân" của Hồ Chí Minh trong điều kiện xây dựng nền hành chính hiện đại.

(Xem tiếp trang 39)

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỶ NGUYÊN MỚI

ThS Nguyễn Thị Giang

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây không chỉ là thành trì lý luận khoa học vững chắc nhất mà còn là kim chỉ nam cho mọi hành động của cách mạng Việt Nam, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc qua các thời kỳ lịch sử. Sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và mạng xã hội xuyên biên giới, đã thay đổi hoàn toàn phương thức tiếp cận thông tin xã hội. Lợi dụng xu thế này, các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị đang điên cuồng đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" với thủ đoạn ngày càng tinh vi, quy mô và quyết liệt hơn bao giờ hết.

Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã xác định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ Nhân dân; là nội dung cốt lõi của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Trong cấu trúc lực lượng thực hiện nhiệm vụ này, đội ngũ giảng viên lý luận chính trị tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; các Học viện khu vực; các trường chính trị tỉnh, thành phố; trung tâm chính trị các xã, phường, các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân giữ một vai trò đặc thù, trọng yếu. Họ là những người trực tiếp tiếp xúc, giảng dạy, định hướng tư tưởng và rèn luyện bản lĩnh cho cán bộ, đảng viên, học viên và thế hệ trẻ - đối tượng trọng điểm mà các thế lực thù địch thường xuyên nhắm tới để lôi kéo, tha hóa, kích động.

1. Phát huy vai trò của giảng viên lý luận chính trị trong công tác đưa chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và củng cố niềm tin cách mạng (Mặt trận "Xây")

Trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phương châm "xây để chống, chống để xây" luôn được xem là nguyên tắc cốt lõi được đặt lên hàng đầu, trong đó "xây" là nhiệm vụ lâu dài, còn "chống" là nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách. Nhiệm vụ này được cụ thể hóa qua ba phương diện căn bản:

Thứ nhất, khẳng định tính khoa học, cách mạng và giá trị trường tồn của nền tảng tư tưởng. Trong mỗi giờ giảng, người giảng viên có trách nhiệm làm sáng tỏ bản chất khoa học, giá trị nhân văn, tính đúng đắn mang tính thời đại gắn với nền tảng tư tưởng của Đảng. Đồng thời, giảng viên phải phân tích sâu sắc, khách quan tiến trình đổi mới, hệ thống hóa những thành tựu có ý nghĩa lịch sử mà đất nước ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân đang tích cực triển khai và đưa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào cuộc sống, giảng viên lý luận chính trị đóng vai trò quan trọng trong việc luận giải những điểm mới về lý luận. Họ giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu đúng, hiểu đủ về tầm nhìn chiến lược, các mục tiêu phát triển đột phá và khát vọng vươn mình của đất nước trong kỷ nguyên mới, từ đó tạo ra sự thống nhất cao về mặt nhận thức và hành động.

Thứ hai, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng cho người học. Đối tượng trực tiếp của giảng viên lý luận chính trị là đội ngũ cán bộ quy hoạch, đảng viên và thế hệ trẻ, cũng chính là những đối tượng trọng điểm mà thế lực thù địch nhắm tới.

Giảng viên trang bị cho người học phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, giúp họ có khả năng tự sàng lọc thông tin, tự đề kháng vững vàng trước luận điệu xuyên tạc.

Thứ ba, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận thuần túy với thực tiễn sinh động của địa phương và ngành, lĩnh vực. Sự thuyết phục của giảng viên nằm ở khả năng "thực tiễn hóa" lý luận. Đối với giảng viên lý luận chính trị, năng lực "thực tiễn hóa" bài giảng chính là thước đo độ sắc bén về tư tưởng. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tuyệt nhiên không phải là những tuyên ngôn trừu tượng, xa rời quần chúng; trái lại, nhiệm vụ này phải được cụ thể hóa, gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Quá trình lên lớp, đòi hỏi người giảng viên phải bám sát thực tiễn, nhạy bén nắm bắt tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, ngành, lĩnh vực mà học viên đang công tác. Bằng nhãn quan duy vật biện chứng, giảng viên có trách nhiệm phân tích, soi rọi những điểm nghẽn, những vấn đề phức tạp, nhạy cảm tại cơ sở bằng lý luận. Khi chân lý được minh chứng bằng những thành tựu đổi mới cụ thể, bằng những tấm gương tiên phong, gương mẫu từ chính cơ quan, đơn vị, nó sẽ thẩm thấu một cách tự nhiên vào nhận thức, chuyển hóa thành niềm tin vững chắc và bản lĩnh chính trị của người học. Từ đó, lý luận thực sự trở thành vũ khí sắc bén, tạo lập trận địa tư tưởng kiên cố để mỗi cán bộ, đảng viên sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc của các thế lực thù địch.

2. Phát huy vai trò của giảng viên lý luận chính trị trong công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng và các lĩnh vực xã hội (Mặt trận "Chống")

Nhận diện chính xác và luận giải khoa học trước các âm mưu, thủ đoạn tinh vi của kẻ địch. Các thế lực thù địch thường sử dụng chiêu bài núp bóng diễn đàn học thuật, lợi dụng các vấn đề nhạy cảm hay công tác phòng chống tham nhũng để xuyên tạc. Giảng viên với ưu thế về tri thức chuyên sâu và phương pháp luận biện chứng có đủ năng lực bóc trần bản chất phản động; mỗi bài viết chính luận, công trình khoa học của họ là những vũ khí sắc bén bẻ gãy luận điệu thù địch từ gốc.

Chuyển đổi phương thức đấu tranh gắn liền với không gian mạng và công nghệ số. Bám sát chiến lược chuyển đổi số, giảng viên mở rộng không gian tác chiến ra mạng xã hội (Facebook, Youtube, TikTok...), chuyển hóa công trình nghiên cứu hàn lâm thành bài viết chính luận ngắn gọn, ngôn từ hiện đại để định hướng dư luận, lấn át các luồng thông tin độc hại, tạo dòng thông tin chủ lưu tích cực.

Gắn kết chặt chẽ giữa chống thế lực thù địch từ bên ngoài và chống suy thoái biến chất bên trong.

3. Một số giải pháp nâng cao năng lực của giảng viên lý luận chính trị trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Một là, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị và cập nhật kịp thời kiến thức lý luận mới. Thường xuyên tổ chức khóa bồi dưỡng chuyên sâu, cập nhật các luận điểm mới từ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Xây dựng cơ chế cho giảng viên tiếp cận nguồn thông tin chính thống nhanh chóng, bảo mật để làm rõ bản chất các vấn đề "nhạy cảm" chính trị.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo hướng gắn kết chặt chẽ, tự nhiên giữa lý luận và thực tiễn. Giảng viên cần tích cực áp dụng các phương pháp sư phạm hiện đại, ứng dụng sơ đồ tư duy, thảo luận nhóm, giải quyết tình huống, nhằm phát huy tối đa tính chủ động và tư duy phản biện của người học. Thay vì chỉ cung cấp kiến thức một chiều theo kiểu "thầy đọc trò chép", giảng viên đóng vai trò là người định hướng, hướng dẫn học viên cách tự nhận diện, phân tích bản chất và chủ động bóc gỡ các luận điệu xuyên tạc ngay từ môi trường học tập. Khi

người học tự mình tìm ra chân lý thông qua sự định hướng của giảng viên, niềm tin cách mạng của họ sẽ trở nên vô cùng kiên cố.

Ba là, nâng cao năng lực chuyển đổi số và kỹ năng tác chiến trên không gian mạng. Trong bối cảnh toàn Đảng đang nỗ lực thực hiện chiến lược chuyển đổi số quốc gia, việc nâng cao trình độ công nghệ thông tin và kỹ năng số cho giảng viên lý luận chính trị là yêu cầu bắt buộc, mang tính sống còn. Giảng viên không thể chiến đấu bằng tư duy cũ trên một chiến trường công nghệ mới. Họ cần được đào tạo, trang bị các kỹ năng chuyên sâu về khai thác thông tin mạng xã hội, nhận diện các phương thức truyền thông đen mới của các thế lực thù địch (như việc sử dụng trí tuệ nhân tạo AI để viết bài tự động, tạo tin giả sâu - Deepfake bằng hình ảnh và giọng nói giả mạo).

Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ giảng viên chuyển hóa các công trình nghiên cứu khoa học nặng tính hàn lâm thành các sản phẩm truyền thông đa phương tiện (như: Bài viết ngắn, infographic, video clip ngắn, podcast) súc tích, trực quan, dễ tiếp cận để lan tỏa rộng rãi trên mạng Internet. Những sản phẩm này sẽ tạo ra sức lan tỏa sâu rộng, chiếm lĩnh trận địa mạng, thu hút sự chú ý tích cực của giới trẻ.

Bốn là, đưa nội dung bóc trần luận điệu xuyên tạc vào sinh hoạt chuyên môn thường kỳ của khoa, phòng. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn hằng tháng, khoa nên chọn ra 1-2 thông tin xuyên tạc đang nổi cộm trên mạng xã hội để cùng trao đổi, phân tích. Qua thảo luận, tập thể giảng viên sẽ thống nhất được các luận cứ khoa học để phản bác. Điều này, giúp mọi giảng viên đều được cập nhật thông tin kịp thời và có chung một "tiếng nói" chuẩn xác khi lên lớp đối mặt với những câu hỏi khó của học viên.

Năm là, tổ chức dự giờ, thao giảng chuyên sâu về kỹ năng "lồng ghép". Lồng ghép nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng vào bài giảng nếu không khéo léo sẽ rất gượng ép, khô cứng. Do đó, cần tăng cường các buổi dự giờ, thao giảng tập trung giải quyết bài toán đưa nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái vào bài giảng thông qua các ví dụ, tình huống thực tế. Qua việc đóng góp ý kiến sau giờ giảng, giảng viên sẽ học hỏi được nghệ thuật sư phạm từ chính đồng nghiệp của mình.

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ mang tính lâu dài, phức tạp và toàn diện, đòi hỏi sự kiên định trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, vai trò của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị ngày càng được khẳng định và đặt ra những yêu cầu cao hơn. Để giữ vững và lan tỏa sức sống của lý luận, mỗi giảng viên cần không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm chính trị, chủ động tự học, tự bồi dưỡng, cập nhật tri thức và thích ứng với yêu cầu của quá trình chuyển đổi số./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV.*

2. Bộ Chính trị khóa XII (2018), N*ghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.*

3. Ban Chỉ đạo Trung ương bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch (2025), *Kế hoạch số 52-KH/BCĐTW, ngày 30/12/2025 về xác định các nhiệm vụ trọng tâm về hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong năm 2026.*

4. Sách chuyên khảo (2021), *Công an nhân dân đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng - Những vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới qua đấu tranh chính luận,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN VỚI LIÊM CHÍNH TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ThS Lục Thị Minh Phương
Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giảng viên trường chính trị, gắn trực tiếp với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách cho tỉnh. Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động khoa học ngày càng cao, liêm chính khoa học trở thành yêu cầu tất yếu, vừa là chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, vừa là điều kiện bảo đảm chất lượng và giá trị của sản phẩm nghiên cứu.

Liêm chính khoa học là yêu cầu tất yếu đối với giảng viên trường chính trị.

Trong nghiên cứu khoa học, liêm chính là nền tảng bảo đảm giá trị của tri thức khoa học. Một công trình chỉ thực sự có giá trị khi được hình thành trên cơ sở trung thực về dữ liệu, khách quan trong phân tích, minh bạch về phương pháp và nguồn thông tin, nghiêm túc trong trích dẫn và công bố kết quả. Ngược lại, những hành vi như sao chép, đạo văn, làm sai lệch số liệu, sử dụng nguồn thông tin không rõ ràng, che giấu hạn chế của nghiên cứu hoặc công bố kết quả không trung thực đều làm suy giảm giá trị khoa học của công trình. Đối với giảng viên trường chính trị, yêu cầu này càng có ý nghĩa đặc biệt. Sản phẩm nghiên cứu của giảng viên không chỉ được sử dụng trong môi trường học thuật mà còn là tài liệu phục vụ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Do đó, một kết quả nghiên cứu thiếu trung thực có thể dẫn đến những nhận định, đánh giá hoặc kiến nghị không phù hợp với thực tiễn.

Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc nâng cao chất lượng và trách nhiệm trong hoạt động khoa học. Đặc biệt, Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG) ban hành Quy chế hoạt động khoa học của trường chính trị đã xác định rõ nguyên tắc: hoạt động khoa học phải gắn với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tổng kết thực tiễn và bảo đảm trung thực, khách quan, minh bạch, liêm chính trong hoạt động khoa học. Quy chế cũng xác định phạm vi hoạt động khoa học của trường chính trị khá toàn diện, từ thực hiện đề tài, đề án, hội thảo, tọa đàm; điều tra, khảo sát; xây dựng báo cáo kiến nghị, tư vấn chính sách; biên soạn tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; công bố kết quả nghiên cứu đến tổng kết thực tiễn, xây dựng mô hình điển hình và xuất bản sách, chuyên khảo. Điều đó đặt ra yêu cầu mỗi giảng viên phải có ý thức trách nhiệm cao trong toàn bộ quá trình nghiên cứu.

Liêm chính khoa học, vì vậy, cần được nhìn nhận không chỉ là việc không đạo văn hay không gian lận số liệu mà còn là thái độ tôn trọng sự thật, tôn trọng kết quả nghiên cứu, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về sản phẩm khoa học của mình.

Liêm chính khoa học gắn với đặc thù nghiên cứu của trường chính trị.

Đặc thù nổi bật trong nghiên cứu khoa học của trường chính trị là sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Theo Quy chế hoạt động khoa học ban hành kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, nhiệm vụ tổng kết thực tiễn tập trung vào những vấn đề về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, hoạt động lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền, phát triển kinh

tế - xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Do đó, liêm chính trước hết phải được thể hiện ở tính trung thực trong tổng kết thực tiễn. Giảng viên nghiên cứu phải phản ánh đúng tình hình, cả những kết quả đạt được và những hạn chế, khó khăn, bất cập. Không nên chỉ lựa chọn những số liệu thuận lợi để minh chứng cho một nhận định đã định trước; ngược lại, những vấn đề còn hạn chế cần được nhận diện, phân tích và lý giải trên cơ sở khoa học. Đối với các nghiên cứu có điều tra, khảo sát, phỏng vấn, giảng viên phải bảo đảm tính trung thực của dữ liệu; không tự ý thêm, bớt hoặc sửa đổi thông tin nhằm làm cho kết quả phù hợp với giả thuyết nghiên cứu. Những số liệu, tài liệu được sử dụng phải có nguồn gốc rõ ràng; các quan điểm, kết quả nghiên cứu của người khác phải được trích dẫn phù hợp.

Liêm chính còn thể hiện ở việc phân biệt giữa kết quả nghiên cứu và nhận định chủ quan của người nghiên cứu. Những kiến nghị chính sách phải xuất phát từ bằng chứng thực tiễn, phù hợp với phạm vi nghiên cứu, tránh đưa ra những kết luận vượt quá khả năng chứng minh của dữ liệu. Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, yêu cầu này càng trở nên cần thiết. Các công cụ công nghệ có thể hỗ trợ tìm kiếm, xử lý và trình bày thông tin, nhưng không thể thay thế trách nhiệm của giảng viên đối với tính chính xác và trung thực của sản phẩm khoa học. Người nghiên cứu phải kiểm chứng thông tin, chịu trách nhiệm về nguồn dữ liệu và nội dung cuối cùng được công bố.

Nhận thức rõ vị trí của nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã quan tâm gắn hoạt động nghiên cứu với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, tổng kết thực tiễn và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đội ngũ giảng viên ngày càng chủ động tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu, hội thảo, tọa đàm, khảo sát thực tế và công bố các sản phẩm khoa học.

Một kết quả đáng ghi nhận là 100% giảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hằng năm, từng bước hình thành ý thức nghiên cứu thường xuyên, nghiêm túc và có trách nhiệm. Trong quá trình nghiên cứu, nhà trường chú trọng yêu cầu bảo đảm tính trung thực, khách quan và liêm chính; qua đó, góp phần xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học lành mạnh. Đặc biệt, hoạt động tham gia Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong những năm gần đây đã trở thành một hoạt động nghiên cứu hiệu quả của đội ngũ giảng viên. Chỉ tính trong 3 năm (2024-2026), Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên luôn là một trong những tập thể xuất sắc đoạt giải tại Vòng Sơ khảo Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Về giải thưởng dành cho tác giả, nhóm tác giả, năm 2024 Nhà trường có 02 giải C và 02 giải Khuyến khích; năm 2025 có 01 giải A, 01 giải B, 01 giải C và 02 giải Khuyến khích; năm 2026 có 02 giải B, 02 giải C và 05 giải Khuyến khích. Những kết quả trên thể hiện tinh thần trách nhiệm và năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên. Đồng thời, qua hoạt động này cho thấy việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ngày càng cần được thực hiện trên cơ sở khoa học, bằng những luận cứ, dẫn chứng và kết quả tổng kết thực tiễn xác đáng. Muốn vậy, tính chính xác, khách quan và trung thực của thông tin là yếu tố không thể thiếu.

Từ thực tiễn của Nhà trường có thể thấy, xây dựng liêm chính khoa học không phải là nhiệm vụ riêng của bộ phận quản lý khoa học mà cần trở thành ý thức tự giác và chuẩn mực nghề nghiệp của từng giảng viên. Để nâng cao liêm chính trong nghiên cứu khoa học của giảng viên trong thời gian tới, Nhà trường cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức về liêm chính khoa học. Mỗi giảng viên cần xác định nghiên cứu khoa học không chỉ nhằm hoàn thành

nhiệm vụ, định mức hay tiêu chí thi đua mà trước hết là trách nhiệm nghề nghiệp. Mỗi sản phẩm khoa học phải có giá trị thực chất, phản ánh đúng vấn đề nghiên cứu và có đóng góp nhất định về lý luận hoặc thực tiễn.

Hai là, nâng cao năng lực và phương pháp nghiên cứu. Liêm chính khoa học gắn chặt với năng lực nghiên cứu. Giảng viên cần được bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp điều tra, khảo sát, xử lý dữ liệu, phân tích định tính, định lượng, kỹ năng trích dẫn, công bố khoa học và sử dụng các công cụ công nghệ mới. Khi có phương pháp nghiên cứu đúng, nguy cơ sai sót và vi phạm trong nghiên cứu sẽ được hạn chế.

Ba là, tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm khoa học. Các quy trình xét duyệt, phản biện, nghiệm thu đề tài và bài viết cần chú trọng thực chất vào phương pháp nghiên cứu, độ tin cậy của dữ liệu, tính logic của lập luận và giá trị của kết quả. Việc kiểm tra trùng lặp, kiểm tra nguồn trích dẫn và sử dụng các công cụ công nghệ phù hợp cần được thực hiện nghiêm túc.

Bốn là, chuyển từ đánh giá số lượng sang chú trọng chất lượng và tác động của nghiên cứu. Một sản phẩm khoa học có giá trị không chỉ được đánh giá bởi số lượng bài viết hoặc số lượng đề tài mà quan trọng hơn là chất lượng nội dung, tính mới, độ tin cậy và khả năng phục vụ đào tạo, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách.

Năm là, tăng cường nghiên cứu thực tế tại cơ sở. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với giảng viên trường chính trị. Thông qua khảo sát thực tế, tiếp xúc với cán bộ, người dân, nghiên cứu mô hình và kiểm chứng thông tin từ nhiều nguồn, giảng viên có thể nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, hạn chế tình trạng nghiên cứu thuần túy dựa trên tài liệu thứ cấp.

Sáu là, xây dựng văn hóa phản biện khoa học và trách nhiệm nêu gương. Cần tạo môi trường để giảng viên trao đổi, phản biện và góp ý thẳng thắn trên tinh thần khoa học. Đồng thời, mỗi giảng viên phải thực sự nêu gương về trung thực, khách quan, tôn trọng sự thật và quyền sở hữu trí tuệ. Đối với giảng viên trường chính trị, đây còn là yêu cầu gắn với trách nhiệm của người trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Liêm chính khoa học là nền tảng của chất lượng nghiên cứu và là một bộ phận quan trọng của đạo đức nghề nghiệp đối với giảng viên trường chính trị. Trong điều kiện hoạt động khoa học ngày càng gắn chặt với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách, yêu cầu trung thực, khách quan, minh bạch và liêm chính càng trở nên cần thiết. Trong thời gian tới, mỗi giảng viên cần coi liêm chính khoa học là chuẩn mực nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và văn hóa của Nhà trường. Nghiên cứu phải xuất phát từ những vấn đề thực tiễn, tôn trọng sự thật, dựa trên bằng chứng, tuân thủ phương pháp khoa học và chịu trách nhiệm về sản phẩm của mình. Khi liêm chính trở thành nguyên tắc tự giác trong từng đề tài, từng cuộc khảo sát, từng bài viết và từng sản phẩm công bố, nghiên cứu khoa học của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên sẽ ngày càng có chất lượng, có giá trị thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tổng kết thực tiễn, tư vấn chính sách và xây dựng Nhà trường ngày càng chuẩn mực, hiện đại, có uy tín./.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2025), *Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.*

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Quy chế hoạt động khoa học của trường chính trị (ban hành kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh).*

3. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên (2026), *Báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học và kết quả tham gia Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng giai đoạn 2024 - 2026.*

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI THÁI NGUYÊN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW – YÊU CẦU TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

ThS Đàm Thùy Dương

Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Xây dựng con người luôn là vấn đề trung tâm, cốt lõi, mục tiêu cao nhất trong các nghị quyết của Đảng ta về văn hóa. Tư tưởng đó tiếp tục được kế thừa và làm sâu sắc trong Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam (Nghị quyết số 80-NQ/TW), xác định: Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Đó không chỉ là đòi hỏi khách quan đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới nói chung mà còn là yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng, phát triển con người tỉnh Thái Nguyên hiện nay nói riêng.

Trong dòng chảy tư duy của Đảng về văn hóa, xây dựng con người luôn là cái gốc, là đích đến cao nhất. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt qua các thời kỳ từ Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị về đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa; Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đến Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã tạo bệ phóng vững chắc cho diện mạo văn hóa nước nhà.

Ngày 07/01/2026, Bộ Chính trị tiếp tục tạo một bước ngoặt lịch sử khi ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hoá Việt Nam. Văn kiện chiến lược này đã làm sâu sắc hơn hệ tư tưởng cũ và định vị rõ ràng: Phát triển văn hóa phải gắn liền với sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới, dựa trên bộ "kiềng ba chân" vững chắc gồm hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và các chuẩn mực con người Việt Nam.

Định hướng mang tầm vĩ mô này không chỉ là lời giải cho bài toán phát triển văn hóa, con người Việt Nam giai đoạn mới mà còn là "mệnh lệnh" hành động, đặt ra những nhiệm vụ then chốt cho các địa phương trong việc đúc kết bản sắc con người vùng miền trong đó có tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

Không dừng lại ở việc kế thừa lý luận, Nghị quyết số 80-NQ/TW là lời giải cho những yêu cầu của thực tiễn khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới với nhu cầu đột phá để phát triển nhanh và bền vững. Tinh thần cốt lõi của Nghị quyết mang tính lịch sử này là đặt con người làm trung tâm, thúc đẩy mối quan hệ biện chứng: phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, và ngược lại, xây dựng con người để làm đòn bẩy phát triển văn hóa. Tầm nhìn chiến lược đó được hiện thực hóa bằng việc lần đầu tiên định lượng rõ ràng bộ chỉ số phát triển thông qua 4 hệ giá trị chủ đạo gồm: Hệ giá trị quốc gia (8 chuẩn mực), hệ giá trị con người Việt Nam (9 chuẩn mực: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo), hệ giá trị gia đình (5 chuẩn mực) và hệ giá trị văn hóa. Việc cụ thể hóa các tiêu chí này từ nền tảng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được giới chuyên gia đánh giá là "kim chỉ nam" đặc biệt quan trọng, giúp định hình lại hệ chuẩn mực xã hội trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập sâu rộng đang tạo ra nhiều biến động mạnh mẽ về mặt giá trị.

Để đưa các hệ giá trị này vào thực tiễn, Nghị quyết yêu cầu đặt giáo dục đạo đức, văn hóa lên hàng đầu ngay từ bậc mầm non, thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa ba trụ cột "Gia đình - Nhà trường - Xã hội" nhằm rèn giũa thế hệ trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ, hướng tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Song song với đó, việc xây dựng văn hóa nêu gương trong Đảng và hệ thống chính trị, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa "Bộ đội Cụ Hồ", 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân và định hình rõ nét mẫu hình "công bộc của dân" trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Ở khu vực kinh tế, Nghị quyết thúc đẩy kiến tạo đội ngũ doanh nhân mới với chuẩn mực đạo đức kinh doanh mang đậm bản sắc dân tộc nhưng hòa nhập sâu rộng với tinh hoa quốc tế. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, giữa yếu tố dân tộc và quốc tế trong Nghị quyết 80-NQ/TW chính là chìa khóa để nâng tầm phẩm cách quốc gia, củng cố đạo đức xã hội và khơi dậy khát vọng cống hiến vì một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Nhận thức sâu sắc quan điểm của Nghị quyết 80-NQ/TW về xây dựng phát triển con người Việt Nam có ý nghĩa quan trọng đối với nhiệm vụ xây dựng, phát triển con người Thái Nguyên. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và xây dựng tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh, bền vững, việc xây dựng con người Thái Nguyên phát triển toàn diện, có bản lĩnh chính trị, có tri thức, nhân ái, trách nhiệm, kỷ luật, năng động, sáng tạo, có khát vọng cống hiến trở thành yêu cầu cấp thiết. Để xây dựng, phát triển con người Thái Nguyên phát triển toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 80-NQ/TW, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tập trung xây dựng hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Thái Nguyên trong thời kỳ mới. Xây dựng và triển khai hệ giá trị đạo đức, chuẩn mực con người Thái Nguyên thời kỳ hội nhập với các phẩm chất "có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tri thức, nhân ái, trách nhiệm, kỷ luật, năng động, sáng tạo, có khát vọng cống hiến" phù hợp với văn hóa địa phương và định hướng hệ giá trị quốc gia. Cùng với đó, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong gia đình, bộ chỉ số về gia đình hạnh phúc. Đồng thời, xây dựng, hướng dẫn, triển khai văn hóa công vụ, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập, bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường, trong quân đội, công an nhân dân, lĩnh vực y tế… bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng. Triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình Việt Nam; hội thảo, tọa đàm, tổ chức chiến dịch truyền thông, truyền thông số về chuẩn mực đạo đức, văn hóa con người Thái Nguyên.

Thứ hai, phát triển thể lực, tầm vóc và kỹ năng sống con người Thái Nguyên. Triển khai phong trào thể dục, thể thao cho mọi người; đẩy mạnh phong trào "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại" góp phần nâng cao thể lực con người Thái Nguyên. Xây dựng các khu trung tâm thể dục thể thao, quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa tại cơ sở, trường học; các điểm tập thể thao, trang bị trang thiết bị tập luyện cơ bản tại các khu dân cư, làng, bản, thôn. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ thể dục thể thao cho cộng tác viên cơ sở làm nòng cốt phát triển phong trào thể dục thể thao tại mỗi địa phương, đơn vị. Phổ biến, hướng dẫn thực hành các kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó với thiên tai, hỏa hoạn, thảm họa môi trường, dịch bệnh cho các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng và văn hóa truyền thống của dân tộc; phòng chống bạo lực học đường; phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông góp phần xây dựng văn hóa ứng xử cho trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên trong và ngoài trường học.

Thứ ba, đào tạo nhân lực lĩnh vực văn hóa, thể thao. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, trình độ nghiệp vụ cho đội

ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao. Quan tâm, chăm lo phát triển đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa ở cơ sở, những người hoạt động văn hóa tài năng, coi đó là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa. Rà soát, cử đi đào tạo cán bộ kỹ năng chuyên sâu về các lĩnh vực quản lý di sản văn hóa, huấn luyện thể thao thành tích cao, truyền thông văn hóa…

Có thể khẳng định, Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị không chỉ là bước kế thừa biện chứng dòng chảy tư duy của Đảng về văn hóa bằng việc định hình rõ nét bốn hệ giá trị cốt lõi - quốc gia, văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người, Nghị quyết này chính là bệ đỡ vững chắc để định vị phẩm cách Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Đối với Thái Nguyên, việc nghiên cứu, thẩm thấu và đưa nghị quyết vào đời sống không dừng lại ở nhiệm vụ lý luận, mà là lời giải cho bài toán thực tiễn. Khơi dậy trọn vẹn sức mạnh văn hóa và nguồn lực con người xứ Trà theo tinh thần Nghị quyết 80-NQ/TW chính là chìa khóa vàng để tạo bước đột phá, đưa tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh, bứt phá và bền vững trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam vì sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới.*

2. Tỉnh ủy Thái Nguyên (2025), *Đề án số 18-ĐA/TU, ngày 10/12/2025 về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.*

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Tài liệu hội thảo khoa học: Quán triệt hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW vào công tác giảng dạy và thực tiễn địa phương,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2026), *Kế hoạch hành động số 42/KH-UBND ngày 20/02/2026 về triển khai Đề án phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Thái Nguyên năm 2026, tầm nhìn đến năm 2030.*

GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN...

(Tiếp theo trang 29)

Thứ tư, phát huy vai trò của Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức và vận hành mô hình mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh trong tác phẩm "Đời sống mới" cho thấy, mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước muốn đi vào cuộc sống đều phải được Nhân dân hiểu, đồng tình và tham gia thực hiện. Công tác tuyên truyền, vận động phải làm cho dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và lợi ích của công việc chung, tránh áp đặt, mệnh lệnh hành chính đơn thuần. Vận dụng tư tưởng đó trong xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp đòi hỏi phải coi người dân vừa là đối tượng phục vụ, vừa là chủ thể tham gia vào quá trình xây dựng và giám sát chính quyền. Các chủ trương về sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy, cung cấp dịch vụ công và thực hiện chính sách ở cơ sở cần được thông tin đầy đủ, công khai, dễ hiểu; đồng thời, phải chú trọng tiếp nhận, giải đáp và xử lý kịp thời những ý kiến, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Khi người dân hiểu rõ chủ trương, nhận thấy lợi ích thiết thực và được tham gia vào quá trình thực hiện, sự đồng thuận xã hội sẽ trở thành nguồn lực quan trọng bảo đảm cho mô hình chính quyền mới vận hành ổn định, hiệu quả.

Sau gần 80 năm, tác phẩm "Đời sống mới" vẫn giữ nguyên giá trị trong những vấn đề cốt lõi về đổi mới. Trong bối cảnh xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp, những giá trị về tinh gọn bộ máy, đạo đức cán bộ và tư duy phục vụ Nhân dân trong tác phẩm càng tỏa sáng hơn bao giờ hết. Việc vận dụng tư tưởng của Người không chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu hình thức mà phải được hiện thực hóa bằng những bước tiến rõ nét trong nâng cao chất lượng sống của Nhân dân. Một bộ máy chính quyền "mới" phải song hành với những con người "mới" có tâm thế mới, năng lực mới, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo cao nhất. Đó chính là cách chúng ta đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào hơi thở của thời đại, xây dựng một nước Việt Nam phú cường, dân chủ, công bằng và văn minh./

XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI TRI THỨC SỐ TRONG THƯ VIỆN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Hoàng Công Tuấn
Giảng viên, Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi căn bản trong phương thức tổ chức, lưu trữ, khai thác và lan tỏa tri thức. Đối với lĩnh vực thông tin - thư viện, chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu hay ứng dụng phần mềm quản lý thư viện mà sâu xa hơn là quá trình tái cấu trúc hoạt động thư viện theo hướng lấy dữ liệu, người dùng và giá trị tri thức làm trung tâm. Thư viện hiện đại vì vậy không còn là "kho sách" theo nghĩa truyền thống mà từng bước trở thành không gian kết nối tri thức, hỗ trợ học tập, nghiên cứu, sáng tạo và ra quyết định trên nền tảng số.

Đối với trường chính trị tỉnh, thành phố, thư viện có vai trò đặc biệt quan trọng trong phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu khoa học; tổng kết thực tiễn; cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới giáo dục lý luận chính trị ngày càng cao, việc xây dựng hệ sinh thái tri thức số trong Thư viện Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên là yêu cầu khách quan, có ý nghĩa thiết thực nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Bài viết tập trung làm rõ nhận thức chung, sự cần thiết, một số vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp xây dựng hệ sinh thái tri thức số trong Thư viện Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay.

1. Nhận thức chung về hệ sinh thái tri thức số trong thư viện trường chính trị

Hệ sinh thái tri thức số có thể hiểu là một chỉnh thể gồm tài nguyên tri thức số, dữ liệu người dùng, nền tảng công nghệ, quy trình nghiệp vụ, đội ngũ nhân lực, cơ chế quản trị và cộng đồng sử dụng được kết nối với nhau nhằm tạo lập, tổ chức, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và phát triển tri thức trên môi trường số. Điểm cốt lõi của hệ sinh thái này là sự liên thông giữa tài liệu, dữ liệu, công nghệ và nhu cầu thực tiễn của người dùng.

Trong thư viện truyền thống, trọng tâm thường đặt vào việc bổ sung, bảo quản và phục vụ tài liệu. Trong hệ sinh thái tri thức số, trọng tâm chuyển mạnh sang tổ chức dữ liệu, cá nhân hóa dịch vụ, hỗ trợ người dùng tiếp cận tri thức đúng nhu cầu, đúng thời điểm và đúng mục tiêu. Tài liệu không còn tồn tại rời rạc mà được số hóa, chuẩn hóa, gắn từ khóa, phân loại theo lĩnh vực, liên kết với chương trình đào tạo, chuyên đề bài giảng, đề tài nghiên cứu, nghị quyết, văn bản mới và các vấn đề thực tiễn của địa phương.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, hệ sinh thái tri thức số cần được nhận thức không chỉ là thư viện điện tử hay kho tài liệu số mà là hạ tầng tri thức phục vụ toàn diện cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Hệ sinh thái đó phải kết nối được các nguồn tri thức chính thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, pháp luật, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội và thực tiễn tỉnh Thái Nguyên; đồng thời, tạo môi trường để giảng viên, học viên, cán bộ nghiên cứu và các khoa, phòng cùng khai thác, chia sẻ, bổ sung và phát triển tri thức.

Như vậy, xây dựng hệ sinh thái tri thức số không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật, mà là đổi mới phương thức quản trị tri thức trong Nhà trường. Đó là quá trình chuyển từ phục vụ thụ động sang hỗ trợ chủ động; từ quản lý đầu sách sang quản trị dữ liệu tri thức; từ cung cấp tài liệu chung sang cung cấp thông tin, học liệu và tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng sử dụng.

2. Sự cần thiết xây dựng hệ sinh thái tri thức số trong Thư viện Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Thứ nhất, xuất phát từ yêu cầu đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở; trang bị kiến thức lý luận chính trị, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và phương pháp xử lý các vấn đề thực tiễn. Để nâng cao chất lượng đào tạo, giảng viên và học viên cần được tiếp cận nhanh chóng với hệ thống tài liệu chính thống, cập nhật, có độ tin cậy cao. Hệ sinh thái tri thức số giúp rút ngắn thời gian tìm kiếm, mở rộng khả năng tiếp cận tài liệu, hỗ trợ học tập mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với đặc điểm học viên là cán bộ, công chức, viên chức vừa học tập vừa công tác.

Thứ hai, xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong trường chính trị đòi hỏi hệ thống tư liệu phong phú, bao gồm văn kiện Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận; tài liệu pháp luật; sách, báo, tạp chí chuyên ngành; đề tài nghiên cứu; tham luận hội thảo; báo cáo thực tế; dữ liệu về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương. Khi được tổ chức trên nền tảng số, các nguồn tư liệu này trở thành kho tri thức dùng chung, hỗ trợ giảng viên và học viên lựa chọn đề tài, xây dựng luận cứ, cập nhật dẫn liệu, nâng cao chất lượng bài viết, bài giảng và sản phẩm nghiên cứu.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu phát huy giá trị tài liệu nội sinh của Nhà trường. Trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên hình thành nhiều sản phẩm tri thức có giá trị như giáo án, bài giảng, đề tài nghiên cứu khoa học, bài viết bản tin, tham luận hội thảo, báo cáo nghiên cứu thực tế, tài liệu cập nhật nghị quyết, chuyên đề bồi dưỡng. Nếu các nguồn tài liệu này chỉ được lưu trữ phân tán, thiếu chuẩn hóa, việc khai thác sẽ gặp khó khăn. Ngược lại, nếu được số hóa, phân loại, gắn thẻ và tích hợp thành kho tri thức số, đây sẽ là nguồn học liệu quý phục vụ lâu dài cho công tác chuyên môn của Nhà trường.

Thứ tư, xuất phát từ xu thế ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động thông tin - thư viện. Các công cụ số hiện nay có thể hỗ trợ tìm kiếm thông minh, tóm tắt tài liệu, gợi ý nguồn đọc, phân tích nhu cầu người dùng, tự động hóa một số khâu nghiệp vụ và truyền thông thư viện. Điều này, mở ra khả năng đổi mới phương thức phục vụ: thư viện không chỉ chờ người dùng đến tìm tài liệu, mà có thể chủ động giới thiệu tài liệu mới, xây dựng thư mục chuyên đề, gợi ý học liệu theo lớp học, chuyên đề, đề tài nghiên cứu và nhu cầu cụ thể của từng nhóm người dùng.

Thứ năm, xuất phát từ yêu cầu xây dựng văn hóa đọc, văn hóa học tập và năng lực tự học, tự nghiên cứu. Hệ sinh thái tri thức số tạo điều kiện để giảng viên, học viên hình thành thói quen khai thác tài liệu chính thống, biết tìm kiếm, đánh giá, trích dẫn và sử dụng thông tin có trách nhiệm. Đây là cơ sở quan trọng góp phần xây dựng môi trường học tập hiện đại, thúc đẩy học tập suốt đời và nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên.

3. Một số vấn đề đặt ra từ thực tiễn

Trong những năm qua, Thư viện Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã tích cực phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Thư viện lưu giữ nhiều loại tài liệu như: Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị, sách tham khảo, chuyên khảo, văn kiện Đảng, tài liệu pháp luật, báo, tạp chí, bản tin, tài liệu địa phương và một số học liệu phục vụ chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Hoạt động thư viện góp phần hỗ trợ giảng viên chuẩn bị bài giảng, học viên học tập, nghiên cứu, viết khóa luận và cán bộ, viên chức khai thác thông tin phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu chuyển đổi số, thư viện còn một số vấn đề cần tiếp tục quan tâm. Trước hết, tài nguyên thông tin tuy có giá trị nhưng chưa được số hóa, chuẩn hóa và tổ chức thành các bộ sưu tập số chuyên đề một cách đầy đủ. Một số tài liệu nội sinh của Nhà trường còn lưu trữ rời rạc, chưa gắn chặt với chương trình đào tạo, phần học, chuyên đề và nhu cầu nghiên cứu.

Bên cạnh đó, dữ liệu thư viện chưa được khai thác như một nguồn lực quản trị tri thức. Các dữ liệu về tài nguyên, người dùng, nhu cầu mượn - đọc, xu hướng tìm kiếm, mức độ khai thác tài liệu nếu được thu thập và phân tích sẽ giúp thư viện hiểu rõ hơn nhu cầu của giảng viên, học viên, từ đó tổ chức dịch vụ phù hợp hơn. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng nhưng hiện nay chưa phát huy đầy đủ giá trị.

Hạ tầng công nghệ, phần mềm, cơ sở dữ liệu và khả năng liên thông cũng cần tiếp tục được hoàn thiện. Một hệ sinh thái tri thức số đòi hỏi không chỉ có máy tính, mạng internet hay phần mềm quản lý thư viện mà cần có nền tảng tích hợp để quản lý tài nguyên, tra cứu trực tuyến, lưu trữ tài liệu số, phân quyền truy cập, thống kê sử dụng, kết nối với website, bản tin, kho học liệu và các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường.

Ngoài ra, giảng viên, học viên cần có kỹ năng tìm kiếm, đánh giá, trích dẫn, khai thác tài liệu số và sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo một cách an toàn, có trách nhiệm. Cùng với đó, vấn đề bản quyền, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và kiểm soát chất lượng nguồn tri thức phải được đặt lên hàng đầu, nhất là trong môi trường đào tạo lý luận chính trị.

4. Một số giải pháp xây dựng hệ sinh thái tri thức số trong Thư viện phục vụ đổi mới đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học

Một là, nâng cao nhận thức và xác định rõ vai trò của Thư viện trong hệ sinh thái tri thức số của Nhà trường. Đảng ủy, Ban Giám hiệu cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển Thư viện số gắn với nhiệm vụ chuyển đổi số, đổi mới đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và xây dựng trường chính trị chuẩn. Thư viện cần được xác định là bộ phận quan trọng của hạ tầng tri thức Nhà trường, là nơi kết nối tài liệu, dữ liệu, người dạy, người học, nhà nghiên cứu và thực tiễn địa phương.

Hai là, rà soát, số hóa và chuẩn hóa kho tài nguyên tri thức. Thư viện cần tiến hành rà soát toàn bộ tài nguyên hiện có; phân loại theo các nhóm như giáo trình, văn kiện Đảng, tài liệu pháp luật, sách tham khảo, báo, tạp chí, tài liệu địa phương, đề tài nghiên cứu khoa học, bài viết bản tin, tham luận hội thảo, học liệu điện tử. Trên cơ sở đó, ưu tiên số hóa tài liệu được phép số hóa, nhất là tài liệu nội sinh và tài liệu phục vụ trực tiếp chương trình Trung cấp lý luận chính trị, các lớp bồi dưỡng, các chuyên đề nghiên cứu trọng tâm của Nhà trường.

Ba là, phát triển dịch vụ thông tin theo hướng cá nhân hóa và chủ động. Thư viện có thể bắt đầu từ các hình thức phù hợp, dễ triển khai như lập danh mục tài liệu theo từng lớp học, từng phần học, từng chuyên đề; xây dựng "gói tài liệu phục vụ bài giảng"; gửi bản tin tài liệu mới theo nhóm đối tượng; giới thiệu sách, bài viết, văn bản mới trên môi trường số; hỗ trợ học viên tìm tài liệu viết bài thu hoạch nghiên cứu thực tế, khóa luận; hỗ trợ giảng viên tìm tài liệu cập nhật bài giảng, viết bài khoa học. Khi có điều kiện, có thể phát triển chức năng gợi ý tài liệu dựa trên nhu cầu, lịch

sử mượn - đọc, lịch sử tìm kiếm và lĩnh vực quan tâm của người dùng.

Bốn là, ứng dụng trí tuệ nhân tạo một cách thận trọng, an toàn và hiệu quả. AI có thể hỗ trợ cán bộ thư viện tóm tắt tài liệu mới, tạo mô tả ngắn cho sách, gợi ý từ khóa biên mục, xây dựng thư mục chuyên đề, hỗ trợ tra cứu, xây dựng bản tin giới thiệu tài liệu, hỗ trợ giảng viên tìm nguồn đọc theo chủ đề bài giảng. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI phải tuân thủ nguyên tắc kiểm chứng nguồn, không đưa dữ liệu mật lên nền tảng công cộng, không sử dụng kết quả AI như nguồn trích dẫn cuối cùng nếu chưa thẩm định. AI chỉ là công cụ hỗ trợ; con người vẫn giữ vai trò quyết định trong lựa chọn, đánh giá, định hướng và chịu trách nhiệm về nội dung tri thức.

Năm là, tăng cường liên thông, chia sẻ và phát triển cộng đồng tri thức. Thư viện cần phối hợp chặt chẽ với các khoa, phòng trong Nhà trường để cập nhật tài liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Đồng thời, từng bước mở rộng kết nối với thư viện các trường chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thư viện tỉnh, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trên địa bàn. Cần khuyến khích giảng viên, học viên đóng góp sản phẩm tri thức có chất lượng vào kho tri thức số sau khi được thẩm định, biên tập, qua đó hình thành cộng đồng học tập, nghiên cứu và chia sẻ tri thức trong Nhà trường.

Sáu là, bảo đảm bản quyền, an toàn thông tin và chất lượng nguồn tri thức. Cần xây dựng quy chế quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên số; quy định rõ tài liệu được công khai, tài liệu sử dụng nội bộ, tài liệu phân quyền theo nhóm người dùng. Đồng thời, phải ưu tiên nguồn tài liệu chính thống của Đảng, Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ quan nghiên cứu, báo chí chính thống; thường xuyên rà soát, cập nhật, loại bỏ tài liệu lỗi thời, sai lệch. Đây là yêu cầu quan trọng để Thư viện Trường Chính trị tỉnh phát huy vai trò "bộ lọc tri thức", góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong môi trường số.

Xây dựng hệ sinh thái tri thức số trong Thư viện phục vụ đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên là yêu cầu khách quan trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục lý luận chính trị. Đây không chỉ là việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động thư viện mà là quá trình đổi mới tư duy quản trị tri thức, tổ chức lại tài nguyên thông tin, phát triển dữ liệu, nâng cao năng lực số, cá nhân hóa dịch vụ và xây dựng cộng đồng học tập, nghiên cứu trên nền tảng số.

Để thực hiện thành công các giải pháp trên, cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường; sự phối hợp của các khoa, phòng; sự tham gia tích cực của giảng viên, học viên và sự đầu tư phù hợp về hạ tầng, công nghệ, dữ liệu, nhân lực. Khi thư viện thực sự trở thành hệ sinh thái tri thức số, mỗi tài liệu không chỉ nằm trên giá sách hay trong kho dữ liệu mà trở thành nguồn lực sống động phục vụ học tập, giảng dạy, nghiên cứu, tham mưu và lan tỏa tri thức, góp phần xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng (2026), *Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026.*

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Các tài liệu tập huấn, hội thảo khoa học về chuyển đổi số, hệ sinh thái tri thức số và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin - thư viện.*

3. Nguyễn Hữu Giới, *Tổng quan về chuyển đổi số, ứng dụng các công nghệ số trong hoạt động thông tin - thư viện.*

4. Trương Đại Lượng (2026), *Cá nhân hóa trải nghiệm người dùng thư viện trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số, bài giảng.*

5. Tài liệu chuyên đề, *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong tìm kiếm, khai thác, xử lý thông tin, dữ liệu và hoạt động truyền thông thư viện, năm 2026.*

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CƠ SỞ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU QUẢN TRỊ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI VÀ XÂY DỰNG "TRẬT TỰ TỰ THÂN"

ThS Ma Thị Hồng Minh

Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển là một yêu cầu có ý nghĩa chiến lược trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (Nghị quyết số 18-NQ/TW) đã xác định rõ mục tiêu xây dựng xã hội Việt Nam; trong đó, pháp luật, kỷ cương và các chuẩn mực xã hội được tôn trọng, bảo vệ, thực thi nghiêm minh; an ninh con người được bảo đảm. Đồng thời, xây dựng nền quản trị xã hội hiện đại, kiến tạo phát triển trên nền tảng dữ liệu, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Một nội dung có ý nghĩa mới và nổi bật là mục tiêu "từng bước hình thành 'trật tự tự thân' của xã hội".

"Trật tự tự thân" trong tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa pháp quyền, đạo đức, văn hóa, niềm tin xã hội, trách nhiệm công dân với kỷ luật, kỷ cương và thượng tôn pháp luật. Nghị quyết xác định rõ việc từng bước hình thành một xã hội mà người dân tự giác điều chỉnh hành vi trên cơ sở pháp luật, đạo đức, văn hóa và trách nhiệm xã hội.

Vì vậy, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở không chỉ nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ mà còn phải hướng tới hình thành năng lực quản trị xã hội, năng lực tạo dựng niềm tin, đồng thuận và phát huy tính tự giác, tự quản, trách nhiệm của người dân và cộng đồng.

1. "Trật tự tự thân" và yêu cầu chuyển đổi tư duy quản trị xã hội

Một trong những điểm quan trọng của Nghị quyết số 18-NQ/TW là yêu cầu đổi mới mạnh mẽ tư duy và phương thức quản trị xã hội theo hướng chuyển từ "quản lý xã hội" sang "quản trị và kiến tạo xã hội". Theo đó, người dân được xác định là trung tâm; văn hóa là nền tảng; pháp luật là trụ cột; kỷ cương là sức mạnh; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực; niềm tin xã hội là thước đo và hạnh phúc của Nhân dân là mục tiêu cao nhất.

Cách tiếp cận này đặt ra yêu cầu thay đổi căn bản đối với hoạt động của chính quyền cơ sở. Nếu trong phương thức quản lý truyền thống, trọng tâm thường đặt vào việc ban hành quyết định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và xử lý vi phạm, thì quản trị xã hội hiện đại đòi hỏi phải quan tâm đồng thời đến khả năng huy động và phát huy nguồn lực xã hội, dự báo và phòng ngừa rủi ro, tạo đồng thuận, tăng cường đối thoại và khuyến khích người dân tham gia vào quá trình quản trị.

"Trật tự tự thân" vì thế cần được nhìn nhận như một trạng thái phát triển cao hơn của ý thức pháp luật và trách nhiệm xã hội. Khi người dân tuân thủ pháp luật không chỉ vì sợ chế tài mà còn vì nhận thức được trách nhiệm, lợi ích chung và giá trị của các chuẩn mực xã hội; khi gia đình và cộng đồng có khả năng tham gia phòng ngừa, điều chỉnh những hành vi lệch chuẩn; khi các cơ quan công quyền thực sự gương mẫu trong chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, thì trật tự xã hội sẽ có nền tảng bền vững hơn.

Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đặt yêu cầu xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật trở thành giá trị cốt lõi và nền tảng của đời sống xã hội; đồng thời, nhấn mạnh cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, phải gương mẫu chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương để lan tỏa đến người dân và toàn xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để xác định yêu cầu đối với cán bộ cơ sở

trong xây dựng "trật tự tự thân".

2. Những yêu cầu mới đối với cán bộ cơ sở

Trước hết, cán bộ cơ sở phải chuyển từ tư duy "quản lý" sang tư duy "quản trị". Điều này, đòi hỏi cán bộ không chỉ nắm vững quy định, quy trình hành chính mà còn phải có khả năng nhận diện vấn đề xã hội, phân tích nguyên nhân, dự báo nguy cơ và lựa chọn phương thức can thiệp phù hợp. Cùng một vấn đề, giải pháp hiệu quả không nhất thiết luôn là tăng cường mệnh lệnh hành chính hay chế tài mà có thể là cung cấp thông tin, đối thoại, thuyết phục, hòa giải, huy động cộng đồng hoặc thiết kế cơ chế để người dân chủ động tham gia.

Thứ hai, cán bộ cơ sở phải có năng lực thực thi pháp luật và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật. Trong một xã hội hướng tới "trật tự tự thân", cán bộ không chỉ là người áp dụng pháp luật mà còn là chủ thể trực tiếp hình thành niềm tin của người dân vào pháp luật và cơ quan công quyền. Việc giải quyết công việc đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, công bằng, nhất quán và có trách nhiệm giải trình có ý nghĩa trực tiếp đối với việc củng cố niềm tin xã hội.

Thứ ba, cán bộ cơ sở cần có năng lực đối thoại, vận động và tạo đồng thuận. Nghị quyết số 18-NQ/TW yêu cầu thực hiện đầy đủ, thực chất phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"; đồng thời, khuyến khích Nhân dân chủ động, tích cực tham gia xây dựng và quản trị xã hội. Điều đó, đòi hỏi cán bộ phải biết lắng nghe, giải thích chính sách, tiếp nhận phản hồi, xử lý khác biệt lợi ích và tạo điều kiện để người dân tham gia giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng.

Thứ tư, cán bộ cơ sở phải từng bước hình thành năng lực quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ. Nghị quyết số 18-NQ/TW xác định dữ liệu, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nền tảng, động lực của quản trị xã hội hiện đại. Nội dung này có sự thống nhất với định hướng của Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thứ năm, cán bộ cơ sở phải có năng lực phòng ngừa và quản trị rủi ro xã hội. Quản trị hiện đại không chỉ tập trung giải quyết hậu quả mà cần nhận diện nguy cơ từ sớm, từ xa. Năng lực này đặc biệt quan trọng đối với những vấn đề có khả năng tác động trực tiếp đến đời sống cộng đồng, phát sinh tranh chấp, khiếu kiện hoặc ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội.

3. Đổi mới công tác bồi dưỡng cán bộ cơ sở, phát huy vai trò của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong xây dựng "trật tự tự thân"

Xây dựng "trật tự tự thân" theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ công tác bồi dưỡng cán bộ cơ sở, hướng tới hình thành đội ngũ có năng lực quản trị, tư duy kiến tạo, khả năng tạo dựng niềm tin, đồng thuận và phát huy tính tự giác, tự quản, trách nhiệm của Nhân dân.

Trước hết, cần chuyển từ mục tiêu chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực thực tiễn. Cán bộ không chỉ "biết" chủ trương, chính sách, pháp luật mà phải "hiểu đúng, vận dụng đúng, xử lý được tình huống và tạo kết quả". Nội dung bồi dưỡng cần tập trung vào các năng lực: thực thi pháp luật; quản trị, điều hành; đối thoại, vận động và tạo đồng thuận; nhận diện, dự báo và quản trị rủi ro; năng lực số, sử dụng dữ liệu; đạo đức công vụ, nêu gương và trách nhiệm xã hội.

Đặc biệt, cần giúp cán bộ nhận thức đúng về "trật tự tự thân": đó không phải là thay thế quản lý nhà nước bằng tự quản xã hội mà là kết hợp quản lý nhà nước hiệu lực, hiệu quả với sự tự giác, tự điều chỉnh của cá nhân, gia đình và cộng đồng trên nền tảng pháp luật, đạo đức, văn hóa và trách nhiệm xã hội. Vì vậy, cán bộ cơ sở cần chuyển từ tư duy "quản lý để người dân chấp hành" sang "kiến tạo điều kiện để người dân tự giác chấp hành và chủ động tham gia quản trị xã hội".

Phương pháp bồi dưỡng cũng cần đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, lấy thực tiễn cơ sở làm điểm xuất phát và khả năng giải quyết vấn đề làm thước đo. Tăng cường nghiên cứu tình huống, thảo luận, mô phỏng

đối thoại chính quyền - Nhân dân, thực hành xử lý các tình huống về tranh chấp, khiếu kiện, xung đột lợi ích, điểm nóng và vấn đề trên không gian mạng. Qua đó, học viên được rèn luyện khả năng phân tích, lựa chọn phương án và tổ chức thực hiện trong thực tế.

Đối với Thái Nguyên, yêu cầu trên gắn chặt với việc phát huy vai trò của Trường Chính trị tỉnh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, phân tích, dự báo, phản biện và tư vấn chính sách phục vụ tỉnh ủy, thành ủy và các cơ quan có thẩm quyền của địa phương. Giai đoạn 2023 - 2026, Nhà trường đã tổ chức 175 lớp đào tạo, bồi dưỡng; riêng giai đoạn 2023 - 2025 có 39 lớp Trung cấp lý luận chính trị và 86 lớp bồi dưỡng với hơn 5.100 học viên. Công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn cũng được đẩy mạnh, tạo nền tảng để tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo.

Trong mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2 vào năm 2027, Nhà trường cần tiếp tục là cầu nối giữa lý luận và thực tiễn, giữa yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ với những vấn đề đặt ra trong quản trị xã hội ở cơ sở. Chương trình bồi dưỡng cần xuất phát từ nhu cầu thực tế; các tình huống phát sinh tại địa phương phải được nghiên cứu, tổng kết và chuẩn hóa thành học liệu; những mô hình, kinh nghiệm tốt cần được phát hiện, phân tích và nhân rộng; đồng thời, những hạn chế, bất cập trong quản lý, điều hành cũng phải trở thành nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu và đào tạo.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn cần tập trung hơn vào những vấn đề mới như văn hóa thượng tôn pháp luật, dân chủ ở cơ sở, đối thoại và tạo đồng thuận xã hội, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, phát huy vai trò cộng đồng và xây dựng chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội, trên không gian mạng. Kết quả nghiên cứu phải trực tiếp phục vụ đổi mới đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền địa phương.

Cùng với đó, cần đổi mới đánh giá kết quả bồi dưỡng, chuyển từ kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức sang đánh giá khả năng vận dụng vào công việc thực tế, nhất là năng lực xử lý tình huống, đối thoại và tạo đồng thuận, phòng ngừa và giải quyết vấn đề xã hội, huy động sự tham gia của cộng đồng, tính chủ động, trách nhiệm và kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

Xây dựng "trật tự tự thân" là quá trình lâu dài, đòi hỏi sự kết hợp giữa pháp luật, quản trị nhà nước, văn hóa, đạo đức, giáo dục, gia đình và cộng đồng. Trong đó, cán bộ cơ sở giữ vai trò trực tiếp tổ chức thực hiện, vận động, thuyết phục và tạo dựng niềm tin trong Nhân dân. Vì vậy, đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải gắn với đổi mới phương thức quản trị xã hội, lấy năng lực thực tiễn, tinh thần phục vụ Nhân dân, khả năng tạo đồng thuận và phát huy nguồn lực cộng đồng làm trọng tâm. Đây không chỉ là yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng mà còn là yêu cầu đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và tham mưu, tư vấn chính sách. Mục tiêu cuối cùng không chỉ xây dựng đội ngũ cán bộ "giỏi quản lý" mà phải hình thành đội ngũ có năng lực quản trị, tư duy kiến tạo, ý thức thượng tôn pháp luật, khả năng đối thoại, tạo dựng niềm tin và phát huy tính tự giác, tự quản, trách nhiệm của Nhân dân. Qua đó, Nhà trường thực sự trở thành trung tâm góp phần nâng cao năng lực quản trị xã hội ở cơ sở và từng bước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng "trật tự tự thân" theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022): *Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV (2026): *Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 28/7/2026 về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển.*

3. Bộ Chính trị khóa XIII (2024): N*ghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

TS Trần Huy Ngọc

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Người căn dặn: "Đảng phải chống cái thói xem nhẹ học tập lý luận. Vì không học lý luận thì chí khí kém kiên quyết, không trông xa thấy rộng, trong lúc đấu tranh dễ lạc phương hướng, kết quả là "mù chính trị", thậm chí hủ hóa, xa rời cách mạng"[1]. Hiện nay, trước yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị trong hệ thống các trường chính trị đứng trước những yêu cầu ngày càng cao. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng khẳng định: "Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Tăng cường tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện. Duy trì nề nếp và nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới"[2]. Vì vậy, việc tập trung làm rõ một số nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị và yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị trong các trường chính trị hiện nay có ý nghĩa hết sức quan trọng.

1. Nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị

Một là, giáo dục lý luận chính trị hướng tới nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, đảng viên. Trong tác phẩm "Đường Cách mệnh", Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động... chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, Đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong"[3]. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục lý luận chính trị vì thế trước hết phải phục vụ mục tiêu cách mạng, giúp cán bộ, đảng viên hiểu đúng đường lối, có phương pháp nhận thức khoa học và biết vận dụng lý luận vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Mục đích đó, được Người khái quát trong "Lời ghi ở trang đầu quyển Sổ vàng của Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương" (9/1949):

"Học để làm việc,
làm người,
làm cán bộ.
Học để phụng sự Đoàn thể,
giai cấp và nhân dân,
Tổ quốc và nhân loại.
Muốn đạt mục đích, thì phải
cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư"[4].

Quan điểm trên đã thể hiện rất rõ tính hướng đích của giáo dục lý luận chính trị. Học lý luận trước hết phải góp phần hoàn thiện con người cả về tư tưởng, đạo đức và năng lực thực hành trong thực tiễn công tác. Người học phải biết biến tri thức lý luận thành năng lực giải quyết công việc và trách nhiệm phụng sự Nhân dân.

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.280.
[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. I, tr. 131.
[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.279.
[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.208.

Hai là, lý luận phải gắn liền với thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông"[5]. Theo Người, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin không phải là học thuộc lòng những câu chữ, càng không phải vận dụng máy móc kinh nghiệm của nước khác mà phải nắm được lập trường, quan điểm và phương pháp để phân tích, giải quyết những vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam. Người yêu cầu trong quá trình vận dụng phải biết "bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng của ta"[6].

Ba là, nội dung giáo dục phải thiết thực, phù hợp với đối tượng và yêu cầu công tác. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nội dung giáo dục không thể xây dựng một cách chung chung, xa rời nhu cầu của người học. Người chỉ rõ: "… những tài liệu huấn luyện phải nhằm vào sự cần dùng, cần thiết của quần chúng. Phải hỏi: người đến chịu huấn luyện rồi, có áp dụng được ngay không? Có thực hành được ngay không? Nếu không thiết thực như thế, thì huấn luyện mấy năm cũng vô ích"[7]. Từ đó, trong xây dựng chương trình giáo dục lý luận phải bắt đầu từ việc xác định đúng đối tượng: "dạy ai", "dạy để làm gì", "dạy cái gì" và "dạy như thế nào". Sự thống nhất giữa đối tượng, mục tiêu, nội dung và phương pháp là điều kiện quan trọng bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo.

Bốn là, phương pháp giáo dục phải phát huy tính chủ động, độc lập và sáng tạo của người học. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu trong giáo dục phải "lấy tự học làm cốt", coi tự học, tự nghiên cứu và độc lập suy nghĩ là điều kiện để người học thực sự chiếm lĩnh tri thức. Người căn dặn: "Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ"[8]. Đây là quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị hiện nay.

Năm là, xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị vừa "hồng" vừa "chuyên". Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu: "Người huấn luyện của đoàn thể phải làm kiểu mẫu về mọi mặt: tư tưởng, đạo đức, lối làm việc"; đồng thời "Người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc của mình"[9]. Điều đó cho thấy, giảng viên lý luận chính trị không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn phải là tấm gương về bản lĩnh, đạo đức, phong cách và tinh thần học tập suốt đời.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị trong các trường chính trị hiện nay

Một là, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị phải phù hợp với mục tiêu và đặc điểm của từng đối tượng đào tạo. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị trước hết đòi hỏi phải quán triệt nguyên tắc đúng đối tượng, đúng mục tiêu và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng trong trường chính trị hiện nay đa dạng về chức danh, vị trí việc làm, trình độ, kinh nghiệm công tác và lĩnh vực hoạt động. Vì vậy, bên cạnh việc bảo đảm những nội dung lý luận cơ bản, thống nhất thì chương trình, phương pháp giáo dục cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm của từng nhóm học viên.

Sự phù hợp với đối tượng còn đòi hỏi phải xác định rõ phạm vi, chức năng và nội dung của từng môn học trong chương trình. Cần vừa khắc phục tình trạng trùng lặp nội dung, vừa tăng cường tính liên thông và tích hợp giữa các môn học nhằm giúp người học hình thành tư duy

[5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.95.
[6] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.11, tr.96.
[7] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.5, tr.288.
[8] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tập 11, tr.98.
[9] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, tập 6, tr.356.

hệ thống, nhận thức vấn đề một cách toàn diện.

Hai là, vận dụng đồng bộ tư tưởng Hồ Chí Minh trong xác định mục tiêu, đổi mới nội dung, phương pháp và quản lý giáo dục lý luận chính trị. Về mục tiêu, giáo dục lý luận chính trị phải hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, phương pháp tư duy khoa học và năng lực vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn. Học lý luận không chỉ nhằm "biết" mà quan trọng hơn là để hiểu và vận dụng. Đây là quan điểm xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập lý luận là "học để làm việc, làm người, làm cán bộ". Qua đó, khắc phục tình trạng học tập mang tính hình thức, chủ yếu nhằm đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ hoặc tiêu chuẩn chức danh.

Về nội dung, cần bảo đảm tính cơ bản, hệ thống, khoa học. Về phương pháp, cần "áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy tính tự giác, chủ động và tư duy sáng tạo của người học, tăng cường trao đổi thông tin, kiến thức và kinh nghiệm giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên; tăng cường bồi dưỡng thông qua tình huống thực tiễn"[10]. Đổi mới phương pháp không đơn thuần là tăng cường sử dụng công nghệ hoặc phương tiện giảng dạy mà phải tạo ra sự thay đổi thực chất bên trong nhằm chuyển dịch từ truyền thụ một chiều sang phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, thay đổi quan hệ giữa người dạy - người học, người học - người học theo hướng đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới. Về quản lý đào tạo, cần phát huy tính dân chủ, tự giác và trách nhiệm của học viên; xây dựng môi trường giáo dục đoàn kết, nghiêm túc, thực chất; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng coi trọng năng lực liên hệ vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn.

Ba là, bảo đảm sự thống nhất giữa tính Đảng, tính khoa học và tính thực tiễn trong giáo dục lý luận chính trị. Giáo dục lý luận chính trị trực tiếp góp phần xây dựng thế giới quan, phương pháp luận, bản lĩnh chính trị và niềm tin của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, giữ vững lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng là yêu cầu có tính nguyên tắc. Ngoài ra, tính Đảng trong giáo dục lý luận chính trị được đặt trong sự thống nhất với tính khoa học và tính thực tiễn.

Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên gắn với nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về "người huấn luyện" đòi hỏi giảng viên trường chính trị phải thường xuyên tự học, tự nghiên cứu và là tấm gương về học tập suốt đời. Giảng viên phải vững vàng về bản lĩnh chính trị, chuẩn mực về đạo đức, sâu về chuyên môn và có khả năng liên hệ, phân tích thực tiễn. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế của giảng viên; tạo điều kiện để giảng viên tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu các mô hình và trực tiếp tìm hiểu hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Ngoài ra, cần chú trọng năng lực sư phạm và năng lực số của giảng viên, nhất là khả năng thiết kế hoạt động dạy - học, tổ chức thảo luận, xây dựng tình huống, khai thác dữ liệu số và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị là một hệ thống quan điểm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, được hình thành từ quá trình Người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đào tạo cán bộ và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh hiện nay, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giáo dục lý luận chính trị trong các trường chính trị cần được thực hiện đồng bộ từ mục tiêu đào tạo đến đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp, phương tiện, công tác kiểm tra đánh giá và xây dựng đội ngũ giảng viên. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị nói riêng và nâng cao chất lượng cán bộ nói chung trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc./.

[10] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2026), *Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 ban hành quy chế về công tác trường chính trị.*

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC – ĐỘNG LỰC GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN THÁI NGUYÊN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

CN Đào Thị Vân
Giảng viên, Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, tinh thần đoàn kết luôn là giá trị cốt lõi, là nguồn sức mạnh to lớn giúp dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Bước vào giai đoạn phát triển mới, trước tác động sâu sắc của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phân hóa xã hội và các thách thức an ninh phi truyền thống, việc củng cố khối đại đoàn kết càng trở thành yêu cầu cấp thiết, mang tính chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với tỉnh Thái Nguyên, yêu cầu này càng trở nên rõ nét khi địa phương bước vào không gian phát triển mới sau hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Với diện tích 8.375,21 km², dân số gần 1,8 triệu người đã mở ra nhiều cơ hội phát triển, song cũng đặt ra yêu cầu gắn kết giữa các khu vực, hài hòa lợi ích, thu hẹp chênh lệch và củng cố đồng thuận xã hội. Vì vậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết không chỉ là nhiệm vụ chính trị thường xuyên mà còn là nguồn lực nội sinh quan trọng để Thái Nguyên phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc là một trong những nội dung cốt lõi trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh. Người xác định đại đoàn kết là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, là nguồn sức mạnh to lớn quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Tư tưởng của Người đã được Đảng ta kế thừa và phát triển trong mọi giai đoạn lịch sử. Đảng luôn xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là truyền thống vô cùng quý báu, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc, của cách mạng, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công" đã trở thành chân lý và lẽ sống của chúng ta. Trong bối cảnh hiện nay, đại đoàn kết không chỉ thể hiện ở sự thống nhất về ý chí và hành động mà còn là quá trình quy tụ, khơi dậy và phát huy trí tuệ, nguồn lực, tinh thần sáng tạo và trách nhiệm của các tầng lớp Nhân dân vì những mục tiêu phát triển chung.

Việc hợp nhất tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn đã tạo ra không gian phát triển có quy mô và tính bổ trợ lớn hơn. Khu vực Thái Nguyên trước đây có thế mạnh về công nghiệp, đô thị, giáo dục - đào tạo; khu vực Bắc Kạn trước đây có tiềm năng về sinh thái, lâm nghiệp, du lịch và văn hóa. Sự kết hợp đó tạo điều kiện cơ cấu lại không gian kinh tế, tăng liên kết vùng và hình thành động lực tăng trưởng mới. Song, để các lợi thế được kết nối thành sức mạnh chung, yêu cầu quan trọng là tạo được sự đồng thuận giữa các vùng, các cộng đồng dân cư và các chủ thể trong quá trình phát triển.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định mục tiêu xây dựng Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao trước năm 2030. Đồng thời, nhấn mạnh phát huy truyền thống đoàn kết, phát triển nhanh, bản sắc, bền vững và nâng cao đời sống Nhân dân. Để hiện thực hóa mục tiêu này, bên cạnh các nguồn lực về vốn, hạ tầng và khoa học - công nghệ, yếu tố nền tảng là sự đồng thuận và khả năng huy động sức mạnh của toàn xã hội.

Thực tiễn cho thấy tinh thần đoàn kết, đồng thuận của Nhân dân đã được phát huy trong triển khai nhiều chủ trương lớn. Trong sắp xếp

thôn, tổ dân phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tăng cường tuyên truyền, vận động, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân với tỷ lệ đồng thuận đạt trên 98%. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã phát động phong trào thi đua thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững hai con số giai đoạn 2026 - 2030, gắn với các nhiệm vụ phát triển và an sinh xã hội. Trong 20 đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I có Đề án phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền giai đoạn 2025 - 2030. Điều đó cho thấy, đại đoàn kết đã được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển của tỉnh.

Những kết quả trên là nền tảng quan trọng, song thực tiễn sau hợp nhất cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Địa bàn rộng, trình độ phát triển giữa các khu vực còn chênh lệch; nhiều xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn hạn chế về hạ tầng và khả năng tiếp cận dịch vụ. Vì vậy, thu hẹp khoảng cách phát triển, bảo đảm hài hòa lợi ích và củng cố đồng thuận xã hội là nhiệm vụ quan trọng. Để sức mạnh đại đoàn kết thực sự trở thành động lực của quá trình phát triển trong không gian tỉnh mới, Thái Nguyên cần tập trung thực hiện một số nhóm giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc không phải là nhiệm vụ riêng của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hay các tổ chức chính trị - xã hội mà là trách nhiệm chung của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và toàn xã hội. Mỗi chủ trương về quy hoạch, đầu tư, sắp xếp dân cư, phát triển kinh tế - xã hội cần đồng thời tính đến yêu cầu củng cố lòng tin và đồng thuận. Cán bộ, nhất là người đứng đầu, phải thực hành trọng dân, gần dân, lắng nghe và chịu trách nhiệm trước Nhân dân về kết quả giải quyết vấn đề từ cơ sở.

Hai là, thực hành dân chủ thực chất, lấy Nhân dân làm trung tâm. Mọi chính sách tác động trực tiếp đến đời sống người dân phải được công khai, minh bạch, lấy ý kiến thực chất và tổ chức đối thoại kịp thời. Cần nâng cao hiệu quả tiếp dân, giải quyết kiến nghị ngay từ cơ sở; đồng thời, ứng dụng chuyển đổi số để mở rộng kênh tương tác giữa chính quyền và người dân, chú ý hỗ trợ các nhóm còn hạn chế khả năng tiếp cận công nghệ.

Ba là, gắn củng cố đại đoàn kết với bảo đảm công bằng và thu hẹp khoảng cách phát triển. Ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng và dịch vụ công tại các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để người dân ở mọi khu vực đều được tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển. Khu vực phía Bắc cần phát huy lợi thế về kinh tế rừng, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dược liệu, nông nghiệp đặc sản và văn hóa bản địa, qua đó tạo sinh kế bền vững và tăng liên kết trong toàn tỉnh.

Bốn là, chuyển hóa tinh thần đoàn kết thành các phong trào thi đua thiết thực. Gắn kết các phong trào thi đua với phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, khởi nghiệp, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh. Cần phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, trí thức, thanh niên và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu. Đại học Thái Nguyên và hệ thống các cơ sở giáo dục trên địa bàn có thể trở thành cầu nối giữa nghiên cứu, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng, góp phần đưa tri thức, đổi mới sáng tạo vào thực tiễn.

Năm là, tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội vào các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, môi trường, đầu tư công, an sinh xã hội và chất lượng dịch vụ công. Đồng thời, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, doanh nhân, trí thức và các cá nhân tiêu biểu, tạo những "hạt nhân đoàn kết" trong cộng đồng.

(Xem tiếp trang 54)

CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN NÂNG CAO "TÍNH ĐẢNG" TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

ThS Nguyễn Thị Thuý Hằng
Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Hiện nay, đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc mà thời điểm mở đầu là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ghi dấu ấn 40 năm đổi mới (1986 - 2026). Đây "là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Đích đến của kỷ nguyên phát triển mới là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên phát triển mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao (1).

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển của dân tộc là một thuật ngữ có tính khoa học và nội hàm sâu sắc, vừa thể hiện ý chí của Đảng, vừa là khát vọng của toàn dân tộc, đó là sự hoà quyện giữa ý Đảng và lòng dân. Kỷ nguyên mới là khoảng thời gian đất nước, dân tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp. Kỷ nguyên tiếp nối kỷ nguyên tạo thành lịch sử phát triển liên tục, từ thấp đến cao, ngày càng hoàn thiện của một quốc gia, dân tộc.

Trong bối cảnh của cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy và phía trước là kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc thì một trong những nội dung quan trọng, cốt lõi là nâng cao "tính Đảng" trong mỗi cán bộ, đảng viên để củng cố và phát huy hơn bao giờ hết sức mạnh nội lực của đất nước.

"Tính Đảng" là phạm trù cốt lõi, thể hiện bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lý tưởng cao đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam, nó bao hàm sự trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. "Tính Đảng" là kim chỉ nam cho mọi hành động của đảng viên, là thước đo phẩm chất, năng lực và uy tín của mỗi người.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản lĩnh chính trị là sự thể hiện "tính Đảng" của mỗi cán bộ, đảng viên trong mọi hoàn cảnh, mọi thời điểm; là tinh thần và ý chí "phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, là đạo đức cách mạng, là tính Đảng, tính giai cấp, bảo đảm cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân". Năm 1947, khi viết tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên cần phải có tính đảng mới làm được việc. Kém tính đảng, thì việc gì cũng không làm nên"(2). Theo Người, "tính Đảng" trong mỗi cán bộ, đảng viên đó là, "phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc".(3)

Có thể nói, "tính Đảng" của cán bộ, đảng viên là biểu hiện tập trung nhất của lập trường chính trị; là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, kết nối các đảng viên thành một khối thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh to lớn và trường tồn để Đảng lãnh đạo cách mạng đất nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đảng ta xác định, bản lĩnh chính trị luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu, là yếu tố cơ bản,

căn cốt để bồi đắp, giữ vững và lan tỏa phẩm chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhờ có bản lĩnh chính trị, cán bộ, đảng viên mới kiên định được lập trường, giữ vững ý chí, khát vọng, khả năng vượt qua mọi khó khăn, thử thách để phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, một bộ phận cán bộ đảng viên có biểu hiện phai nhạt "tính Đảng", thậm chí đánh mất "tính Đảng", suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" dẫn đến tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, phải chịu những hình thức kỷ luật của Đảng, thậm chí bị khai trừ khỏi Đảng, phải chịu hình phạt của luật pháp. Trong Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", Đảng ta đã chỉ rõ: "Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật". Điều đó, đã làm suy giảm "tính Đảng" ở một bộ phận cán bộ, đảng viên và làm tổn hại đến thanh danh, uy tín của Đảng.

Để nâng cao "tính Đảng" trong mỗi cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng trong kỷ nguyên mới của dân tộc, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp như sau:

Một là, các cấp ủy đảng phải thực sự coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thường xuyên quán triệt sâu rộng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đặc biệt là các nghị quyết về xây dựng Đảng. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về lịch sử vẻ vang của Đảng và những thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam đã đạt được trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhất là sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới; đặc biệt là chủ trương, đường lối của Đảng trong cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính gắn với nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền tư tưởng chỉ đạo, định hướng lớn của Đảng và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm về kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển của dân tộc.

Hai là, đề cao và phát huy vai trò nêu gương và "tự giác nêu gương" của cán bộ đảng viên theo phương châm "chức vụ càng cao càng phải gương mẫu". Người đứng đầu các cấp, các ngành phải thực sự gương mẫu về đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, nói đi đôi với làm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, tạo sức lan tỏa và niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Tinh thần làm gương phải được thể hiện từ trong tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, hoạt động tự phê bình và phê bình; đến trong quan hệ với Nhân dân, trong công tác, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn đoàn kết nội bộ; kiên quyết đấu tranh với "lợi ích nhóm", với những tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu suy thoái về phẩm chất đạo đức, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Đồng thời, thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả các quy định của Đảng về nêu gương gắn với thực hiện các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đặc biệt, đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13/7/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới.

Ba là, các cấp ủy tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cần khơi dậy ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện "tính Đảng" ở mỗi cán bộ, đảng viên. Mỗi đảng viên phải tự giác học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường kiểm điểm, tự phê bình và phê bình nghiêm

túc, thẳng thắn, trung thực, cầu thị. Thực hiện nghiêm những điều đảng viên không được làm. Luôn đặt lợi ích của Đảng, của Nhân dân lên trên hết, trước hết.

Bốn là, cán bộ đảng viên phát huy tinh thần 7 dám "dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung". Cán bộ, đảng viên phải là những người trung thực, thẳng thắn, khách quan, công tâm, tích cực đấu tranh tự phê bình và phê bình.

Năm là, mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân cần nâng cao tinh thần nhận diện và cảnh giác về những âm mưu, thủ đoạn và các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, hết sức tỉnh táo trước những thông tin sai trái, bịa đặt để kịp thời phát hiện và loại bỏ, góp phần chung sức đồng lòng cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phấn đấu, vượt mọi khó khăn, gian khổ, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đất nước phát triển; Nhân dân ta ngày càng ấm no, hạnh phúc vững bước vào kỷ nguyên mới.

Nâng cao "tính Đảng" không chỉ là trách nhiệm của Đảng mà còn là nguyện vọng tha thiết của Nhân dân. Khi mỗi cán bộ, đảng viên thực sự thấm nhuần "tính Đảng", Đảng sẽ càng thêm vững mạnh, đủ sức lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây chính là sức mạnh nội lực to lớn, bảo đảm vững chắc cho sự vươn lên của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới để xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hùng cường, thịnh vượng và hạnh phúc. /.

Tài liệu tham khảo

1. GS, TS Tô Lâm (2024), *Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới,* Báo Nhân Dân, số 25.193, ngày 01/11/2024, tr. 2.

2, 3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 5, tr. 30.

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT...

(Tiếp theo trang 49)

Sáu là, xây dựng bản sắc văn hóa chung và khơi dậy khát vọng phát triển của con người Thái Nguyên trong không gian tỉnh mới. Đẩy mạnh giao lưu văn hóa, giáo dục truyền thống và kết nối cộng đồng giữa các khu vực. Văn hóa trà, truyền thống cách mạng của ATK cùng các giá trị văn hóa của đồng bào Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Mông và các cộng đồng dân cư khác là những thành tố làm giàu bản sắc Thái Nguyên. Xây dựng bản sắc chung phải trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng, để mỗi người dân thấy rõ vai trò và trách nhiệm đối với tương lai của tỉnh.

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới, Thái Nguyên có nhiều thời cơ để mở rộng không gian phát triển, khai thác các nguồn lực và nâng cao vị thế trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, tiềm năng về đất đai, tài nguyên, vốn, hạ tầng, khoa học - công nghệ chỉ có thể phát huy đầy đủ khi được kết nối bằng lòng tin, sự đồng thuận và trách nhiệm của cộng đồng. Vì vậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc cần được xác định vừa là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, vừa là giải pháp chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội. Đại đoàn kết phải được xây dựng từ cơ sở, bằng dân chủ thực chất, chăm lo lợi ích chính đáng của Nhân dân và bảo đảm công bằng trong thụ hưởng thành quả phát triển. Khi các khu vực, các dân tộc và các tầng lớp xã hội cùng được kết nối trong một khát vọng chung, sức mạnh gần 1,8 triệu người dân Thái Nguyên sẽ trở thành nguồn lực nội sinh to lớn, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng tỉnh phát triển nhanh, bền vững, bản sắc trong kỷ nguyên mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2023), *Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.*

3. Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2025), *Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.*

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TS Nguyễn Thị Thu Thơm
Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong tác phẩm Thường thức chính trị, Hồ Chí Minh chỉ rõ nông dân sẽ trở thành lực lượng rất to lớn, vững chắc khi được đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo. Tư tưởng ấy đặt ra yêu cầu thường xuyên đổi mới công tác vận động, tập hợp nông dân, lấy lợi ích chính đáng và năng lực làm chủ của nông dân làm điểm xuất phát.

Ngày 20/12/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 46-NQ/TW, xác định Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội nòng cốt của giai cấp nông dân, đồng thời yêu cầu đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả. Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã cụ thể hóa yêu cầu này bằng hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ đột phá gắn với chuyển đổi số, kinh tế tập thể, an toàn thực phẩm và doanh nghiệp nông nghiệp. Trong khuôn khổ Bài viết này, mục đích làm rõ cơ sở lý luận, chỉ ra sự kế thừa và phát triển từ Nghị quyết Đại hội VIII đến Nghị quyết Đại hội IX Hội Nông dân Việt Nam. Từ đó, đề xuất một số định hướng tổ chức thực hiện và vận dụng trong giảng dạy lý luận chính trị.

1. Yêu cầu đổi mới phương thức hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vận động quần chúng không phải là tuyên truyền một chiều mà là quá trình tổ chức để nhân dân hiểu quyền lợi, trách nhiệm, biết bàn bạc và chủ động hành động. Đối với nông dân, phương thức hoạt động của Hội phải kết hợp giáo dục chính trị với hỗ trợ sinh kế, nâng cao tri thức, củng cố đoàn kết và phát huy quyền làm chủ. Đây là cơ sở để xác định ba yêu cầu: hoạt động phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của hội viên; tổ chức Hội phải là cầu nối tin cậy giữa nông dân với Đảng, Nhà nước; hiệu quả phong trào phải được kiểm chứng bằng kết quả cụ thể.

Trong giai đoạn mới, kinh tế số, yêu cầu sản xuất xanh, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị đang làm thay đổi sâu sắc sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, Hội không thể chỉ dừng ở vận động phong trào mà phải nâng cao năng lực tư vấn, kết nối thị trường, hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nông dân. Điều lệ Hội nông dân Việt Nam khóa IX tiếp tục khẳng định chức năng tập hợp, chăm lo, đại diện; đồng thời, làm rõ nhiệm vụ chuyển đổi số, giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng chính sách.

2. Phương thức hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam

Phương thức hoạt động là cách thức tổ chức Hội tiến hành các nhiệm vụ chính trị để hiện thực hóa mục tiêu tập hợp, đoàn kết và phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Qua các nhiệm kỳ, phương thức hoạt động của Hội tập trung ở năm nội dung cơ bản: tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật và Điều lệ Hội đến hội viên, nông dân; vận động, tập hợp, đoàn kết nông dân qua sinh hoạt chi, tổ Hội và các phong trào thi đua lớn; tổ chức dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dạy nghề, phát triển kinh tế tập thể; đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, kịp thời nắm bắt, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân; và thực hiện giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế.

Những phương thức trên vừa kế thừa truyền thống vận động quần chúng của Đảng, vừa được cụ thể hóa trong Điều lệ Hội qua từng nhiệm kỳ. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị cho thấy phương thức hoạt động chưa được đổi mới mạnh mẽ, chưa khơi dậy đầy đủ tiềm năng, sức sáng tạo của nông dân, đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động trong giai đoạn mới.

3. Sự kế thừa và phát triển từ Nghị quyết Đại hội VIII đến Nghị quyết Đại hội IX của Hội Nông dân Việt Nam

Nghị quyết Đại hội IX Hội Nông dân Việt Nam, nhiệm kỳ 2026 - 2031 kế thừa định hướng xây dựng Hội vững mạnh, phát huy vai trò chủ thể của nông dân và phát triển kinh tế tập thể từ Đại hội VIII; đồng thời, chuyển từ định hướng rộng sang các trọng tâm có thể đo lường. Khẩu hiệu "Đoàn kết - Dân chủ - Sáng tạo - Hợp tác - Phát triển" của khóa VIII Hội Nông dân được điều chỉnh thành "Đoàn kết - Dân chủ - Đột phá - Hợp tác - Phát triển", nhấn mạnh yêu cầu tạo ra kết quả cụ thể. Cả hai khóa đều giữ 5 mục tiêu tổng quát, nhưng Đại hội IX tinh gọn từ 17 chỉ tiêu, 7 nhiệm vụ, 3 nhiệm vụ đột phá của khóa VIII Hội Nông dân xuống còn 11 nhóm chỉ tiêu, 6 nhóm nhiệm vụ, 4 nhiệm vụ đột phá.

Ba nhiệm vụ đột phá của khóa VIII: đổi mới tập hợp nông dân, phát triển kinh tế tập thể, nâng cao kỹ năng cán bộ được Đại hội IX kế thừa nhưng gắn cụ thể với chuyển đổi số, an toàn thực phẩm, kỹ năng số, đồng thời bổ sung nhiệm vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nông nghiệp. Nếu khóa VIII Hội Nông dân mới dừng ở hỗ trợ thương mại điện tử và ứng dụng khoa học kỹ thuật, thì Đại hội IX Hội Nông dân đặt chuyển đổi số thành yêu cầu xuyên suốt, với chỉ tiêu ít nhất 70% hội viên có kỹ năng số và 100% sản phẩm OCOP do Hội hỗ trợ được truy xuất nguồn gốc. Về kinh tế tập thể, Đại hội IX Hội Nông dân chuyển từ hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, vốn và tiêu thụ sản phẩm sang gắn với an toàn thực phẩm và chuỗi cung ứng, đặt mục tiêu hỗ trợ 300 hợp tác xã kết nối chuỗi thực phẩm an toàn và thành lập ít nhất 5.000 doanh nghiệp nông nghiệp.

Hệ thống 11 nhóm chỉ tiêu này thể hiện tư duy quản trị theo kết quả, là căn cứ phân công, kiểm tra, giám sát và xác định trách nhiệm của từng cấp Hội.

4. Một số định hướng đổi mới phương thức hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam

Một là, đổi mới tập hợp, đoàn kết nông dân trên nền tảng kết hợp trực tiếp với trực tuyến. Xây dựng và chuẩn hóa dữ liệu hội viên, tổ chức sinh hoạt theo nhu cầu nghề nghiệp, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng. Chuyển đổi số phải tạo thuận lợi cho hội viên và nâng cao năng lực điều hành, không chạy theo hình thức.

Hai là, chuyển từ hỗ trợ đơn lẻ sang đồng hành theo chuỗi giá trị. Các cấp Hội cần gắn tổ Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác và hợp tác xã với tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và kết nối thị trường, tạo đột phá đổi mới phương thức tập hợp, vận động, thu hút nhân dân tham gia. Cán bộ Hội cơ sở phải có năng lực phát hiện nhu cầu, huy động nguồn lực và kết nối chuyên gia, doanh nghiệp, ngân hàng.

Ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hội viên nòng cốt. Nội dung bồi dưỡng cần chuyển từ phổ biến kiến thức chung sang kỹ năng số, quản trị hợp tác, pháp luật thị trường, tổ chức sản xuất và đối thoại chính sách. Kết quả đào tạo phải được đánh giá qua khả năng giải quyết công việc và mức độ hài lòng của hội viên.

Bốn là, phát huy vai trò đại diện, giám sát và phản biện xã hội. Hội cần chủ động khảo sát những vấn đề nông dân quan tâm, tổ chức đối thoại, đề xuất chính sách và theo dõi việc giải quyết kiến nghị. Đây là phương thức quan trọng để củng cố niềm tin, thực hành dân chủ ở cơ sở và đưa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước vào cuộc sống.

5. Vận dụng trong nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị

Đối với giảng viên lý luận chính trị, việc đối chiếu Nghị quyết Đại hội VIII và IX Hội Nông dân Việt Nam giúp làm rõ quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận trong điều kiện mới. Nội dung này có thể được sử dụng như một tình huống giảng dạy: từ yêu cầu "lấy dân làm gốc" đến thiết kế tổ chức, chỉ tiêu và cơ chế giám sát cụ thể. Qua đó, lý luận gắn với thực tiễn.

Nghị quyết Đại hội IX Hội Nông dân Việt Nam kế thừa nền tảng của Đại hội VIII; đồng thời, thể hiện bước phát triển rõ về tư duy đột phá, chuyển đổi số, trọng tâm xây dựng "Người nông dân số" phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế; kinh tế tập thể gắn với an toàn thực phẩm, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp và quản trị theo kết quả. Để Nghị quyết đi vào cuộc sống, đổi mới phương thức hoạt động phải được tiến hành đồng bộ từ tập hợp hội viên, hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao năng lực cán bộ đến giám sát, phản biện xã hội. Thước đo cuối cùng không phải số lượng hoạt động, mà là năng lực làm chủ, thu nhập, quyền lợi chính đáng và niềm tin của nông dân được nâng lên./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (2026), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031, ngày 08/6/2026.*

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (2023), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028, ngày 27/12/2023.*

3. Bộ Chính trị (2023), *Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 20/12/2023 về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.*

4. Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (2026), *Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa IX, ban hành kèm theo Quyết định số 09-QĐ/HNDTW ngày 22/6/2026.*

5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 8,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 258.

TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HÓA Ở THÁI NGUYÊN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

ThS Trần Thu Trang

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Những năm gần đây, Thái Nguyên đang có bước chuyển mạnh mẽ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa. Từ một địa phương có nền kinh tế dựa nhiều vào nông - lâm nghiệp, Thái Nguyên đang từng bước hình thành không gian phát triển công nghiệp - đô thị năng động, trở thành một trong những cực tăng trưởng quan trọng của khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Theo định hướng đến năm 2030, toàn tỉnh sẽ có 11 khu công nghiệp và 1 khu công nghệ thông tin tập trung.

Đầu năm 2026, Thái Nguyên tiếp tục ghi nhận kết quả nổi bật trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với hơn 5,7 tỷ USD vốn đăng ký trong quý I. Cùng với sự gia tăng các dự án đầu tư, nhiều tuyến giao thông, khu dân cư, trung tâm thương mại, dịch vụ và công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, mở rộng. Từ Phổ Yên, Điềm Thụy đến Quyết Thắng và nhiều khu vực khác, những vùng đất trước đây chủ yếu sản xuất nông nghiệp đang từng bước hình thành các khu công nghiệp và không gian đô thị mới, tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, việc làm và nâng cao điều kiện sống của người dân.

Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa nhanh cũng đặt ra những vấn đề mới đối với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển hạ tầng. Sự gia tăng diện tích xây dựng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dân số và các hoạt động sản xuất, dịch vụ làm gia tăng áp lực lên đất đai, nguồn nước, không khí, hệ thống thoát nước và không gian xanh. Trong bối cảnh đó, vấn đề đặt ra đối với Thái Nguyên không phải là có tiếp tục đô thị hóa hay không, mà là tổ chức và quản lý quá trình đô thị hóa như thế nào để vừa khai thác được động lực phát triển, vừa kiểm soát các tác động đến môi trường và bảo đảm chất lượng sống của người dân.

1. Đô thị hóa và những tác động đến môi trường ở Thái Nguyên

Một trong những tác động rõ nét của đô thị hóa là sự thay đổi nhanh chóng trong sử dụng đất. Đất nông nghiệp, đất trống, ao hồ và các không gian tự nhiên được chuyển đổi để xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông và các công trình đô thị. Đây là quá trình tất yếu khi không gian kinh tế - xã hội được mở rộng, nhưng nếu thiếu quy hoạch đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ có thể làm thu hẹp không gian sinh thái, giảm diện tích cây xanh, mặt nước và gia tăng áp lực lên hạ tầng môi trường.

Sự gia tăng diện tích bê tông, đường giao thông và các công trình xây dựng làm giảm khả năng thấm nước tự nhiên của đất. Trong điều kiện mưa lớn, nước tập trung nhanh có thể làm quá tải hệ thống thoát nước, gây ngập úng cục bộ. Vì vậy, vấn đề ngập úng đô thị không chỉ là câu chuyện của hệ thống cống rãnh mà còn liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, mật độ xây dựng và việc bảo vệ các không gian có chức năng tiêu thoát, điều hòa nước tự nhiên.

Đô thị hóa cũng kéo theo sự gia tăng dân số cơ học, phương tiện giao thông, nhu cầu sử dụng điện, nước và các hoạt động tiêu dùng. Lượng chất thải sinh hoạt, nước thải, khí thải và tiếng ồn vì thế có xu hướng gia tăng. Nếu

hệ thống thu gom, xử lý chất thải và nước thải không được đầu tư tương xứng, áp lực lên môi trường sẽ ngày càng lớn.

Đối với các khu công nghiệp, vấn đề môi trường càng cần được quan tâm. Sự phát triển công nghiệp tạo ra nguồn lực lớn cho kinh tế địa phương, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ công nghệ sản xuất, nước thải, khí thải, chất thải rắn và tiếng ồn. Hiệu quả của một dự án vì vậy không thể chỉ được đánh giá bằng vốn đầu tư, số việc làm hay đóng góp ngân sách mà phải tính đến tác động lâu dài đối với môi trường và cộng đồng dân cư.

Bên cạnh đó, việc thu hẹp không gian xanh và mặt nước có thể làm suy giảm khả năng điều hòa tự nhiên của đô thị. Trong những ngày nắng nóng, khu vực có mật độ xây dựng cao dễ hình thành hiệu ứng đảo nhiệt; trong những trận mưa lớn, khả năng tiêu thoát nước tự nhiên bị hạn chế. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, những tác động này có thể làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương của đô thị trước các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Như vậy, tác động môi trường của đô thị hóa không chỉ biểu hiện ở ô nhiễm, rác thải hay ngập úng trước mắt mà còn thể hiện ở những thay đổi lâu dài đối với đất đai, hệ sinh thái, không gian xanh và khả năng tự điều hòa của đô thị.

2. Những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước

Vấn đề cốt lõi đặt ra đối với quản lý nhà nước là phải cân bằng giữa phát triển kinh tế, mở rộng đô thị và bảo vệ môi trường. "Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế" là chủ trương nhất quán tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và XIV của Đảng. Do đó, quy hoạch đô thị phải có tầm nhìn dài hạn và đồng bộ. Các yếu tố như đất đai, giao thông, cấp thoát nước, khu công nghiệp, cây xanh và hạ tầng xã hội phải gắn kết chặt chẽ. Một quyết định sử dụng đất sai lầm hôm nay sẽ để lại hậu quả cho môi trường và đời sống dân cư nhiều năm sau.

Một vấn đề quan trọng nữa là quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi đất đai. Việc chuyển đất nông nghiệp sang đất đô thị, công nghiệp là cần thiết nhưng phải đặt trong tổng thể không gian bền vững. Nhà quản lý không chỉ nhìn vào diện tích đất được chuyển đổi, mà phải đánh giá trước tác động của nó đến dân cư, giao thông, hệ thống thoát nước và sinh thái khu vực.

Công tác quản lý cũng cần chuyển dần từ xử lý sự vụ sang chủ động dự báo. Nếu chỉ xử lý ngập úng sau khi xảy ra mưa lớn, xử lý ô nhiễm sau khi người dân phản ánh hoặc xử lý chất thải sau khi phát sinh điểm nóng thì chính quyền luôn ở thế bị động. Quản lý đô thị hiện đại phải nhận diện trước những nguy cơ có thể phát sinh từ quá trình phát triển để chủ động phòng ngừa.

Yêu cầu khác là nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Các vấn đề về đô thị và môi trường thường liên quan đồng thời đến đất đai, xây dựng, giao thông, tài nguyên và môi trường, dân cư, công nghiệp và dịch vụ. Nếu mỗi cơ quan chỉ quản lý trong phạm vi ngành mình thì khó có thể giải quyết hiệu quả những vấn đề mang tính liên ngành.

Trong quá trình đô thị hóa, người dân cần được xem là chủ thể của quá trình phát triển. Các vấn đề về quy hoạch, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, xây dựng khu dân cư, môi trường và hạ tầng đều tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân. Công khai thông tin, tăng cường đối thoại và tiếp nhận ý kiến của người dân không chỉ nhằm tạo đồng thuận mà còn giúp chính quyền nhận diện sớm những vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

3. Tăng cường quản lý nhà nước đối với đô thị hóa gắn với bảo vệ môi trường

Để đô thị hóa thực sự trở thành động lực phát triển bền vững, cần tiếp tục nâng cao hiệu

lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trong đó tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng và tính đồng bộ của quy hoạch đô thị. Quy hoạch phải có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm sự thống nhất giữa các cấp, các ngành và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch cần dự báo đầy đủ xu hướng gia tăng dân số, nhu cầu sử dụng đất, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và mở rộng không gian đô thị; hạn chế tình trạng điều chỉnh quy hoạch tùy tiện hoặc phát triển đô thị thiếu kiểm soát. Đồng thời, cần tăng cường công khai thông tin quy hoạch, bảo đảm tính minh bạch và khả năng tiếp cận của người dân, doanh nghiệp.

Thứ hai, tăng cường quản lý đất đai và kiểm soát việc sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa. Việc chuyển đổi đất nông nghiệp và các loại đất khác phục vụ phát triển công nghiệp, đô thị phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng quy định pháp luật. Cần kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất sau thu hồi, hạn chế tình trạng dự án chậm triển khai, để đất hoang hóa hoặc sử dụng không đúng mục đích. Đối với những khu vực có vai trò quan trọng về sinh thái, tiêu thoát nước, mặt nước và cây xanh, cần có cơ chế quản lý phù hợp nhằm bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu phát triển và bảo vệ môi trường.

Thứ ba, tăng cường kiểm soát ô nhiễm và bảo đảm hạ tầng môi trường đáp ứng yêu cầu đô thị hóa. Đối với các khu công nghiệp, cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt chẽ nước thải, khí thải, chất thải rắn và tiếng ồn; kiên quyết xử lý các doanh nghiệp vi phạm. Đối với khu vực đô thị, cần đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải; nâng cao năng lực tiêu thoát nước; phát triển cây xanh, công viên, hồ điều hòa và không gian công cộng. Hạ tầng môi trường phải được đầu tư phù hợp với quy mô dân số và tốc độ phát triển đô thị, tránh tình trạng phát triển khu dân cư, khu công nghiệp nhanh hơn khả năng đáp ứng của hạ tầng.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản trị đô thị và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu trong quản lý. Quản lý đô thị cần chuyển dần từ xử lý sự vụ sang chủ động dự báo và phòng ngừa. Việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu trong quản lý đất đai, dân cư, giao thông, thoát nước và môi trường sẽ giúp chính quyền theo dõi, dự báo và đưa ra quyết định kịp thời. Cùng với đó, cần xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu giữa các lĩnh vực có liên quan, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý, qua đó nâng cao tính thống nhất, minh bạch và hiệu quả quản lý đô thị.

Thứ năm, tăng cường sự tham gia của người dân và bảo đảm hài hòa lợi ích trong quá trình đô thị hóa. Các thông tin về quy hoạch, dự án, môi trường và những thay đổi có tác động trực tiếp đến cộng đồng cần được công khai, minh bạch. Chính quyền cần duy trì cơ chế đối thoại, tiếp nhận và xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị chính đáng của người dân. Đối với những hộ bị thu hồi đất để thực hiện các dự án đô thị, công nghiệp, cần thực hiện đầy đủ chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời quan tâm đào tạo nghề, tạo việc làm và ổn định sinh kế. Khi quyền và lợi ích chính đáng của người dân được bảo đảm, người dân sẽ có điều kiện và động lực tham gia, đồng hành cùng chính quyền trong quá trình phát triển đô thị.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với quá trình đô thị hóa, hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường và nâng cao chất lượng sống của người dân. Đối với Thái Nguyên, đây cũng là cơ sở để khai thác tốt lợi thế của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, đồng thời bảo đảm sự phát triển ổn định, hài hòa và phát triển bền vững./.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TẠI XÃ CẨM GIÀNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nông Thị Thanh Hường

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của Đảng, là nguồn sức mạnh to lớn, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, khi cả nước đang đẩy mạnh thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng trở nên quan trọng. Với chức năng là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai tầng xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cẩm Giàng, tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều cách làm sáng tạo, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa và giữ vững ổn định chính trị tại địa phương.

1. Những kết quả đạt được trong hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cẩm Giàng

Thứ nhất, phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận xã hội trong Nhân dân.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là ổn định tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động đối với các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Xác định rõ nhiệm vụ đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đã chủ động phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức đa dạng. Trong năm 2025, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên đã tổ chức 259 cuộc tuyên truyền với 16.835 lượt người tham gia; đăng tải 253 tin, bài trên các nền tảng số, thu hút trên 11.000 lượt tương tác. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương lớn của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, lấy ý kiến sửa đổi Hiến pháp năm 2013 và các Văn kiện đại hội đảng bộ các cấp. Tháng 6 năm 2026, thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia ý kiến về phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân, góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng đến với người dân và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân đến cấp ủy, chính quyền địa phương.

Thứ hai, phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Trong năm 2025, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đã tích cực phối hợp tổ chức các hội nghị lấy ý kiến Nhân dân đối với các vấn đề quan trọng của địa phương; chủ động nắm bắt tình hình Nhân dân, tổng hợp các ý kiến, kiến nghị phản ánh với cấp ủy, chính quyền. Công tác lấy ý kiến được triển khai rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Ban công tác Mặt trận các khu dân cư, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã. Hình thức lấy ý kiến được triển khai phù hợp như: tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý văn kiện Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, kết quả: có trên 28

ý kiến góp ý vào dự thảo Hiến pháp năm 2013; 14 ý kiến tham gia góp ý cụ thể các chỉ tiêu, mục tiêu văn kiện và dự thảo nghị quyết; tổ chức thông qua các hình thức trên nền tảng mạng xã hội (Facebook, Fanpage, Zalo).

Công tác tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện đúng quy định. Trong năm 2025, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp trên trong việc xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung, lựa chọn địa điểm, thành phần cử tri và điều hành các buổi tiếp xúc, bảo đảm đúng quy trình, phát huy được hiệu quả. Tại các buổi tiếp xúc, đại biểu Hội đồng nhân dân xã đã thông tin kịp thời đến cử tri về nội dung, chương trình kỳ họp, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Đồng thời, lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng của cử tri. Kết quả, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phối hợp tổ chức 01 cuộc tiếp xúc cử tri với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, có 64 cử tri tham dự với 30 ý kiến; 17 cuộc tiếp xúc cử tri với đại biểu Hội đồng nhân dân xã trước và sau kỳ họp với trên 700 lượt cử tri tham dự, tiếp nhận 70 lượt ý kiến của cử tri. Sau các cuộc tiếp xúc cử tri Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phân loại, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân xã và chuyển đến cơ quan, đơn vị liên quan để xem xét, trả lời ý kiến. Đồng thời, thường xuyên theo dõi kết quả trả lời của các cơ quan chức năng, thông báo kết quả các kỳ họp cho cử tri và Nhân dân. Qua đó, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với hệ thống chính trị ở cơ sở.

Thứ ba, huy động hiệu quả sức mạnh đoàn kết toàn dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước.

Huy động sức mạnh của các tầng lớp Nhân dân tham gia thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động lớn, nổi bật là phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự chung tay của cộng đồng, địa phương đã hoàn thành hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 103/103 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn, đạt 100% kế hoạch đề ra. Tổng nguồn lực huy động gần 6 tỷ đồng cùng hơn 700 ngày công lao động. Kết quả này không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ vật chất cho người dân mà còn thể hiện sâu sắc tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của cộng đồng. Qua phong trào đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu sẵn sàng đóng góp công sức, vật chất để hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn, góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn trong xã hội.

Bên cạnh đó, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" tiếp tục được triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của đông đảo quần chúng Nhân dân. Nhiều hộ gia đình đã đóng góp ngày công lao động để xây dựng, sửa chữa đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng; tham gia xây dựng khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa, góp phần tạo cảnh quan khang trang, sạch đẹp và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng. Nhiều mô hình thiết thực, sáng tạo được triển khai hiệu quả góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm cộng đồng, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh. Kêu gọi và tổ chức chương trình phát động ủng hộ đồng bào bị thiên tai mưa, lũ và hưởng ứng tháng cao điểm "Vì người nghèo" năm 2025 trong toàn thể cán bộ, hội viên, đoàn viên và Nhân dân.

Thông qua việc tổ chức các phong trào, cuộc vận động và Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đã tạo môi trường để các tầng lớp Nhân dân giao lưu, gắn kết, chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế và xây dựng đời sống văn hóa. Năm 2025, ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc được tổ chức tại 100% khu dân cư với nhiều hoạt động thiết thực, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Thông qua ngày hội, hàng nghìn hộ gia đình tiêu biểu được biểu dương, nhiều tập thể được khen thưởng vì có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước.

2. Một số khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cẩm Giàng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vẫn còn một số hạn chế nhất định. Công tác thông tin tuyên truyền, nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng, dư luận xã hội của Nhân dân có lúc chưa chủ động, kịp thời; chế độ thông tin báo cáo chưa kịp thời, chất lượng chưa cao. Một số Ban công tác Mặt trận khu dân cư chưa phát huy đầy đủ vai trò và trách nhiệm trong công tác nắm bắt tình hình nhân dân; việc ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong chỉ đạo và triển khai hoạt động còn hạn chế. Nguyên nhân là do trình độ, nhận thức của người dân trên địa bàn không đồng đều; địa bàn rộng, dân cư không tập trung; cơ sở vật chất phục vụ cho công tác tại các thôn chưa được đầu tư trang thiết bị; phương thức hoạt động của một số Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư còn lúng túng, chưa đáp ứng với yêu cầu tình hình nhiệm vụ; trình độ, năng lực của một số cán bộ làm công tác Mặt trận còn hạn chế, chưa thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, chưa chủ động áp dụng công cụ số hóa để thực hiện nhiệm vụ, kỹ năng vận động quần chúng, nắm bắt tình hình chưa thật nhạy bén; kinh phí hoạt động của các Ban công tác mặt trận thôn không đáp ứng được yêu cầu công tác.

3. Giải pháp phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cẩm Giàng

Một là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động Nhân dân theo hướng gần dân, sát dân, lấy người dân làm trung tâm. Nội dung tuyên truyền phải gắn với những vấn đề thiết thực mà người dân quan tâm; tăng cường ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội trong công tác tuyên truyền; phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hai là, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã cần nâng cao chất lượng công tác nắm bắt tình hình Nhân dân, chủ động phát hiện và phản ánh kịp thời những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc với cấp ủy, chính quyền, các tổ chức thành viên và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư nhằm bảo đảm thông tin được tiếp nhận và xử lý nhanh chóng, hiệu quả.

Ba là, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội, lựa chọn những vấn đề Nhân dân quan tâm như thực hiện chính sách an sinh xã hội, quản lý đất đai, giải quyết thủ tục hành chính, xây dựng nông thôn mới để tổ chức giám sát. Đồng thời, tăng cường theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kỹ năng dân vận, kỹ năng tuyên truyền, vận động quần chúng và khả năng ứng dụng công nghệ số. Quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện mới.

Năm là, tiếp tục phát huy vai trò của các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chủ trì. Việc triển khai các phong trào phải hướng về cơ sở, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Thông qua các phong trào để tăng cường sự gắn kết cộng đồng, củng cố niềm tin của Nhân dân và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Việc triển khai hiệu quả các giải pháp này không chỉ góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền mà còn phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân. Khẳng định vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở cơ sở, tạo động lực quan trọng để thực hiện hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cẩm Giàng (2025), *Báo cáo số 36/BC-MTTQ-BTT ngày 21/11/2025 về kết quả công tác Mặt trận năm 2025, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026.*

SỰ KIỆN NỔI BẬT THÁNG 8, THÁNG 9 NĂM 2026 TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thị Hải Yến
Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học

1. Trường Chính trị tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và tháng 7/2026; triển khai phương hướng, nhiệm vụ 5 tháng cuối năm

Sáng ngày 03/8/2026, Trường Chính trị tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và tháng 7/2026; triển khai phương hướng, nhiệm vụ 5 tháng cuối năm. PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng chủ trì Hội nghị. Tham dự có các đồng chí trong Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng cùng toàn thể cán bộ, viên chức Nhà trường.

Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Phúc Ái, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng trình bày Báo cáo sơ kết thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và tháng 7/2026. Báo cáo đánh giá, Nhà trường đã phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ đề ra; đồng thời tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2.

Các đại biểu tập trung thảo luận, đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ, đẩy mạnh chuyển đổi số và thực hiện các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2.

Phát biểu kết luận, PGS, TS Phạm Việt Đức yêu cầu các khoa, phòng tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, chủ động phối hợp và quyết tâm hoàn thành toàn diện nhiệm vụ năm 2026; trong đó, trọng tâm là hoàn thành các chỉ tiêu công tác và đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2./.

2. Trường Chính trị tỉnh triển khai số hóa, tạo lập hồ sơ đảng viên điện tử

Thực hiện Kế hoạch số 87-KH/ĐU, ngày 18/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên về số hóa, tạo lập dữ liệu và hồ sơ đảng viên điện tử trong toàn Đảng bộ, từ ngày 01 đến 05/8/2026, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh triển khai số hóa hồ sơ đảng viên theo lịch của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh.

Để bảo đảm tiến độ, chất lượng, Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh đã chỉ đạo các chi bộ trực thuộc rà soát, kiểm kê, chỉnh lý, chuẩn hóa hồ sơ; đồng thời, chuẩn bị các điều kiện cần thiết về nhân lực, hồ sơ và hạ tầng kỹ thuật. Quá trình số hóa được thực hiện theo đúng quy trình nghiệp vụ, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, bảo mật và an toàn thông tin. Hồ sơ sau khi số hóa được kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ giấy trước khi cập nhật lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu đảng viên điện tử.

Việc số hóa, tạo lập hồ sơ đảng viên điện tử góp phần thực hiện Kế hoạch số 122-KH/TU, ngày 15/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng cơ sở dữ liệu đảng viên tập trung, đồng bộ; đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số

trong công tác xây dựng Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý đảng viên. Hoạt động này thể hiện tinh thần chủ động, nghiêm túc của Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh trong thực hiện chuyển đổi số, góp phần xây dựng tổ chức đảng ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả./.

3. Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức thao giảng đồng giảng, triển khai mô hình "Giảng viên - Học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới"

Chiều ngày 08/9/2026, Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức thao giảng đồng giảng cấp khoa và triển khai mô hình "Giảng viên - Học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới" tại Lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung, khóa 61. Dự và chỉ đạo buổi thao giảng có đại diện Ban Giám hiệu, lãnh đạo, giảng viên các khoa, phòng cùng toàn thể giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật.

Hoạt động thao giảng là sinh hoạt chuyên môn nghiệp vụ thường niên, góp phần đánh giá, chuẩn hóa và nâng cao năng lực sư phạm của đội ngũ giảng viên. Việc triển khai mô hình đồng giảng, kết hợp phương pháp "đồng kiến tạo" hướng đến đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tương tác, phát huy kinh nghiệm thực tiễn của học viên và nâng cao tính thực tiễn của bài giảng.

Tại buổi thao giảng, các giảng viên và học viên cùng trao đổi, thảo luận, liên hệ thực tiễn. Qua đó, làm rõ những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý nhà nước và thực thi công vụ. Hoạt động thao giảng diễn ra nghiêm túc, khoa học, nhận được nhiều ý kiến trao đổi, góp ý chuyên môn thiết thực. Đây là hoạt động góp phần thực hiện chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đồng thời, tạo cơ sở để Khoa Nhà nước và pháp luật tiếp tục hoàn thiện, nhân rộng mô hình điển hình cấp trường trong thời gian tới, góp phần thực hiện các tiêu chí xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2./.

4. Lớp Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị đi nghiên cứu thực tế tại tỉnh Tuyên Quang

Ngày 16/8/2026, Lớp Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị do Văn phòng Đề án 587, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tổ chức nghiên cứu thực tế tại tỉnh Tuyên Quang. Tham gia chương trình có các học viên là giảng viên các trường chính trị khu vực Đông Bắc Bộ. Về phía Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên có đồng chí PGS, TS Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng cùng các đồng chí trong Ban Giám hiệu và đại diện lãnh đạo các khoa, phòng.

Trong chương trình, đoàn đã dâng hương, tham quan Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; tìm hiểu những giá trị lịch sử, truyền thống cách mạng và thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của Đảng trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đoàn cũng đến Trường Chính trị tỉnh Tuyên Quang trao đổi, làm việc và nghe báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và chuyển đổi số. Các đại biểu chia sẻ kinh nghiệm, cách làm mới, đồng thời trao đổi về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình nâng cao chất lượng hoạt động của trường chính trị.

Chương trình nghiên cứu thực tế góp phần gắn kiến thức, phương pháp nghiên cứu với thực tiễn, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của học viên, phục vụ công tác giảng dạy và thực hiện nhiệm vụ tại các trường chính trị./.



Tổ Chuyển đổi số Trường Chính trị tỉnh tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn ứng dụng AI trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học



Khoa Nhà nước và pháp luật tổ chức thao giảng, đồng giảng cấp khoa, triển khai mô hình giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức, giá trị mới tại Lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung, khóa 61



Trường Chính trị tỉnh tổ chức Lễ khai giảng
Lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung, khóa 62



Đại biểu và tập thể Lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ không tập trung, khóa 70 chụp ảnh lưu niệm tại Lễ bế giảng